

CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL

Số: 125/CV-HANEL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2020

## CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Hanel

- Mã chứng khoán: HNE

- Địa chỉ: Số 02 Chùa Bộc, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Hà Nội

- Điện thoại liên hệ: 024 38522102

Fax: 024 38525770

- E-mail: trangdq@hanel.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Hanel trân trọng thông báo về cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 như sau:

- Thời gian: 8h30 ngày 30/6/2020.

- Hình thức tổ chức Đại hội: Đại hội trực tuyến (tất cả các cổ đông có thể tham gia đại hội trực tuyến tại bất kỳ địa điểm nào có kết nối Internet).

- Địa điểm điều hành Đại hội: Tầng 6, Công ty cổ phần Hanel, số 02 Chùa Bộc, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

- Đối tượng dự họp: Các cổ đông theo danh sách chốt cổ đông ngày 31/5/2021.

- Tài liệu phục vụ Đại hội được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Hanel tại đường dẫn <https://hanel.com.vn>, mục Quan hệ cổ đông.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn <https://hanel.com.vn>, mục Quan hệ cổ đông vào ngày 08/6/2021.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS, Người được UQ CBTT;
- Lưu VT./.

Đại diện tổ chức  
Người đại diện theo pháp luật



Bùi Thị Hải Yến

## CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL



**Địa chỉ:** Số 2, phố Chùa Bộc, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:** số 0100102206 do Sở KH&ĐT thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 06 tháng 9 năm 2019

**Điện thoại:** (84.24) 3852 2102 - 3852 4555 **Fax:** (84.24) 3852 5770

**Website:** <https://hanel.com.vn/>

## THÔNG BÁO MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

**Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần Hanel**

Công ty Cổ phần Hanel trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 được tổ chức như sau:

- 1. Thời gian:** 08h30 Thứ tư ngày 30 tháng 06 năm 2021
- 2. Hình thức tổ chức Đại hội:** Đại hội trực tuyến (tất cả các cổ đông có thể tham gia đại hội trực tuyến tại bất kì địa điểm nào có kết nối Internet).
- 3. Địa điểm điều hành Đại hội:** Công ty Cổ phần Hanel, Số 02 Chùa Bộc, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
- 4. Thành phần dự họp:** Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 31/05/2021.
- 5. Chương trình và tài liệu Đại hội:** Chi tiết nội dung, chương trình, tài liệu, hướng dẫn tham dự Đại hội được đăng tải tại website Công ty: <https://hanel.com.vn/quan-he-co-dong/> bắt đầu từ Thứ Ba, ngày 08/06/2021. Ngoài ra cổ đông có thể xem và tải tài liệu họp tại Website: <https://ezgsm.fpts.com.vn/> (mục Tài liệu đại hội). Đề nghị Quý cổ đông nghiên cứu trước tài liệu Đại hội.
- 6. Cách thức đăng ký và tham dự Đại hội cổ đông trực tuyến**

Quý cổ đông vui lòng truy cập vào website <https://ezgsm.fpts.com.vn/> để tham dự Đại hội trực tuyến bằng các thiết bị: máy tính cá nhân/ máy tính xách tay/ máy tính bảng/ điện thoại thông minh có kết nối internet. Thông tin đăng nhập như dưới đây:

**Tên đăng nhập (Username) : Được gửi trong thư mời họp đến từng cổ đông**

**Mật khẩu (Password) : Được gửi trong thư mời họp đến từng cổ đông**

**Lưu ý:** Quý cổ đông có trách nhiệm bảo mật thông tin đăng nhập của mình để đảm bảo chỉ có cổ đông mới có quyền tham dự và bỏ phiếu trên hệ thống. Công ty không chịu trách nhiệm đối với những vấn đề phát sinh do cổ đông làm mất thông tin đăng nhập.

- 7. Biểu quyết:** Quý cổ đông thực hiện quyền biểu quyết tại website: <https://ezgsm.fpts.com.vn/>

- 8. Ủy quyền tham dự đại hội:**

Nếu Quý Cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội, Quý Cổ đông vui lòng Đăng ký Ủy quyền dự Đại hội tại website: <https://ezgsm.fpts.com.vn/> và gửi Giấy



Ủy quyền đã ký về địa chỉ dưới đây **trước 17h00 Thứ sáu ngày 25/06/2021** để Công ty cung cấp thông tin đăng nhập cho người được ủy quyền tham dự Đại hội.

**Ghi chú:** Theo quy định mới tại Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14: Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Giấy ủy quyền hợp lệ phải có chữ ký của người ủy quyền và người nhận ủy quyền, dấu của Công ty (đối với cổ đông là tổ chức);

Địa chỉ nhận tài liệu, câu hỏi thảo luận và liên hệ hỗ trợ:

Địa chỉ:	Email/Điện thoại:
Công ty Cổ phần Hanel Địa chỉ văn phòng: Số 2, phố Chùa Bộc, phường Trung Tự, quận Đống Đa, Hà Nội.	Email: <a href="mailto:info@hanel.com.vn">info@hanel.com.vn</a> Điện thoại: 024. 3852 4555 (máy lẻ 226 – bp kỹ thuật, máy lẻ 209 - Ban tổ chức ĐH)

*Rất mong Quý cổ đông tham dự đầy đủ và đúng giờ để đảm bảo Đại hội thành công tốt đẹp.*

*Trân trọng thông báo./.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
HANEL

NGUYỄN ĐÌNH VINH

M.S.D.N: 0160102206  
Q. ĐÔNG ĐA - T.P HÀ NỘI

0102206 - C.T.C.P  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
HANEL  
Q. ĐÔNG ĐA - T.P HÀ NỘI

Hà Nội, ngày 04 tháng 6 năm 2021

**CHƯƠNG TRÌNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021  
CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL**

**Địa điểm:** Tầng 6, Công ty CP Hanel, Số 02 Chùa Bộc, P. Trung Tự, Q. Đống Đa, Hà Nội

**Thời gian tổ chức:** Từ 8h30 ngày 30 tháng 6 năm 2021

Thời gian	Nội dung
8 <sup>h</sup> 00 - 8 <sup>h</sup> 30	Tiếp đại biểu, cổ đông, kiểm tra tư cách cổ đông, lập danh sách cổ đông có mặt
8 <sup>h</sup> 30 - 8 <sup>h</sup> 45	Khai mạc Đại hội Tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu đến dự
8 <sup>h</sup> 45 - 9 <sup>h</sup> 00	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách đại biểu là cổ đông tham dự Đại hội, tuyên bố đủ điều kiện tiến hành Đại hội theo quy định của pháp luật
9 <sup>h</sup> 00 - 9 <sup>h</sup> 15	- Thông qua Đoàn Chủ tọa, Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu - Thông qua chương trình Đại hội - Thông qua quy chế làm việc của Đại hội
9 <sup>h</sup> 15 - 10 <sup>h</sup> 30	- Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021; - Báo cáo của HĐQT về hoạt động năm 2020 và định hướng năm 2021; - Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021; - Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 và Phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính 2021; - Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức và phương án trả lương cho Người quản lý năm 2020 và kế hoạch năm 2021; - Tờ trình thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Công ty CP Hanel; - Tờ trình thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị; - Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
10 <sup>h</sup> 30 - 11 <sup>h</sup> 00	Thảo luận, biểu quyết thông qua các nội dung của Đại hội
11 <sup>h</sup> 00 - 11 <sup>h</sup> 15	Nghỉ giải lao, trong thời gian giải lao Ban Kiểm phiếu kiểm phiếu biểu quyết
11 <sup>h</sup> 15 - 11 <sup>h</sup> 25	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết
11 <sup>h</sup> 25 - 11 <sup>h</sup> 45	- Thông qua Nghị quyết Đại hội - Thông qua Biên bản Đại hội - Tuyên bố Bế mạc Đại hội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 2021

## GIẤY ỦY QUYỀN

### THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021  
Công ty Cổ phần Hanel

Tên cổ đông: .....

Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD: ..... Cấp ngày ..... /..... /..... Tại .....

Địa chỉ: .....

Tổng số cổ phần sở hữu: ..... (Bằng chữ: .....) )

Nay Tôi ủy quyền cho:

Ông (bà): .....

Số CMND/Hộ chiếu: ..... Cấp ngày ..... /..... /..... Tại .....

Địa chỉ: .....

Số cổ phần ủy quyền: ..... (Bằng chữ: .....) )

Được quyền thay thế Tôi/Công ty tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 trực tuyến của Công ty Cổ phần Hanel tổ chức vào **8h30 ngày 30/6/2021** và có quyền thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông liên quan đến số cổ phần được ủy quyền. Giấy ủy quyền này có hiệu lực đến khi kết thúc kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI ỦY QUYỀN**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:** Xin vui lòng gửi Fax và gửi bản chính Giấy ủy quyền về địa chỉ sau trước 17h00 ngày 25/6/2021:

**CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL**

Địa chỉ: Số 2, phố Chùa Bộc, phường Trung Tự, quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84.024) 3852 4555

Fax: (84.024) 3852 5770

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 2021

## GIẤY ỦY QUYỀN

THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021  
Công ty Cổ phần Hanel

Hôm nay, ngày ..... / ..... /2021, tại ....., chúng tôi là những cổ đông sở hữu ..... cổ phần, chiếm ..... % cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hanel có tên trong Danh sách được gửi kèm theo đây, cùng nhất trí ủy quyền cho:

Ông (Bà):.....

Số CMND/Hộ chiếu: ..... Cấp ngày ..... /..... /..... Tại .....

Địa chỉ: .....

Được thay mặt chúng tôi tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 trực tuyến của Công ty Cổ phần Hanel tổ chức vào **8h30 ngày 30/6/2021** và có quyền thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông liên quan đến số cổ phần được ủy quyền. Giấy ủy quyền này có hiệu lực đến khi kết thúc kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI ỦY QUYỀN**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:** Xin vui lòng gửi Fax và gửi bản chính Giấy ủy quyền về địa chỉ sau trước 17h00 ngày 25/6/2021:

**CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL**

Địa chỉ: Số 2, phố Chùa Bộc, phường Trung Tự, quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84.024) 3852 4555

Fax: (84.024) 3852 5770







CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021



Mã phiếu in

**PHIẾU BIỂU QUYẾT**  
**MÃ ĐẠI BIỂU: HNE.XXXXXX**

Họ và tên Đại biểu: **NGUYỄN VĂN A**  
Số lượng cổ phần sở hữu: ... cổ phần  
Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: ... cổ phần  
Tổng số lượng cổ phần đại diện: ... cổ phần

*(Quý Đại biểu đánh dấu vào ô Ý kiến lựa chọn theo từng Nội dung biểu quyết)*

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Tán thành</b>	<b>Không tán thành</b>	<b>Không có ý kiến</b>
<b>Nội dung 01:</b> Thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<b>Nội dung 02:</b> Thông qua danh sách Ban Thư ký	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<b>Nội dung 03:</b> Thông qua danh sách Ban Kiểm phiếu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<b>Nội dung 04:</b> Thông qua Chương trình Đại hội	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<b>Nội dung 05:</b> Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

**Hướng dẫn:**

Cổ đông đánh dấu chọn (✓) vào 1 trong 3 ô: **Tán thành/ Không tán thành/ Không có ý kiến** đối với từng nội dung biểu quyết.

Ngày 30 tháng 06 năm 2021

**ĐẠI BIỂU**

*(Ký và Ghi rõ họ tên)*





CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021



Mã phiếu in

**PHIẾU BIỂU QUYẾT**  
**MÃ ĐẠI BIỂU: HNE.XXXXXX**

Họ và tên Đại biểu: **NGUYỄN VĂN A**  
Số lượng cổ phần sở hữu: ... cổ phần  
Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: ... cổ phần  
**Tổng số lượng cổ phần đại diện: ... cổ phần**

*(Quý Đại biểu đánh dấu vào ô Ý kiến lựa chọn theo từng Nội dung biểu quyết)*

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Tán thành</b>	<b>Không tán thành</b>	<b>Không có ý kiến</b>
<b>Nội dung 01:</b> Thông qua Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<b>Nội dung 02:</b> Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và định hướng năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<b>Nội dung 03:</b> Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<b>Nội dung 04:</b> Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 và việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<b>Nội dung 05:</b> Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức và phương án trả lương cho Người quản lý năm 2020 và kế hoạch năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<b>Nội dung 06:</b> Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Công ty Cổ phần Hanel	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<b>Nội dung 07:</b> Thông qua việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<b>Nội dung 08:</b> Thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

**Hướng dẫn:**

Cổ đông đánh dấu chọn (✓) vào 1 trong 3 ô: **Tán thành/ Không tán thành/ Không có ý kiến** đối với từng nội dung biểu quyết.

Ngày 30 tháng 06 năm 2021

**ĐẠI BIỂU**

*(Ký và Ghi rõ họ tên)*



CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021



Mã phiếu in

**PHIẾU BIỂU QUYẾT**  
**MÃ ĐẠI BIỂU: HNE.XXXXXX**

Họ và tên Đại biểu: NGUYỄN VĂN A  
Số lượng cổ phần sở hữu: ... cổ phần  
Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: ... cổ phần  
Tổng số lượng cổ phần đại diện: ... cổ phần

*(Quý Đại biểu đánh dấu vào ô Ý kiến lựa chọn theo từng Nội dung biểu quyết)*

NỘI DUNG	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
<b>Nội dung 01:</b> Thông qua Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<b>Nội dung 02:</b> Thông qua Dự thảo Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

**Hướng dẫn:**

Cổ đông đánh dấu chọn (✓) vào 1 trong 3 ô: **Tán thành/ Không tán thành/ Không có ý kiến** đối với từng nội dung biểu quyết.

Ngày 30 tháng 06 năm 2021

**ĐẠI BIỂU**

*(Ký và Ghi rõ họ tên)*

*Hà Nội, ngày 04 tháng 06 năm 2021*

**QUY CHẾ LÀM VIỆC  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021  
CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL**

*Căn cứ:*

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Hanel.

Để hướng dẫn cho cổ đông tham gia Đại hội và thực hiện quyền biểu quyết, Hội Đồng quản trị đề nghị thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội như sau:

**CHƯƠNG I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Quy định chung**

Quy chế này quy định quyền, nghĩa vụ của cổ đông, đại diện cổ đông; trách nhiệm của các chủ thể khi tham gia Đại hội đồng cổ đông; cách thức thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Hanel (sau đây gọi tắt là "Đại hội") nhằm đảm bảo Đại hội đạt kết quả. Cổ đông và các chủ thể tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

**Điều 2. Mục đích**

Quy chế này nhằm mục đích đảm bảo cho Đại hội được tiến hành đúng trình tự và thủ tục luật định và phù hợp với quy định của pháp luật; đảm bảo cho Đại hội được tiến hành trong trật tự, an toàn, đúng thời gian trong chương trình nghị sự của Đại hội; đảm bảo cho các cổ đông thực thi các quyền và lợi ích hợp pháp của mình một cách dân chủ, bình đẳng và đoàn kết, phản ánh được mong muốn của đa số người tham dự vì quyền lợi của cổ đông và đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững Công ty.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. **“Công ty” hoặc “HNE”** là Công ty Cổ phần Hanel.
2. **“Đại biểu”** là cổ đông và đại diện được ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Hanel.
3. **“Đại hội đồng cổ đông trực tuyến”** là các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức dưới hình thức các Đại biểu có thể lựa chọn tham dự thông qua đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử để thực hiện các quyền biểu quyết/bầu cử của mình.
4. **“Bỏ phiếu điện tử”** là việc Đại biểu kết nối Internet và thực hiện biểu quyết/bầu cử thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử do Công ty quy định và thông báo.
5. **“Hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến” hoặc “Hệ thống bỏ phiếu điện tử”** là hệ thống hỗ trợ tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, cung cấp cho đại biểu các công cụ để thực hiện các quyền liên quan khi tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến (bao gồm việc đăng ký đại biểu trực tuyến, ủy quyền dự đại hội trực tuyến, biểu quyết trực tuyến và bầu cử trực tuyến...).
6. **“Yếu tố định danh”** là những thông tin cần thiết để xác định chính xác một đối tượng trong một hoàn cảnh.
7. **“Xác thực”** là để kiểm tra, xác minh các thông tin của đối tượng có đúng là những thông tin mà đối tượng cung cấp, hoặc khai báo.
8. **“Sự kiện bất khả kháng”** là những sự kiện xảy ra ngoài ý chí của người triệu tập đại hội không thể lường trước và khắc phục được mặc dù đã áp dụng các biện pháp cần thiết, khả năng cho phép.

## **CHƯƠNG II TỔ CHỨC ĐẠI HỘI**

### **Điều 4. Điều kiện, cách thức tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử**

#### **1. Điều kiện tham dự:**

##### **a. Thành phần tham dự:**

Các cổ đông của Công ty cổ phần Hanel và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông đăng ký cuối cùng ngày 31/05/2021) đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông;

##### **b. Yêu cầu công nghệ:**

Đại biểu tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến cần có thiết bị điện tử có kết nối được mạng Internet bao gồm nhưng không giới hạn: máy tính, điện thoại di động, các thiết bị điện tử khác có kết nối được Internet.

#### **2. Cách thức tham dự:**

##### **a. Đối với cổ đông:**

Mỗi cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty được cung cấp một (01) và chỉ một (01) tên đăng nhập và mật khẩu truy cập tương ứng để tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử. Cổ đông khi nhận được thư mời họp có thông tin liên quan đến việc đăng nhập vào hệ thống và các yếu tố định danh khác phải chịu trách nhiệm bảo mật thông tin của mình để đảm bảo chỉ có cổ đông mới có quyền tham dự và bỏ phiếu trên hệ thống. Công ty sẽ hỗ trợ tối đa trong việc đảm bảo cho cổ đông được tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nhưng không chịu trách nhiệm đối với những vấn đề phát sinh do cổ đông làm mất thông tin đăng nhập.

b. Đối với đại diện theo ủy quyền của cổ đông:

Cổ đông không tham dự họp thông qua hình thức trực tuyến và bỏ phiếu điện tử có thể ủy quyền cho người khác tham dự theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế làm việc tại Đại hội. Với đại diện được ủy quyền, nếu bên nhận ủy quyền không phải cổ đông của công ty, sau khi nhận được ủy quyền bằng văn bản của bên ủy quyền và bên nhận ủy quyền có xác nhận hợp lệ, Công ty sẽ cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập cho bên nhận ủy quyền để đại diện theo ủy quyền của cổ đông tiến hành thực hiện quyền và nghĩa vụ theo nội dung được ủy quyền. Công ty cung cấp thông tin đăng nhập cho đại diện được ủy quyền theo thông tin ủy quyền do cổ đông cung cấp và được thực hiện như hình thức gửi thông báo mời họp cho các cổ đông (thông qua thư mời/ hòm thư điện tử/ số điện thoại). Cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm với thông tin ủy quyền đã gửi về công ty.

3. Cung cấp thông tin đăng nhập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

a. Cung cấp thông tin đăng nhập:

Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp trong Thông báo mời họp. Đại biểu phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có Đại biểu mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

b. Cung cấp lại thông tin đăng nhập:

Khi Đại biểu có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức Đại hội có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email/điện thoại. Cổ đông có nghĩa vụ cung cấp lại thông tin cá nhân để định danh. Công ty có thể yêu cầu cổ đông cung cấp lại thông tin cá nhân, tối thiểu bao gồm: Số CMND/CCCD/Hộ chiếu, Số điện thoại di động, hòm thư điện tử (địa chỉ email), địa chỉ thường trú hoặc tạm trú (địa chỉ liên lạc). Công ty có thể gửi thông tin tên đăng nhập và mật khẩu để cổ đông tham dự và biểu quyết cho cổ đông thông qua hòm thư điện tử hoặc hình thức khác theo thông tin đăng ký của cổ đông.

c. Thay đổi mật khẩu:

Công ty khuyến nghị Đại biểu khi nhận được thông tin đăng nhập tối thiểu bao gồm tên đăng nhập và mật khẩu, nên truy cập vào hệ thống để tiến hành đổi mật khẩu đăng nhập để đảm bảo bảo mật thông tin.

#### **Điều 5. Ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông**

1. Việc ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thực hiện bằng văn bản và theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, theo đó:
  - a. Cổ đông có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi giấy ủy quyền bản chính về Công ty trước khi Đại hội khai mạc chính thức.
  - b. Cổ đông là cá nhân có thể ủy quyền toàn bộ hoặc một phần số cổ phần sở hữu cho một (01) cá nhân khác thay mặt tham dự và bỏ phiếu tại đại hội.
  - c. Cổ đông là tổ chức có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty có thể ủy quyền toàn bộ hoặc một phần số cổ phần sở hữu cho tối đa ba (03) người đại diện thay mặt tham dự và bỏ phiếu đại hội. Trường hợp cổ đông công ty là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp cổ đông công ty không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.
2. Việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:
  - a. Giấy ủy quyền theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này được in ra, có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và bên nhận ủy quyền.
  - b. Công ty nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về trước lúc đại hội khai mạc chính thức.
3. Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã được phê duyệt ủy quyền trực tuyến: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho công ty trước lúc đại hội khai mạc chính thức. Thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.
4. Hủy bỏ ủy quyền không có hiệu lực nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung trong Chương trình họp đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 6. Cách thức ghi nhận Đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**

Đại biểu được tính là dự họp Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức tham dự trực tuyến khi và chỉ khi cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông hoàn thành biểu quyết ít nhất một nội dung trên hệ thống bỏ phiếu điện tử. Ban Kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo kết quả kiểm tra tư cách đại biểu công khai tại Đại hội.

## **Điều 7. Các quyền và nghĩa vụ của Đại biểu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**

1. Cổ đông Công ty có quyền tham dự và biểu quyết thông qua cuộc họp trực tuyến và bỏ phiếu điện tử hoặc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp. Việc đăng ký tham dự họp hoặc ủy quyền cho đại diện tham dự và bỏ phiếu tại cuộc họp tuân theo Quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động và quy định tại Điều 4 và Điều 5 Quy chế này.
2. Đại biểu (cổ đông và đại diện theo ủy quyền của cổ đông) tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được biểu quyết, bầu cử tất cả các nội dung thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty theo hình thức bỏ phiếu điện tử.
3. Cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự họp sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, Chủ tọa Đại hội không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
4. Đại biểu phải có trách nhiệm bảo mật các thông tin truy cập để đảm bảo rằng chỉ có Đại biểu mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử. Kết quả bỏ phiếu của Đại biểu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử được coi là quyết định cuối cùng của Đại biểu. Đại biểu chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật, trước Công ty về kết quả bỏ phiếu điện tử đã được thực hiện của Đại biểu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử.
5. Đại biểu phải thông báo ngay cho Công ty để kịp thời xử lý khi phát hiện tên đăng nhập, mật khẩu và/hoặc các yếu tố định danh khác bị mất, đánh cắp, bị lộ, hoặc nghi bị lộ bằng cách liên hệ với Công ty theo cách thức ghi trên Thông báo mời họp để thực hiện khóa tên truy cập, thiết bị bảo mật. Đại biểu phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại, tổn thất và rủi ro khác xảy ra trước thời điểm Công ty nhận được thông báo của Đại biểu nếu như nguyên nhân là do Đại biểu.
6. Cổ đông được Ban tổ chức Đại hội thông báo công khai thông tin về Chương trình Đại hội đồng cổ đông, tài liệu liên quan đến nội dung Đại hội và có trách nhiệm:
  - a. Tuân thủ Quy chế làm việc tại Đại hội;
  - b. Phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức;
  - c. Biểu quyết các vấn đề tại Đại hội;
  - d. Chấp hành sự điều khiển của chủ tọa Đại hội.

## **Điều 8. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội được tiến hành thông qua hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến (hệ thống EzGSM) tại website: <https://ezgsm.fpts.com.vn/> đã được thông báo cho toàn bộ cổ đông.
2. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số đại biểu dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết. Cách thức ghi nhận đại biểu tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử được quy định tại Điều 6 Quy chế này.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể

từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

4. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 3 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

#### **Điều 9. Chương trình nghị sự**

1. Chương trình nghị sự và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được công bố thông tin và đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty theo quy định của Pháp luật. Thông báo mời họp ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất (03) ba ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội (cụ thể là trước 17 giờ ngày 25/6/2021). Kiến nghị phải ghi rõ: tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, mã số cổ đông (hoặc “mã đại biểu”), vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 2 Điều này trong các trường hợp sau:
  - a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này;
  - b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa các kiến nghị tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
5. Công ty phải tiến hành công bố thông tin về việc bổ sung chương trình và nội dung họp theo đúng quy định của Pháp luật. Cổ đông có trách nhiệm theo dõi việc thay đổi, bổ sung chương trình họp và các tài liệu liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo thông báo của công ty. Công ty không chịu trách nhiệm nếu cổ đông không cập nhật đầy đủ thông tin liên quan đến việc chỉnh sửa nội dung chương trình họp.
6. Chương trình và nội dung Đại hội phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc Đại hội.

#### **Điều 10. Đoàn chủ tịch**

1. Điều hành Đại hội là Đoàn Chủ tịch, gồm có Chủ tịch và các thành viên do Ban Tổ chức Đại hội giới thiệu và được Đại hội biểu quyết tán thành. Chủ tịch là người chủ trì Đại hội (Chủ tọa). Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và phù hợp với các quy định của pháp luật. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm



chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

2. Đoàn Chủ tịch có trách nhiệm:

- a. Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các qui chế, thể lệ đã được Đại hội thông qua.
- b. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
- c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
- d. Có quyền hoãn Đại hội khi đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định tại Khoản 8 Điều 146 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.
- e. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu hoặc chỉ định người trả lời;
- f. Giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có) trong quá trình diễn ra Đại hội.

**Điều 11. Thư ký Đại hội**

1. Giúp việc cho Đoàn Chủ tịch và Đại hội là Thư ký Đại hội. Thư ký Đại hội do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết tán thành.
2. Thư ký có nhiệm vụ:
  - a. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến tại Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua kể cả các vấn đề còn bảo lưu tại Đại hội;
  - b. Tiếp nhận phiếu đóng góp ý kiến của các cổ đông;
  - c. Soạn thảo biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.
  - d. Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố các văn kiện, kết luận hoặc thông báo gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.
  - e. Chịu trách nhiệm trước Chủ tọa Đại hội và Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.

**Điều 12. Ban kiểm tra tư cách đại biểu**

1. Ban Kiểm tra tư cách đại biểu do Ban tổ chức Đại hội cử ra. Ban kiểm tra tư cách đại biểu chịu trách nhiệm trước Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách đại biểu:
  - a. Giúp Chủ tọa Đại hội kiểm tra các điều kiện để tiến hành Đại hội;
  - b. Kiểm tra tư cách của cổ đông hoặc người ủy quyền tham dự họp;
  - c. Báo cáo trước Đại hội và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra tư cách đại biểu dự Đại hội trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

**Điều 13. Ban kiểm phiếu**

1. Ban kiểm phiếu do Ban tổ chức Đại hội giới thiệu và được Đại hội biểu quyết tán thành.
2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:
  - a. Phổ biến thể lệ và các nguyên tắc biểu quyết (được quy định trong Quy chế làm việc của Đại hội).

- b. Tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung và thông báo kết quả cho Chủ tọa và Ban Thư ký;

### **CHƯƠNG III**

#### **THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT VÀ BIÊN BẢN ĐẠI HỘI**

#### **Điều 14. Thảo luận tại Đại hội**

Khi thảo luận các vấn đề trong chương trình Đại hội, cổ đông cần tuân thủ các quy định sau đây:

1. Nguyên tắc: Việc thảo luận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến do Chủ tọa hoặc người đại diện Ban Tổ chức Đại hội điều phối, đảm bảo tuân thủ đúng theo quy định tại Điều lệ công ty. Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình nghị sự đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, nội dung không bị vi phạm pháp luật, liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn doanh nghiệp.
2. Cách thức gửi câu hỏi thảo luận: Đại biểu tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến gửi câu hỏi thảo luận tới địa chỉ nhận câu hỏi thảo luận in trên thông báo mời họp hoặc thông qua cửa sổ Hỗ trợ trực tuyến trên Hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến. Ban Thư ký Đại hội có trách nhiệm lưu lại tên đại biểu, mã đại biểu và nội dung câu hỏi để chuyển lên cho Đoàn chủ tịch.
3. Ban thư ký Đại hội sẽ rà soát, tổng hợp các nội dung thảo luận của Đại biểu và chuyển lên cho Đoàn chủ tịch.
4. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:
  - a. Trên cơ sở nội dung thảo luận của Đại biểu do Thư ký Đại hội tổng hợp, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu. Các ý kiến đóng góp hoặc chất vấn sẽ được tập hợp và được giải đáp theo tuần tự và chỉ được tham gia đóng góp ý kiến trong phần thảo luận của Đại hội. Trường hợp nhiều cổ đông có ý kiến trùng lặp với nhau thì Đoàn Chủ tịch sẽ chọn lọc và trả lời chung cho tất cả các cổ đông.
  - b. Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty Cổ phần Hanel trả lời trực tiếp bằng văn bản.

#### **Điều 15. Biểu quyết tại Đại hội**

1. Thời gian biểu quyết trực tuyến: Thời gian cổ đông có thể bắt đầu truy cập Hệ thống bỏ phiếu điện tử để thực hiện quyền biểu quyết là 02 (hai) ngày trước ngày khai mạc Đại hội, từ 08h00 ngày 28/06/2021 đến khi Chủ tọa thông báo kết thúc việc bỏ phiếu. Kết thúc thời gian bỏ phiếu của một nội dung biểu quyết, hệ thống sẽ không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử ứng với nội dung biểu quyết đó từ các đại biểu.
2. Nguyên tắc biểu quyết:
  - a. Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của tất cả các cổ đông bằng hình thức bỏ phiếu điện tử

trên giao diện Biểu quyết – Bầu cử của Hệ thống bỏ phiếu điện tử (Hệ thống EzGSM).

b. Đại biểu tham dự và thực hiện biểu quyết trực tuyến qua hệ thống EzGSM tại website: <https://ezgsm.fpts.com.vn/>.

3. Thể lệ biểu quyết:

a. Các nghị quyết, quyết định về nội dung sau đây được thông qua nếu được số đại biểu đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả đại biểu dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14:

- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- Tổ chức lại, giải thể Công ty;

b. Trừ các trường hợp quy định tại điểm a khoản này, các nghị quyết, quyết định khác được thông qua nếu được số đại biểu điện diện sở hữu từ 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

4. Việc biểu quyết thực hiện như sau:

a. Đại biểu bỏ phiếu biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. Khi biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một (01) trong ba (03) phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” trên Phiếu biểu quyết đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau khi hoàn thành biểu quyết tất cả nội dung cần biểu quyết tại một lần biểu quyết, đại biểu nhấn “**Biểu quyết**” để lưu và gửi kết quả biểu quyết về hệ thống.

b. Trường hợp chương trình họp được bổ sung nội dung do cổ đông/nhóm cổ đông kiến nghị đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, đại biểu có thể tiến hành biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu các đại biểu không tiến hành biểu quyết, bầu cử bổ sung với những nội dung phát sinh thì được coi là không biểu quyết với những nội dung này.

c. Cách thức ghi nhận của hệ thống EzGSM: Đại biểu có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử nhiều lần nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết/ bầu cử. Hệ thống bỏ phiếu điện tử chỉ ghi nhận kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc thời gian bỏ phiếu từng lần theo quy định.

5. Tính hợp lệ của nội dung biểu quyết và phiếu biểu quyết:

a. Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi Đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) phương án biểu quyết của nội dung đó. Nội dung biểu quyết

không hợp lệ là nội dung mà đại biểu không đánh dấu vào ô biểu quyết nào hoặc đánh dấu vào nhiều hơn một ô biểu quyết đối với cùng nội dung biểu quyết đó.

- b. Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu biểu quyết có tất cả nội dung biểu quyết hợp lệ và hoàn thành việc gửi trên hệ thống trực tuyến.
- c. Trường hợp cổ đông đăng nhập thành công để tham dự Đại hội trực tuyến nhưng không đánh dấu chọn vào ô biểu quyết nào (phiếu trắng) sẽ được hiểu là cổ đông từ chối quyền và không tham dự biểu quyết tại nội dung đó; số phiếu của cổ đông này không được cộng vào tổng số phiếu tham gia biểu quyết của nội dung không đánh dấu.

#### **Điều 16. Cách thức kiểm phiếu**

1. Phiếu biểu quyết của mỗi đại biểu đều được hệ thống ghi nhận theo: Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
2. Ban kiểm phiếu là bộ phận tiếp nhận các thông tin kết quả bỏ phiếu điện tử để tổng hợp kết quả bỏ phiếu.

#### **Điều 17. Biên bản và Nghị quyết Đại hội**

Các nội dung tại Đại hội phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản Đại hội.

Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

### **CHƯƠNG IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 18. Thi hành Quy chế**

Quy chế này gồm 18 Điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty biểu quyết thông qua. Các cổ đông, thành viên Ban tổ chức phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của Công ty Cổ phần Hanel chịu trách nhiệm thi hành./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đình Vinh**

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH  
NĂM 2021 CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Hanel**

Ban Tổng Giám đốc kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Hanel kết quả hoạt động sản xuất kinh năm 2020 và kế hoạch năm 2021 như sau:

**A. Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020**

**I. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Hanel đã được Công ty TNHH kiểm toán VACO kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 với các chỉ tiêu chính đạt như sau:

**KẾT QUẢ SXKD NĂM 2020 SO VỚI THỰC HIỆN NĂM 2019  
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2020**

*ĐVT: Triệu VND*

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	So sánh	
					TH năm 2020/KH 2020	TH năm 2020/TH năm 2019
1	Vốn góp của chủ sở hữu	1.926.000	1.926.000	1.926.000	100%	100%
2	Tổng doanh thu và thu nhập khác	476.247	490.500	448.262	91,39%	94,12%
2.1	<i>Doanh thu hàng hóa, dịch vụ</i>	<i>357.314</i>		<i>344.007</i>		<i>96,3%</i>
2.2	<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>	<i>118.626</i>		<i>103.369</i>		<i>87,1%</i>
2.3	<i>Thu nhập khác</i>	<i>308</i>		<i>886</i>		<i>287,6%</i>
3	Tổng chi phí	418.147	470.500	428.163	91%	102,4%
3.1	<i>Giá vốn hàng bán và DVCC</i>	<i>334.418</i>		<i>332.172</i>		<i>99,3%</i>
3.2	<i>Chi phí (TC, BH, QL, CP khác)</i>	<i>83.729</i>		<i>95.991</i>		<i>114,6%</i>
4	Lợi nhuận sau thuế	58.100	20.000	20.099	100,5%	34,59%

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	So sánh	
					TH năm 2020/KH 2020	TH năm 2020/TH năm 2019
5	Khả năng thanh toán nợ đến hạn	>1	>1	>1		
6	Tổng số lao động bình quân (người)	80	82	67	81,7%	83,7%
Trong đó: Tổng số lao động bình quân năm 2020 là: 67 người và số lao động có mặt tại thời điểm 31/12/2020 là: 64 người.						
7	Tổng quỹ lương	13.579	15.314	11.263	73,5%	82,9%

### Nhận xét:

1. Doanh thu: Năm 2020, doanh thu của Công ty là 448.262 triệu đồng, đạt 94,12% so với thực hiện năm 2019 và đạt 91,39% so với kế hoạch năm 2020. Trong năm 2020, tổng doanh thu của Công ty không đạt được kế hoạch đề ra, nguyên nhân chính: Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 dẫn đến một số dự án trọng điểm của Công ty Hanel không được triển khai như kế hoạch đã đặt ra, các hoạt động kinh doanh thương mại cũng bị ngừng trệ trong thời gian phong tỏa cách ly để phòng chống dịch... Ngoài ra năm 2020, phía Cuba không thanh toán bất cứ khoản nợ nào cho Hanel, dẫn tới nguồn thu bị giảm đáng kể.

2. Lợi nhuận: Lợi nhuận sau thuế năm 2020 của Công ty là 20.099 triệu đồng, đạt 34,59% so với năm 2019 và 100,5% so với kế hoạch 2020.

- Lợi nhuận năm 2020 giảm so với 2019 là do các nguyên nhân chính sau:

+ Công ty phải thực hiện nộp tiền thuê đất khu CN Sài đồng B theo biểu giá mới của Nhà nước nên chi phí tăng đột biến. Năm 2020 Công ty phải nộp tiền chênh lệch tiền thuê đất tại khu CN Sài đồng B hơn 29 tỷ đồng.

+ Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên một số lĩnh vực bị ảnh hưởng như kinh doanh khách sạn, cho thuê văn phòng, kinh doanh thương mại, một số dự án trọng điểm không được triển khai...

- Lợi nhuận thực hiện năm 2020 so với kế hoạch năm 2020:

Như đã báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, hai yếu tố trên làm ảnh hưởng đến lợi nhuận năm 2020 đã được ban lãnh đạo Công ty đưa vào xây dựng kế hoạch năm 2020. Bên cạnh đó Công ty quyết tâm thực hiện các biện pháp tiết kiệm giảm chi phí. Năm 20120 công ty đạt lợi nhuận là 20.099 triệu đồng so với kế hoạch tăng 0,5%.

## **II. Báo cáo các chỉ số tài chính**

Bảng cân đối kế toán (theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020)

TÀI SẢN	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>	<b>481.484.134.559</b>	<b>498.966.233.889</b>
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	52.107.023.586	38.519.665.011
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	176.386.335.250	150.115.774....097
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130	179.988.987.238	225.937.775.051
IV- Hàng tồn kho	140	35.586.490.615	43.247.750.671
V- Tài sản ngắn hạn khác	150	37.415.297.870	41.145.269.059
<b>B -Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>	<b>2.243.697.325.754</b>	<b>2.258.362.384.821</b>
I- Các khoản phải thu dài hạn (i)	210	108.630.761.325	108.630.761.325
II- Tài sản cố định	220	32.724.688.529	41.125.985.903
1. Tài sản cố định hữu hình	221	41.089.939.524	41.089.939.524
- Nguyên giá	222	167.782.950.776	167.995.142.866
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(135.058.262.247)	(126.905.203.342)
2. Tài sản cố định vô hình	227		36.046.379
- Nguyên giá	228	133.204.500	133.204.500
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(133.204.500)	(97.158.121)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	1.027.972.251.126	1.021.334.593.815
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	1.073.877.421.808	1.079.163.545.518
V- Tài sản dài hạn khác	260	492.202.966	8.107.498.260
<b>Tổng cộng tài sản (270=100+200)</b>	<b>270</b>	<b>2.725.181.460.313</b>	<b>2.757.328.618.710</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
<b>A-Nợ phải trả (300=310+330)</b>	<b>300</b>	<b>724.278.567.530</b>	<b>735.980.186.735</b>
I- Nợ ngắn hạn	310	474.788.658.197	370.913.109.871
II- Nợ dài hạn	330	249.489.909.333	365.067.076.864
<b>B-Vốn chủ sở hữu (400=410+430)</b>	<b>400</b>	<b>2.000.902.892.783</b>	<b>2.021.348.431.975</b>
I- Vốn chủ sở hữu	410	2.000.902.892.783	2.021.348.431.975
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	1.926.000.000.000	1.926.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ (*)	415	(17.944.000)	(17.944.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	48.334.282.505	42.304.503.926
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	26.586.554.278	53.061.872.049
- LN chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421	15.312.624.849	15.127.169.441
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421	11.273.929.429	37.934.702.608
<b>Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)</b>	<b>440</b>	<b>2.725.181.460.313</b>	<b>2.757.328.618.710</b>

### **Đánh giá:**

#### a) Tình hình tài sản

- Tổng tài sản tại ngày 31/12/2020 là 2.725.181.460.313 đồng và tổng tài sản tại ngày 31/12/2019 là 2.757.328.618.710 đồng.

- Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2020 >1, Công ty đủ khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

#### b) Tình hình nợ phải trả

- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu tại 31/12/2019 là 36,41% và tại ngày 31/12/2020 là 36,2% giảm 0,21%.

- Hệ số nợ/tổng tài sản 31/12/2019 là 26,69% và tại 31/12/2020 là 26,58% giảm 0,11%.

Công ty từng bước tiếp tục thay đổi về tình hình công nợ, chủ động về vốn.

### **III. Báo cáo thực hiện các công tác đối với những khoản phải thu khó đòi**

#### 1. Đối với Công nợ N&G

Công ty N&G và Công ty Hanel đã ký Biên bản xác nhận và xử lý công nợ số 01/2017/BBCN-HANEL-N&G ngày 31/5/2017 với số công nợ gốc và lãi tạm tính đến 31/7/2015 là 102.920.788.809 đồng. Nội dung này đã được HĐQT của Công ty N&G thông qua tại cuộc họp cùng ngày. Sau đó Công ty N&G tiếp tục xác nhận số nợ theo số phát sinh tương ứng tại các thời điểm 31/12/2017, 30/6/2018. Tuy nhiên kể từ thời điểm 31/12/2018 đến nay, Công ty N&G bắt đầu có ý kiến trái ngược/mâu thuẫn về công nợ so với các văn bản hồ sơ đã ký trước đó. Ngày 07/11/2019, Công ty N&G gửi tới Công ty Hanel công văn 118/2019/CV-N&G có nội dung về kế hoạch trả nợ trong quý 4/2019 và năm 2020. Tiếp đó Công ty N&G gửi tới Công ty Hanel công văn số 29/2020/CV-N&G ngày 24/02/2020 và CV 08/CV-N&G ngày 17/01/2020 nhắc đến và khẳng định kế hoạch trả nợ thể hiện ở Công văn 118/2019/CV-N&G ngày 07/11/2019. Tuy nhiên kế hoạch trả nợ này chưa phù hợp với yêu cầu của Công ty Hanel. Đến thời điểm hiện tại, hai bên vẫn chưa tìm được sự thống nhất trong việc xác nhận công nợ và giải quyết các vấn đề tồn đọng. Công ty Hanel yêu cầu Công ty N&G xác nhận công nợ tại thời điểm 31/12/2020 nhưng Công ty N&G chỉ xác nhận công nợ đối với khoản 80 tỷ đồng tiền gốc đã nhận được. Công ty đã báo cáo những nội dung liên quan đến Chủ sở hữu chính là UBND TP Hà Nội. Ngày 25/8/2020, phía luật sư theo ủy quyền của Công ty đã gửi Đơn khởi kiện Công ty N&G ra tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội. Vụ việc đang tiếp tục chờ cơ quan có thẩm quyền xử lý.

#### 2. Đối với Công nợ Cuba

Như đã báo cáo tại kỳ họp trước, bắt đầu từ kỳ hạn trả tiền ngày 30/8/2018 cho đến nay phía Cuba ngừng trả tiền cho Hanel. Năm 2020, phía Cuba tiếp tục không thanh toán bất cứ khoản công nợ nào cho Hanel. Lý do phía bạn tiếp tục đưa ra là Mỹ tăng cường nhiều biện pháp siết chặt cấm vận khiến hiện nay tình hình tài chính Cuba vô cùng khó khăn; đồng thời đại dịch Covid lây lan với tốc độ khó kiểm soát tại châu Mỹ nói chung cũng như tại các nước vùng Caribe nói riêng khiến Cuba mất đi nguồn thu ngoại tệ từ ngành Du lịch, kiều hối, “xuất khẩu” chuyên gia y tế.

**Tính đến nay tổng số tiền Cuba chưa thanh toán cho Hanel là 25.079.281,91 USD tương đương khoảng 580 tỷ đồng, cụ thể như sau:**



- + Hợp đồng Máy tính (xuất cho CubaElectronica) là: 23.578.191,24 USD;
- + Hợp đồng Quạt (xuất cho công ty CIMEX) là 572.723,42 USD;
- + Hợp đồng nhựa dùng một lần (xuất cho công ty CubaElectronica) là 928.367,25 USD;

Ban lãnh đạo công ty đã chỉ đạo phòng ban có trách nhiệm theo dõi và cập nhật thường xuyên tình hình kinh tế chính trị Cuba, hàng tháng đều gửi công văn nhắc nợ tới các đối tác Tập đoàn Điện tử Cuba, công ty Cimex, văn phòng đại diện AUSA tại Việt nam, Đại sứ quán Cuba tại Việt Nam, Chủ tịch Ngân hàng quốc gia Cuba đồng thời báo cáo thường xuyên lên Ủy ban Liên Chính phủ Việt Nam Cuba. Tại kỳ họp lần thứ 38 UBLCP Việt Nam – Cuba ngày 30/12/2020 vấn đề công nợ quá hạn của Cuba đối với các doanh nghiệp Việt nam nói chung và Hanel nói riêng được quan tâm đặc biệt, tại Biên bản đã nêu " Phía Cuba bày tỏ quyết tâm nỗ lực cao nhất để hoàn thành các cam kết thanh toán nợ bao gồm nợ thương mại và nợ phát sinh từ các thỏa thuận tái cơ cấu nợ đã ký giữa các doanh nghiệp Việt nam và Cuba"

Đối với một số khoản nợ phải thu khó đòi khác, Ban Tổng Giám đốc đã tích cực chỉ đạo các phòng ban liên quan thường xuyên có công văn gửi đến các đối tượng nợ, đôn đốc bám sát đối chiếu định kỳ, đòi nợ. Đề xuất và đưa ra kế hoạch trích lập với các khoản nợ khó đòi.

#### **IV. Báo cáo hoạt động đầu tư thực hiện năm 2020**

Các hoạt động đầu tư đang triển khai thực hiện như sau:

##### **1. Dự án Khu Công viên công nghệ phần mềm Hà Nội**

- Hiện nay dự án đã cơ bản hoàn thành hạ tầng kỹ thuật ô K. Đối với ô L đã được UBND Thành phố phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu đô thị N10 tỷ lệ 1/2000 tại Quyết định số 5061/QĐ-UBND ngày 13/9/2019 và điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết tại Quyết định số 5177/QĐ-UBND ngày 16/9/2019. UBND Quận Long Biên chủ trì công bố công khai quy hoạch vào ngày 14/02/2020.

- Để tiếp tục triển khai Dự án cần phải kêu gọi hợp tác của các nhà đầu tư, tuy nhiên gặp trở ngại là do Công ty đang trong quá trình thực hiện thoái vốn NN nên các nhà đầu tư e ngại đầu tư trong vào dự án của Hanel giai đoạn này.

##### **2. Dự án đầu tư xây dựng tòa nhà thương mại điện tử và văn phòng Hanel (E9 Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội)**

Như đã báo cáo tại ĐHCĐ thường niên năm 2020, Công ty Hanel đã nộp 60% giá trị tiền sử dụng đất. Hiện nay địa điểm đất tại Lô 2-E9 – Phạm Hùng không thuộc phạm vi sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP. Công ty đang chờ chỉ đạo của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để có phương án xử lý.

##### **3. Dự án 60 Nguyễn Đức Cảnh (Hoàng Mai, Hà Nội)**

Như đã báo cáo Dự án hỗn hợp văn phòng, dịch vụ và nhà ở cao tầng để bán tại 60 Nguyễn Đức Cảnh, quận Hoàng Mai, Hà Nội hợp tác giữa Công ty Cổ phần Hanel và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3 đã hoàn thành. Giá trị lợi thế khai thác của Dự án đã được Công ty tạm nộp cho Nhà nước theo giá trị thẩm định tại thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần.

Ngày 24/4/2020, Công ty đã có văn bản số 142a/CV-HANEL báo cáo tình hình và đang chờ chỉ đạo của UBND Thành phố về việc tiếp nhận quản lý sử dụng hoặc bàn giao lại cho Thành phố.

#### 4. Dự án 409 Lĩnh Nam (Hoàng Mai, Hà Nội)

Dự án tạm dừng triển khai do hành vi vi phạm pháp luật của cổ đông Công ty Vĩnh Hưng và đang thanh tra theo quyết định của UBND thành phố Hà Nội.

### V. Công tác thoái vốn Nhà nước tại doanh nghiệp

Như đã báo cáo tại kỳ họp ĐHĐCĐ năm 2020, thoái vốn của Công ty Hanel gặp một số vướng mắc và hiện tại Công ty vẫn đang chờ hướng dẫn của các Sở ngành, UBND thành phố Hà Nội.

### VI. Báo cáo thực hiện các Nghị quyết của HĐQT

Trong năm 2020, HĐQT đã thường xuyên trao đổi và bàn bạc về các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, các vướng mắc phát sinh trong quá trình điều hành và đưa ra các giải pháp xử lý. Tổng cộng có 68 cuộc họp, Ban Tổng giám đốc đã nỗ lực và nghiêm túc thực hiện các nghị quyết của HĐQT.

#### B. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

##### 1. Hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Kế hoạch năm 2021	
					Giá trị	KH2021/TH2020
1	Vốn góp của chủ sở hữu	Trđ	1.926.000	1.926.000	1.926.000	100%
2	Tổng doanh thu	Trđ	490.500	448.621	450.000	100,3%
3	Tổng chi phí: (3.1) + (3.2)	Trđ	470.500	428.522	428.620	100,2%
	(3.1) Giá vốn hàng bán	Trđ		332.172		
	(3.2) CP tài chính, CP quản lý, CP bán hàng, CP khác	Trđ		76,250		
4	LN sau thuế (không bao gồm LN khoản thu từ Cuba)	Trđ	20.000	20.099	21.380	106,4%
5	Tỷ suất lợi nhuận/Vốn CSH	%	1,04%	1.04%	1,08%	
6	Nợ phải trả quá hạn				Không	
7	Khả năng thanh toán nợ đến hạn		>1	>1	>1	
8	Tổng số lao động	Người	82	67	70	
9	Tổng quỹ lương	Trđ	15.314	11.263	11.800	

#### Ghi chú:

- Cơ sở xây dựng kế hoạch SXKD năm 2021:

+ Trước những diễn biến phức tạp của dịch SARS – CoV2, trong năm vừa qua hầu hết các doanh nghiệp trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đều bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Những lĩnh vực bị ảnh hưởng nặng nề khi dịch bệnh như kinh doanh khách sạn, sản xuất, dịch vụ cho thuê văn phòng, phát triển các dự án bất động sản... đều bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Dịch bệnh làm doanh thu, lợi nhuận sụt giảm, thậm chí trong những tháng đầu năm một số công ty thành viên Hanel lỗ hoặc giảm lãi. Đây đều là những lĩnh vực hoạt động chính hoặc mang lại nguồn thu cho Hanel nên rất có thể sẽ ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận năm 2021.

+ Bên cạnh đó việc phải nộp tiền thuê đất Sài Đồng B theo đơn giá mới tiếp tục làm giảm lợi nhuận trong năm 2021 hơn 13 tỷ đồng.

Tuy nhiên theo yêu cầu chỉ đạo của Sở Tài chính tại cuộc họp ngày 31/3/2021, thực hiện mục tiêu kép của Thủ tướng Chính phủ, vừa phòng chống dịch vừa phát triển kinh tế vì vậy Công ty Hanel xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh trên cơ sở cần sự nỗ lực của toàn thể Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và các phòng ban chức năng công ty để cố gắng thực hiện sản xuất kinh doanh như kế hoạch xây dựng, đồng thời tiết giảm đối đa mọi chi phí để đảm bảo mức lợi nhuận tăng trưởng so với năm 2020.

- Công ty sẽ tiếp tục đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ khó đòi, phân loại đối tượng nợ khó đòi. Chỉ đạo các phòng ban liên quan thường xuyên có công văn gửi đến các đối tượng nợ, đôn đốc bám sát đối chiếu định kỳ, đòi nợ và đưa ra xử lý giải quyết đối với nợ tồn đọng. Đề xuất và đưa ra kế hoạch trích lập với các khoản nợ khó đòi.

- Thực hiện rà soát các khoản đầu tư tài chính, đánh giá đối với các khoản đầu tư tài chính không hiệu quả. Hiện nay, việc thoái vốn đối với các đơn vị thành viên hoạt động không hiệu quả chưa thể thực hiện được vì Công ty CP Hanel đang thực hiện thoái vốn nhà nước. Tuy nhiên để đảm bảo an toàn tài chính, Công ty sẽ xây dựng kế hoạch trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư này.

- Đối với công nợ phải thu Cuba: Ban lãnh đạo sẽ tiếp tục chỉ đạo các phòng ban có trách nhiệm theo dõi và bám sát thời hạn trả nợ, thường xuyên làm việc Đại sứ quán Cuba tại Việt Nam. Tiếp tục gửi văn bản đòi nợ kịp thời gửi Chủ tịch Tập đoàn Cuba, Chủ tịch Ngân hàng quốc gia Cuba, Ủy ban Liên chính phủ Việt Nam - Cuba (đầu mối là Bộ xây dựng), Đại sứ quán Cuba tại Việt Nam khi Cuba chậm trả.

## **2. Hoạt động dự án đầu tư**

Ban Tổng Giám đốc tiếp tục chỉ đạo thực hiện các dự án theo nội dung được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và theo hướng dẫn/chấp thuận của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục thực hiện, cụ thể như sau:

### **- Dự án Khu công viên công nghệ phần mềm**

+ Tiếp tục rà soát hồ sơ để quyết toán dự án hoàn thành phần hạ tầng kỹ thuật;

+ Nỗ lực thực hiện theo chỉ đạo UBND thành phố Hà Nội và các cơ quan chức năng để giải quyết các vướng mắc đẩy mạnh quá trình thoái vốn Nhà nước tại Công ty là điều kiện để kêu gọi nhà đầu tư - đầu tư triển khai dự án.

**- Dự án đầu tư xây dựng tòa nhà thương mại điện tử và văn phòng Hanel (E9 Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội)**

Công ty đã nộp 60% giá trị tiền sử dụng đất theo Quyết định số 4734/QĐ-UBND. Hiện tại địa điểm đất này không thuộc phạm vi sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP. Công ty sẽ tiếp tục theo dõi, bám sát cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để có phương án xử lý.

**- Dự án 60 Nguyễn Đức Cảnh (Hoàng Mai, Hà Nội)**

Dự án đã hoàn thành, chào bán và bàn giao cho cư dân. Giá trị lợi thế khai thác dự án đã được Công ty tạm nộp cho Nhà nước theo giá trị thẩm định tại thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần. Hiện tại Công ty đang chờ chỉ đạo của UBND Thành phố về việc tiếp nhận quản lý sử dụng hoặc bàn giao lại cho Thành phố. Sau khi có chỉ đạo của UBND Thành phố, Công ty sẽ nhanh chóng triển khai thực hiện.

**- Dự án 409 Lĩnh Nam (Hoàng Mai, Hà Nội)**

Đối tác thực hiện Dự án trước đây của Hanel là Công ty TNHH kinh doanh Nhà Vinh Hưng đã thỏa thuận chuyển giao quyền và nghĩa vụ cho Công ty CP Tập đoàn phát triển nhà và đô thị Thăng Long (tuy nhiên chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyết định phê duyệt chuyển đổi chủ thể thực hiện dự án). Hiện tại, dự án tạm dừng triển khai do hành vi vi phạm pháp luật của các cổ đông Công ty Vinh Hưng, đã có kết luận thanh tra, đang chờ quyết định của UBND thành phố Hà Nội và các sở ban ngành.

### **3. Công tác quản trị nội bộ và nhân sự**

Công ty tiếp tục hoàn thiện các quy trình, quy chế, quy định làm việc với mục đích phù hợp với tình hình hoạt động hiện nay của Công ty.

Công ty sẽ nâng cao việc đánh giá chất lượng nhân sự về mọi mặt để có một đội ngũ nhân sự đạt tiêu chuẩn cao. Đồng thời, Công ty cũng khuyến khích, tạo điều kiện cho cán bộ, công nhân viên có điều kiện học hỏi, tham gia các lớp đào tạo để nâng cao chuyên môn và năng suất lao động. Khuyến khích tổ chức các hoạt động như team building để tăng cường khả năng làm việc nhóm và phối hợp lẫn nhau trong công việc.

### **4. Công tác tài chính, kế toán**

Công ty đặt mục tiêu thực hiện công tác tài chính, kế toán đảm bảo cân đối nguồn vốn và sử dụng vốn hiệu quả, đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ, nâng cao hoạt động tài chính, thực hiện trích lập dự phòng, đảm bảo sử dụng vốn, tài sản hiệu quả.

Đối với công nợ phải thu Cuba, chỉ đạo các phòng ban có trách nhiệm theo dõi và bám sát thời hạn trả nợ, thường xuyên làm việc Đại sứ quán Cuba tại Việt Nam. Có văn bản đòi nợ kịp thời gửi các bên liên quan.

### **5. Công tác thoái vốn Nhà nước tại doanh nghiệp**

Công ty tiếp tục nỗ lực thực hiện công tác thoái vốn Nhà nước, báo cáo UBND thành phố Hà Nội và các cơ quan chức năng những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện để việc triển khai thoái vốn nhà nước tại Công ty được hiệu quả.

Trên đây là báo cáo của Ban Tổng giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
  
  
**Bùi Thị Hải Yến**

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2021

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Hanel**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn hiện hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Hanel;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hanel xin gửi tới Quý cổ đông báo cáo các nội dung như sau:

- + Đánh giá của Hội đồng quản trị về tổ chức và hoạt động Công ty;
- + Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc;
- + Các hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2020;
- + Kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị năm 2021.

### **I. Đánh giá hoạt động của Công ty Cổ phần Hanel năm 2020**

Năm 2020 đánh dấu là một năm khó khăn đối với nền kinh tế do ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh. Do vậy, việc triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh hết sức khó khăn cũng như quá trình thoái vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp còn nhiều khó khăn, vướng mắc. Hội đồng quản trị xin báo cáo về hoạt động sản xuất kinh doanh và tổ chức Công ty như sau:

#### **1. Hoạt động sản xuất kinh doanh**

Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên ngày 25/6/2020, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 đã được ĐHĐCĐ thông qua gồm: tổng doanh thu là 490.500 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế là 20.000 triệu đồng. Thực tế, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 Công ty đã thực hiện được như sau:

##### *Về doanh thu:*

Trong năm 2020 tổng doanh thu thực hiện của Công ty là 448.262 triệu đồng, đạt 91,39% so với kế hoạch là do các nguyên nhân:

Trong năm 2020, phía Cu Ba tiếp tục không có khả năng thanh toán bất kỳ khoản công nợ nào cho Hanel, tổng công nợ hiện tại là 25.079.281,92USD (khoảng 580 tỷ đồng). Việc này đã dẫn đến việc tạm ngưng xuất khẩu hàng hóa của Hanel sang Cuba trong năm 2020 dù phía Cuba vẫn có nhu cầu mua nhiều loại mặt hàng khác nhau.

Bên cạnh đó năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 kéo dài dẫn đến nền kinh tế tri trường Việt Nam cũng như quốc tế gặp rất nhiều khó khăn, cung cầu đều giảm nghiêm trọng, các hoạt động kinh doanh thương mại cũng bị ngưng trệ, một số dự án trọng điểm của công ty cũng không được triển khai theo đúng kế hoạch đã đặt ra như kỳ vọng... dẫn tới nguồn thu bị giảm đáng kể. Do vậy, việc đạt được Doanh thu 448,262 tỷ đạt 91,39% kế hoạch cũng là sự cố gắng rất lớn của công ty.

##### *Về lợi nhuận trước thuế và sau thuế:*

Lợi nhuận trước thuế và sau thuế của Công ty năm 2020 là 20.099 triệu đồng, đạt 100,5% so với kế hoạch 2020. Tuy nhiên lợi nhuận đạt được thấp so với những năm trước đây do Công ty cũng chịu ảnh hưởng từ tác động của đại dịch Covid-19 đối với hoạt động kinh doanh thương mại; một số dự án trọng điểm cũng không được triển khai khi các địa phương thực hiện giãn cách xã hội trong thời điểm dịch bệnh; đồng thời công ty phải trích nộp tiền thuê đất khu CN Sài Đồng B theo biểu giá mới của Nhà nước nên chi phí tăng đột biến và đáng kể.

## **2. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.**

- Dự án Khu Công viên công nghệ phần mềm Hà Nội:

+ Đối với ô K: Hiện dự án đã cơ bản hoàn thành xây dựng phần hạ tầng kỹ thuật ô K; tiếp tục triển khai quyết toán dự án hoàn thành phần Hạ tầng kỹ thuật và thực hiện hồ sơ phê duyệt thiết kế cơ sở phần công trình.

+ Đối với ô L: Hiện tại, ô L đã được UBND TP phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu đô thị N10 tỷ lệ 1/2000 tại QĐ số 5061/QĐ-UBND ngày 13/9/2019 và điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết tại QĐ số 5177/QĐ-UBND ngày 16/9/2019.

- Dự án hỗn hợp văn phòng, dịch vụ và nhà ở cao tầng để bán tại 60 Nguyễn Đức Cảnh, quận Hoàng Mai, Hà Nội hợp tác giữa Công ty Cổ phần Hanel và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3, dự án đã hoàn thành. Giá trị lợi thế khai thác của Dự án đã được Công ty tạm nộp cho Nhà nước theo giá trị thẩm định tại thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần là 107 tỷ đồng. Hiện nay Công ty đang chờ chỉ đạo của UBND Thành phố về việc tiếp nhận quản lý sử dụng hoặc bàn giao lại cho Thành phố.

- Đối với Dự án Đầu tư xây dựng tòa tháp thương mại điện tử và văn phòng Hanel E9 Phạm Hùng và Dự án 409 Lĩnh Nam, Công ty đang báo cáo UBND Thành phố Hà Nội và các sở ngành để xin ý kiến chỉ đạo thực hiện các bước tiếp theo.

- Dự án thực hiện gói thầu CP06 (hạng mục 6C&6E) thuộc dự án tuyến Metro số 03 Hà Nội: Công ty Hanel đã hoàn thành thi công lắp đặt tại 08 ga nổi trong năm 2020 và đang trong giai đoạn thi công lắp đặt tại Depot/OCC. Mục tiêu bàn giao cho Chủ đầu tư đưa vào vận hành khai thác thương mại 08 ga nổi trong giai đoạn 2021-2022. Việc thi công lắp đặt và bàn giao đưa vào sử dụng 04 ga chìm dự kiến sẽ được chủ đầu tư MRB tách sang giai đoạn 2 của Dự án (chưa xác định thời gian cụ thể).

- Dự án đầu tư nâng cấp tuyến đường Pháp Vân – Cầu Giẽ, Thành phố Hà Nội theo hình thức hợp đồng BOT (Giai đoạn 2): Dự án đang trong giai đoạn quyết toán với Bộ giao thông vận tải và thống nhất phương án bàn giao cho Bộ Công an.

- Dự án Ứng dụng công nghệ Giám sát hành trình phương tiện để phục vụ nâng cao chất lượng quản lý và bảo trì trong lĩnh vực đường bộ: Ngày 01/01/2020 hệ thống được Tổng cục Đường bộ nghiệm thu và nhận bàn giao chính thức để quản lý hoạt động kinh doanh vận tải trên toàn quốc.

Hội đồng quản trị công ty kỳ vọng sau khi thoái vốn Nhà nước, các dự án sẽ đẩy nhanh tiến độ và thực hiện theo chủ trương của nhà đầu tư mới.

## **II. Hoạt động và thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản trị**

## 1. Về hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị thực hiện các hoạt động của công ty theo kế hoạch đã đề ra tại Nghị quyết của ĐHĐCĐ tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên ngày 25/6/2020, tuy trong hoàn cảnh kinh tế có nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh.

HĐQT Công ty tổ chức họp thường kỳ để thảo luận các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty. Các cuộc họp HĐQT đều được trao đổi, thảo luận, bàn bạc dân chủ, thẳng thắn và có Biên bản, Nghị quyết theo đúng tinh thần nội dung cuộc họp.

HĐQT và Ban Tổng Giám đốc phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý, điều hành công ty, tổ chức thực hiện các giải pháp đảm bảo Công ty thực hiện sản xuất kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông.

Trên cơ sở các nội dung của Nghị quyết của ĐHĐCĐ; chỉ đạo của UBND Thành phố Hà Nội, Nghị quyết của Hội đồng quản trị; HĐQT thường xuyên đôn đốc, phối hợp, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc tổ chức thực hiện cũng như báo cáo kết quả thực hiện và xin ý kiến tại các cuộc họp của HĐQT.

Các chủ trương và quyết định của HĐQT được thông qua đều bảo đảm đúng quy định của Điều lệ, pháp luật và phù hợp, sát tình hình thực tế, bảo vệ quyền lợi và sự phát triển của công ty.

## 2. Những Nghị quyết, quyết định và chủ trương của HĐQT đã được triển khai thực hiện.

- Hội đồng quản trị trong năm 2020 đã có 68 cuộc họp để bàn bạc các vấn đề liên quan hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, các vướng mắc phát sinh trong quá trình điều hành và đưa ra các giải pháp xử lý. Trong đó, HĐQT đã ban hành 09 Nghị quyết đối với các vấn đề quan trọng như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2020/NQ- HĐQT- HANEL	23/3/2020	Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh công ty mẹ, tạm phân phối lợi nhuận sau thuế và phê duyệt, ký báo cáo tài chính riêng được kiểm toán kỳ hoạt động từ 01/01/2019 đến 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Hanel.	100%
2	02/2020/NQ- HĐQT-HANEL	27/3/2020	Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán kỳ hoạt động từ 01/01/2019-31/12/2019.	100%
3	03/2020/NQ- HĐQT-HANEL	13/5/2020	Thông qua tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.	100%



4	04/2020/NQ-HĐQT-HANEL	15/5/2020	Thông qua việc cho Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh thương mại Hanel (Hanel Trading) thuê địa điểm tại tầng 1, nhà A số 02 Chùa Bộc, Hà Nội.	100%
5	05/2020/NQ-HĐQT-HANEL	18/5/2020	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.	100%
6	06/2020/NQ-HĐQT-HANEL	30/6/2020	Thông qua việc cho Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh thương mại Hanel (Hanel Trading) thuê địa điểm tại tầng 1, nhà A số 02 Chùa Bộc, Hà Nội, diện tích 35,235m <sup>2</sup> .	100%
7	07/2020/NQ-HĐQT-HANEL	15/9/2020	Thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2019 của Công ty Cổ phần Hanel.	100%
8	08/2020/NQ-HĐQT-HANEL	22/9/2020	Thông qua điều chỉnh phương án chi trả cổ tức năm 2019 của Công ty CP Hanel.	100%
9	09/2020/NQ-HĐQT-HANEL	31/12/2020	Thông qua điều chỉnh loại chứng khoán từ loại "Chứng khoán chuyển nhượng có điều kiện" sang loại "Chứng khoán tự do chuyển nhượng".	100%

### III. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc đã nỗ lực, sát sao thực hiện nghiêm túc theo các nghị quyết của Hội đồng quản trị và ĐHĐCĐ giao, tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành và quy chế hoạt động của Công ty. Hệ thống tổ chức, quản lý và kiểm soát quy trình của Công ty được thực hiện tốt đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty ở mức tốt nhất có thể trong tình hình điều kiện kinh doanh còn nhiều vướng mắc giữa quy chế quản lý vốn nhà nước và luật doanh nghiệp, cũng như sự cạnh tranh của thị trường.

Trong năm 2020, HĐQT chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc các hoạt động của Công ty trong phạm vi và quyền hạn được giao như: các biện pháp thu hồi các khoản nợ phải thu khó đòi, chủ yếu là khoản phải thu Cuba; rà soát, đánh giá các hiệu quả hoạt động của các khoản đầu tư tài chính dài hạn, đối với các khoản đầu tư không hiệu quả, thua lỗ thì thực hiện trích lập dự phòng theo quy định để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông Công ty Cổ phần Hanel đối với phần góp tại các công ty.

Hội đồng quản trị đánh giá Ban Tổng Giám đốc đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ trong năm 2020 với các chỉ tiêu như đã báo cáo nêu trên.

### IV. Kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị năm 2021

- Thực hiện đúng chỉ đạo của UBND thành phố Hà Nội và quyết định của ĐHĐCĐ của công ty, tiếp tục thực hiện các dự án được phê duyệt theo Nghị quyết của Công ty.

- Về công tác tài chính, kế toán: Cân đối nguồn vốn và sử dụng vốn hiệu quả, đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ và lập kế hoạch thanh toán nợ phải trả đúng hạn, nhằm nâng cao hoạt động tài chính, thực hiện trích lập dự phòng theo quy định, đảm bảo sử dụng vốn, tài sản hiệu quả.

- Về công tác quản lý: tiếp tục rà soát, hoàn thiện sửa đổi Điều lệ công ty, các quy trình, quy chế để phù hợp với các văn bản pháp luật mới ban hành (Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, Luật chứng khoán 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, v.v..)

- Tiếp tục thực hiện các công việc dở dang của các dự án đang triển khai.

- Kế hoạch lộ trình thoái vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Hanel: công ty tiếp tục báo cáo UBND thành phố Hà Nội và các cơ quan chức năng các khó khăn vướng mắc để tháo gỡ và sớm hoàn tất việc thoái vốn.

- Hội đồng quản trị sẽ họp và xem xét, ra Nghị quyết trên cơ sở những đề xuất của Ban Tổng Giám đốc nhằm đảm bảo hoàn thành được Kế hoạch sản xuất kinh doanh do ĐHCĐ phê duyệt.

### 1. Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh

Căn cứ Quyết định số 1954/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 về việc giao chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động năm 2021 của Công ty Cổ phần Hanel, theo đó công ty Hanel đã xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2021 cụ thể như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020		Kế hoạch năm 2021
		Kế hoạch	Thực hiện	
1	Tổng doanh thu	490.500	448.262	450.000
2	Lợi nhuận trước thuế	20.000	20.099	21.380
3	Lợi nhuận sau thuế	20.000	20.099	21.380
4	Vốn góp chủ sở hữu	1.926.000	1.926.000	1.926.000
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VCSH	1,04%	1,04%	1,08%
6	Khả năng thanh toán nợ đến hạn	>1	>1	>1
7	Tổng số lao động	82	67	70
8	Tổng quỹ lương	15.314	11.263	11.800

### 2. Đối với hoạt động dự án đầu tư

Các dự án đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư có thể bị ảnh hưởng khi có nhà đầu tư nhận chuyển nhượng cổ phần thuộc sở hữu nhà nước. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị đương nhiệm vẫn phấn đấu đẩy mạnh triển khai tiếp các công việc dở dang nhằm tạo tiền đề thuận lợi cho việc chuyển giao quản trị công ty.

Khi cần Hội đồng quản trị sẽ xin ý kiến thông qua của ĐHCĐ theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ công ty và Luật doanh nghiệp (nếu có).

### 3. Kế hoạch lộ trình thoái vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Hanel

Do còn nhiều bất cập trong quy định Pháp luật về chuyển nhượng cổ phần nhà nước và quy định về phương án sắp xếp lại các cơ sở nhà đất nên việc thoái vốn bị kéo dài, đặc biệt là việc xác định giá khởi điểm cổ phần, nên công ty chưa thể hoàn thành việc thoái vốn theo kế hoạch. Hội đồng quản trị công ty cũng đã có văn bản báo cáo UBND thành phố Hà Nội về các vướng mắc liên quan đến thực hiện thoái vốn Nhà nước tại công ty để xin ý kiến chỉ đạo và nỗ lực thực hiện trong thời gian tiếp theo.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

  
**Nguyễn Đình Vinh**

L.C.P ★ KQ.



Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2021

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

**Kính thưa toàn thể Quý cổ đông,**

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Luật doanh nghiệp; Điều lệ Công ty và Quy chế tổ chức, hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Hanel;

- Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 thông qua ngày 25/6/2020;

- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Hanel đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã thực hiện công tác kiểm soát, giám sát theo quy định về các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và xin báo cáo tới Đại hội một số nội dung chính như sau:

## **I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

### **1. Tình hình chung**

Tại ngày 31/12/2020, Thành viên Ban kiểm soát gồm:

- + Bà Cao Mai Khanh : Trưởng ban
- + Bà Lương Thị Kim Hậu : Thành viên
- + Bà Phùng Thị Thùy Dung : Thành viên.

Ban kiểm soát hoạt động tuân thủ đúng quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty Cổ phần Hanel và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

### **2. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020**

Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã thực hiện các công việc sau:

- Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, cuộc họp giao ban của Công ty để nắm bắt thông tin về công tác quản trị điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc cũng như tình hình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty, việc chấp hành theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị;

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành thực hiện trong hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Hỗ trợ HĐQT quản lý giám sát thực hiện các quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông phù hợp với quy định pháp luật;
- Tham gia việc kiểm tra giám sát hoạt động SX kinh doanh tại các Công ty con;
- Tham gia xem xét, xây dựng các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của Báo cáo Tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Vaco.

## **II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **1. Tình hình chung**

Tại ngày 31/12/2020, Hội đồng quản trị bao gồm các thành viên sau:

- + Ông Nguyễn Đình Vinh : Chủ tịch HĐQT
- + Bà Bùi Thị Hải Yến : Thành viên HĐQT
- + Bà Nguyễn Minh Trang : Thành viên HĐQT.

### **2. Nhận xét công tác quản lý Công ty của Hội đồng quản trị trong năm 2020**

- Năm 2020, Hội đồng quản trị đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; triển khai và thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo đúng thẩm quyền;

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và các cuộc họp theo tính chất sự vụ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty. Trong năm 2020, HĐQT tiếp tục có những hoạt động tích cực và hiệu quả, phối hợp chặt chẽ với ban Tổng Giám đốc để đưa ra các định hướng cũng như giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị được ban hành phù hợp với chức năng và quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

## **III. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

### **1. Tình hình chung**

Thành viên Ban Tổng giám đốc của Công ty CP Hanel tại ngày 31/12/2020 như sau:

- + Bà Bùi Thị Hải Yến : Tổng Giám đốc
- + Bà Nguyễn Minh Trang : Phó Tổng Giám đốc.

### **2. Nhận xét về công tác điều hành Công ty của Ban Tổng giám đốc trong năm 2020**

- Ban Tổng giám đốc đã điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, các quyền và nhiệm vụ do Hội

đồng quản trị quy định, phân công, ủy quyền.

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý tại các phòng, ban, đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Điều lệ Công ty;

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các giải pháp nhằm hoàn thành kế hoạch SXKD tháng, quý, năm mà Nghị quyết ĐHĐCĐ và Hội đồng quản trị đã thông qua;

- Tuyển dụng lao động; Bổ nhiệm, miễn nhiệm chấm dứt hợp đồng lao động; Chỉ đạo sắp xếp, bố trí nhân lực hợp lý, hiệu quả trong cơ cấu lại tổ chức các phòng ban phù hợp mô hình Công ty mới;

- Triển khai thực hiện công tác thoái vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Hanel và các công việc điều hành khác tại Công ty thuộc phạm vi, trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc.

#### **IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH & TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2020**

##### **1. Tình hình tài chính**

Các chỉ tiêu cơ bản về tài sản, nguồn vốn của Công ty được thể hiện trên Báo cáo tài chính riêng năm 2020 đã được kiểm toán như sau:

*Đơn vị tính: triệu VND*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>31/12/2020</b>	<b>31/12/2019</b>	<b>%(2020/2019)</b>
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>481.484</b>	<b>498.966</b>	<b>96,5%</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	52.107	38.519	135,3%
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	176.386	150.116	117,5%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	179.989	225.938	79,7%
IV. Hàng tồn kho	35.587	43.248	82,3%
V. Tài sản ngắn hạn khác	37.415	41.145	90,9%
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>2.243.697</b>	<b>2.258.362</b>	<b>99,4%</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	108.631	108.631	100,0%
II. Tài sản cố định	32.725	41.126	79,6%
III. Tài sản dở dang dài hạn	1.027.972	1.021.335	100,6%
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.073.877	1.079.163	99,5%
V. Tài sản dài hạn khác	492	8.107	6,1%
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>2.725.181</b>	<b>2.757.328</b>	<b>98,8%</b>
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>724.278</b>	<b>735.980</b>	<b>98,4%</b>
I. Nợ ngắn hạn	474.788	370.913	128,0%
II. Nợ dài hạn	249.490	365.067	68,3%
<b>B. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>2.000.903</b>	<b>2.021.348</b>	<b>99,0%</b>
I. Vốn chủ sở hữu	2.000.903	2.021.348	99,0%
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>2.725.181</b>	<b>2.757.328</b>	<b>94,6%</b>

## 2. Tình hình hoạt động kinh doanh

### 2.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

#### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2020 SO VỚI THỰC HIỆN NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH 2020

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	TH2020/TH2019	TH2020/KH2020
1	Vốn góp của chủ sở hữu	Trđ	1.926.000	1.926.000	1.926.000	100,0%	100,0%
2	Tổng doanh thu	Trđ	476.247	490.500	448.262	94,1%	91,4%
3	Tổng chi phí	Trđ	418.147	470.500	428.163	102,4%	91,0%
4	LN trước thuế	Trđ	58.100	20.000	20.099	34,6%	100,5%
5	LN sau thuế (không bao gồm LN khoản thu từ Cuba)	Trđ	58.100	20.000	20.099	34,6%	100,5%
6	Tỷ suất LN sau thuế /Vốn góp CSH	%	3,02%	1,04%	1,04%		
7	Nợ phải trả quá hạn		không	không	không		
8	Khả năng thanh toán nợ đến hạn		>1	>1	>1		

### 2.2. Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh

- ✓ Về doanh thu: Tổng doanh thu của Công ty đạt 448.262 triệu đồng, trong đó:
  - + Doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ: 344.007 triệu đồng;
  - + Doanh thu từ hoạt động tài chính: 103.369 triệu đồng;
  - + Thu nhập khác: 886 triệu đồng.

Doanh thu năm 2020 đạt 94,1% so với thực hiện năm 2019 và đạt 91,4% so với kế hoạch năm 2020 Tổng doanh thu bị giảm so với kế hoạch số tiền là: 42.238 triệu đồng, tương ứng với tỷ lệ giảm: 8,6%.

➤ Chỉ tiêu tổng doanh thu của Công ty trong năm 2020 không đạt kế hoạch là do:

+ Trong những năm gần đây thị trường mặt hàng điện tử ngày càng cạnh tranh khốc liệt khiến thị phần của Công ty bị thu hẹp rất nhiều, theo đó doanh thu từ kinh

doanh thương mại bị sụt giảm nghiêm trọng. Bên cạnh đó, năm 2020 đại dịch Covid 19 đã tác động tiêu cực đến tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, gây gián đoạn chuỗi cung ứng sản xuất và lưu thông hàng hóa dẫn đến các hoạt động kinh doanh thương mại của Công ty cũng bị ảnh hưởng nặng nề. Mặt khác một số dự án trọng điểm của Công ty cũng không được triển khai theo đúng kế hoạch dẫn tới nguồn thu bị giảm đáng kể.

+ Trong năm 2020 phía đối tác của Công ty là tập đoàn Grupo De La Electronica tiếp tục không có khả năng thanh toán bất kỳ khoản công nợ nào cho Hanel, tổng công nợ hiện tại là: 25.079.281,92 USD (khoảng 580 tỷ đồng). Việc này dẫn tới nguồn thu của Công ty bị sụt giảm so với kế hoạch đã đề ra.

✓ Về lợi nhuận sau thuế: Tổng lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2020 là: 20.099 triệu đồng đạt 100,5% so với kế hoạch 2020, tuy nhiên chỉ bằng 34,6% so với thực hiện năm 2019.

➢ Lợi nhuận của Công ty năm 2020 đạt được thấp hơn rất nhiều so với các năm trước là do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19 như đã nêu trên, ngoài ra Công ty phải nộp tiền thuê đất cho khu Công nghiệp Sài Đồng B theo biểu giá mới của Nhà nước dẫn đến chi phí tăng đột biến. Theo đó tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn góp chủ sở hữu năm 2020 đạt tương ứng so với kế hoạch đã đề ra (1,04%) nhưng giảm 1,98% so với thực hiện năm 2019.

Như vậy, năm 2020 mặc dù bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid 19 và chi phí thuê đất tại Khu công nghiệp Sài Đồng B tăng đột biến, tuy nhiên Công ty đã nỗ lực để đạt chỉ tiêu về lợi nhuận do ĐHCĐ đã thông qua, nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.

✓ Về các vấn đề khác:

Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng trong kế toán, Công ty cần thực hiện đánh giá và trích lập đầy đủ dự phòng phải thu khó đòi; dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn theo đúng quy định hiện hành (*Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 10/10/2019*).

## V. KẾT LUẬN

1. Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán được phản ánh đầy đủ, kịp thời đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép.

2. Cần có chiến lược đầu tư thích hợp, cân nhắc triển khai các dự án đầu tư phù hợp và hiệu quả. Đối với các khoản đầu tư không hiệu quả, thua lỗ thì thực hiện trích lập dự phòng theo quy định để đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.

3. Tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiệm thu, thanh quyết toán, quản lý vốn; thu hồi nợ. Tập hợp hồ sơ theo đúng quy định đối với các dự án đang thực hiện.

4. Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2020 được triển khai một cách minh bạch, tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật và Điều lệ



Công ty. Trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình, Ban Kiểm soát ghi nhận không phát sinh rủi ro hay vi phạm nào trọng yếu, ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty Cổ phần Hanel;

## **VI. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2021 CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Năm 2021, Ban kiểm soát sẽ tiếp tục tiến hành công tác kiểm soát định kỳ theo quy định, cụ thể:

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc để nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động của Công ty;
- Đánh giá tình hình thực hiện các Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị;
- Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch SXKD hàng quý và năm của Công ty;
- Đánh giá công tác quản trị, điều hành Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành, thực hiện trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Phối hợp với các Phòng, Ban đi kiểm tra, giám sát hoạt động tại các Công ty con;
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của Báo cáo Tài chính năm;
- Thực hiện một số vấn đề khác thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát tùy tình hình cụ thể.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn và kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Cao Mai Khanh**



**TỜ TRÌNH**

V/v: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức và phương án trả lương cho Người quản lý năm 2020 và kế hoạch năm 2021

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Hanel**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối Nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ LĐTBXH về việc hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;
- Căn cứ Điều lệ và Quy chế tài chính của Công ty Cổ phần Hanel;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Hanel đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán VACO;
- Căn cứ Quyết định số 1954/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc giao chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động năm 2021;
- Căn cứ công văn số 2366/UBND-KGVX ngày 11/6/2020 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2019 và kế hoạch quỹ tiền lương năm 2020 của người quản lý và người lao động Công ty Cổ phần Hanel.

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2021 thông qua các vấn đề sau:

**1. Thông qua phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2020**

Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và quy định về tỷ lệ trích lập quỹ, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.099.261.929	
2	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>20.099.261.929</b>	
3	Lợi nhuận phân bổ vào các quỹ	8.825.332.500	
3.1	- <i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	6.029.778.579	30% LN sau thuế
3.2	- <i>Quỹ khen thưởng, Phúc lợi</i>	2.473.957.316	3 tháng lương b/quân
3.3	- <i>Quỹ khen thưởng người quản lý</i>	321.596.605	1,5 tháng lương b/quân

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
4	Số tiền cổ tức còn lại năm 2019 chưa chi hết chuyển sang chi năm 2020 (theo Nghị quyết số 08/2020NQ-HĐQT-Hanel ngày 22/9/2020)	185.455.408	
5	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	11.459.384.837	(4) = (2) - (3) + (4)
6	Trả cổ tức năm 2020 (*)	11.363.293.800	0,59% trên vốn góp CSH (không tính 1.800 cổ phiếu là cổ phiếu quỹ)
7	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối chuyển sang năm sau	96.091.037	

Ghi chú: (\*) Hiện nay, cổ phiếu Công ty Cổ phần Hanel đã giao dịch trên sàn Upcom do đó việc chi trả cổ tức sẽ thực hiện theo quy định của Luật chứng khoán, quy chế của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) và các pháp luật liên quan. Do đó, theo quy định của VSD số tiền chi trả cổ tức phải có tỷ lệ cụ thể tương đương. Vì vậy, Công ty Hanel đề xuất chia 100% lợi nhuận còn lại chưa phân phối 11.459.384.837 đồng tương đương tỷ lệ 0,59% trên vốn góp CSH (không tính 1.800 cổ phiếu là cổ phiếu quỹ), số tiền còn lại chia không hết là 96.091.037 đồng sẽ chuyển sang chi trả cổ tức năm 2021.

## 2. Thông qua việc chi trả lương cho Người quản lý (NQL) năm 2020

Công ty Cổ phần Hanel chi trả lương người quản lý được thực hiện theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ về việc quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối Nhà nước.

Căn cứ công văn số 2366/UBND-KGVX ngày 11/6/2020 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2019 và kế hoạch quỹ tiền lương năm 2020 của người quản lý và người lao động Công ty Cổ phần Hanel

Hội đồng quản trị kính trình ĐHQĐ thông qua phương án chi trả lương cho Người quản lý chuyên trách, cụ thể như sau:

STT	Người quản lý	QL Kế hoạch (Đã được UBND TP phê duyệt)	Quỹ lương thực hiện
1	NQL đại diện phần vốn nhà nước (HĐQT, Ban TGD)	1.656.000.000	1.599.186.990
2	NQL không đại diện phần vốn (BKS, Kế toán trưởng)	1.314.000.000	973.585.487
	<b>Tổng</b>	<b>2.970.000.000</b>	<b>2.572.772.477</b>

### 3. Thông qua kế hoạch chi trả lương cho NQL năm 2021

Năm 2021, thực tế lợi nhuận sau thuế của Công ty xây dựng dự kiến đạt khoảng 56 tỷ đồng, tuy nhiên trong năm Công ty phát sinh phải nộp một số khoản tiền do việc tăng giá thuê đất tại KCN Sài Đồng B và ảnh hưởng của dịch Covid 19 cụ thể như sau:

- Trong năm 2021 Công ty cổ phần Hanel dự kiến nộp tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Sài Đồng B là khoảng 13,5 tỷ đồng theo thông báo của Cục thuế thành phố Hà Nội về việc thu bổ sung số tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Sài Đồng B, Long Biên, Hà Nội.

- Trước tình hình dịch bệnh Covid 2019, tất cả doanh nghiệp trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đều bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Những lĩnh vực bị ảnh hưởng nặng nề khi dịch bệnh như kinh doanh khách sạn, sản xuất, dịch vụ cho thuê văn phòng, phát triển các dự án bất động sản... đều bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Đây đều là những lĩnh vực hoạt động chính hoặc mang lại nguồn thu lớn cho Hanel nên sẽ ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận năm 2020 ước tính khoảng 21,78 đồng.

Do vậy, lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi phải nộp các khoản phát sinh do bất khả kháng như trên làm tăng chi phí, giảm lợi nhuận tương ứng xuống còn 21,38 tỷ đồng.

Căn cứ vào kế hoạch kinh doanh năm 2021 và quy định tại mục a Khoản 1 Điều 6, Điều 7 Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 và khoản 2 Điều 3 Thông tư 28/2018/TT-BLĐTBXH; HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua phương án kế hoạch chi trả lương cho Người quản lý chuyên trách (HĐQT, BTGD, BKS, KTT) năm 2021 như sau:

\* Quỹ tiền lương kế hoạch của NQL chuyên trách đại diện phần vốn Nhà nước (HĐQT, BTGD: 03 người): Công ty lựa chọn mức tiền lương bình quân kế hoạch năm 2021 là 46.000.000 đồng. Tiền lương kế hoạch năm 2021 của NQL chuyên trách đại diện phần vốn nhà nước là:  $46.000.000 \times 3 \times 12 = 1.656.000.000$  đồng.

\* Quỹ tiền lương kế hoạch của NQL chuyên trách không đại diện phần vốn Nhà nước (BKS, KTT: 04 người): Tiền lương kế hoạch bình quân năm 2021 của NQL không đại diện vốn nhà nước là: 27.375.000 đồng. Tiền lương kế hoạch năm 2021 của NQL chuyên trách không đại diện phần vốn nhà nước là:  $27.375.000 \times 4 \times 12 = 1.314.000.000$  đồng.

Tổng quỹ lương kế hoạch của Người quản lý chuyên trách năm 2020: **2.970.000.000 đồng.**

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua ./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**  
**CÔNG TY**  
**CỔ PHẦN**  
**HANEL**  
M.S.D.N: 0100102206  
Q. ĐÔNG ĐÀ - T.P HÀ NỘI

Nguyễn Đình Vinh

CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL  
**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
Số: 01/TTr - HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
Hà Nội, ngày 04 tháng 6 năm 2021

### TỜ TRÌNH

V/v: **Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 và lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Hanel**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Hanel;
- Căn cứ kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty TNHH kiểm toán VACO;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hanel kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung sau:

1. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán VACO.

2. Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021: uỷ quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập trên cơ sở đề xuất của Ban kiểm soát để thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty theo quy định của Pháp luật và giao Tổng Giám đốc Công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với công ty kiểm toán được lựa chọn. Công ty kiểm toán được lựa chọn là công ty kiểm toán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, nằm trong Danh sách các doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán năm 2021; có uy tín về chất lượng kiểm toán; có mức phí kiểm toán phù hợp với chất lượng và phạm vi kiểm toán.

Trân trọng!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đình Vinh**

*Hà Nội, ngày 04 tháng 6 năm 2021*

**TỜ TRÌNH**

**Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Hanel**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Hanel.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị cụ thể:

Thực hiện theo điểm 1 khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Hội đồng quản trị đã xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị theo đúng quy định của pháp luật (*dự thảo Quy chế đính kèm theo Tờ trình*)

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.

***Trân trọng cảm ơn!***



**Nguyễn Đình Vinh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL

DỰ THẢO

**QUY CHẾ  
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG  
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hà Nội - Tháng Năm 2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

\*\*\*\*\*

**DỰ THẢO QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG  
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần Hanel;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng 6 năm 2021;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Hanel;

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Hanel bao gồm các nội dung sau:

**CHƯƠNG I.  
CÁC QUY ĐỊNH CHUNG**

**ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG**

- 1.1. Phạm vi áp dụng: Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT Công ty Cổ phần HANEL quy định cơ cấu tổ chức, nguyên tắc chế độ hoạt động, quyền hạn, trách nhiệm của HĐQT, Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT và các biện pháp đảm bảo thực hiện quyền của HĐQT nhằm quản trị Công ty theo quy định tại Điều lệ và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
- 1.2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng với các Thành viên HĐQT, Ban TGD và các bộ phận liên quan tại Công ty Cổ phần HANEL.

**ĐIỀU 2. ĐỊNH NGHĨA/THUẬT NGỮ**

- 2.1. "HANEL" hoặc "Công ty": Công ty Cổ phần HANEL.
- 2.2. "Điều Lệ": Điều lệ Công ty Cổ phần HANEL.
- 2.3. "ĐHĐCĐ": Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần HANEL.
- 2.4. "HĐQT": Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần HANEL.
- 2.5. "BKS": Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần HANEL.
- 2.6. "Chủ tịch HĐQT": Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần HANEL.
- 2.7. "Thành viên HĐQT": Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần HANEL.
- 2.8. "Ban TGD": Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần HANEL.
- 2.9. "Phòng/Ban": Các phòng, ban chuyên môn trực thuộc Công ty Cổ phần HANEL.

**ĐIỀU 3. NGUYÊN TẮC, CƠ CẤU VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT**

- 3.1. HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể dưới sự quản lý, điều hành của Chủ tịch HĐQT. Chủ tịch HĐQT và các Thành viên HĐQT có trách nhiệm thực hiện công việc theo đúng các quy định của Quy chế này, Điều Lệ và Pháp luật. Mọi quyết định của HĐQT phải được các thành viên thông qua theo biểu quyết của các thành viên HĐQT.



- 32 HĐQT là cơ quan quản trị của HANEL, có toàn quyền nhân danh HANEL để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều Lệ và Pháp luật, trừ những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của ĐHCĐ, TGD đã được ghi nhận trong Điều Lệ.
- 33 Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình, Chủ tịch HĐQT ủy quyền bằng văn bản cho (01) một thành viên HĐQT đảm nhiệm công việc của mình trong thời gian vắng mặt tại Công ty và/hoặc không tham gia xử lý công việc tại Công ty. Nếu Chủ tịch HĐQT vắng mặt hơn (30) ba mươi ngày mà không có ủy quyền, một thành viên HĐQT triệu tập HĐQT để bầu một thành viên HĐQT tạm thời giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT đến khi Chủ tịch HĐQT có thể thực hiện được nhiệm vụ của mình.
- Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
- 34 HĐQT được sử dụng tài sản, con dấu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Pháp luật.

## **CHƯƠNG II. NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA HĐQT VÀ CÁC THÀNH VIÊN TRONG HĐQT**

### **ĐIỀU 4. NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA HĐQT**

- 4.1 Quản trị Công ty theo quy định của Quy chế này, Điều Lệ và Pháp luật.
- 4.2 Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị được nêu trong Điều 40; Điều 53 Điều Lệ, cụ thể:
- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch hàng năm của Công ty và các công ty con;
  - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - c) Quyết định chào bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; Quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
  - d) Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty
  - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 21 của Điều Lệ;
  - f) Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.
  - g) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm f khoản 2 Điều 26, và

điểm h khoản 2 Điều 40, và Khoản 1 và Khoản 3 Điều 53 của Điều lệ Công ty;

- h) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% (mười phần trăm) đến dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng;
- Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc ĐHĐCĐ ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- Phê duyệt: việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đối với Trưởng phòng, Trưởng Ban hưởng lương chuyên trách; giao cho TGD ký quyết định: bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động theo Nghị quyết của HĐQT;
- j) Giám sát, chỉ đạo TGD và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.
- k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác theo quy định;
- l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến đề ĐHĐCĐ thông qua quyết định.
- m) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên ĐHĐCĐ;
- n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;
- p) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- q) Đình chỉ các quyết định của TGD nếu chỉ ra các điều trái pháp luật, vi phạm Điều Lệ, nghị quyết hoặc các quy định của ĐHĐCĐ, HĐQT và chịu trách nhiệm với các quyết định này;
- r) Được sử dụng tài sản, con dấu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Pháp luật;
- s) Chấp thuận các hợp đồng và giao dịch với người liên quan:
- + Chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất đối với các đối tượng:
    - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
    - Thành viên HĐQT, TGD và người có liên quan của họ;
    - Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.

+ Chấp thuận hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị nhỏ hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

Trong trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

t) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều Lệ.

43 Trình ĐHĐCĐ phê duyệt/thông qua các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 26; Khoản 1 và Khoản 3 Điều 53 Điều Lệ, cụ thể:

- a) Thông qua định hướng phát triển; kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty.
- b) Thông qua Báo cáo tài chính hàng năm;
- c) Thông qua báo cáo của HĐQT về tình hình kinh doanh của Công ty, báo cáo đánh giá thực trạng công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Thông qua báo cáo của ban Kiểm soát về quản lý, điều hành Công ty của HĐQT và Tổng giám đốc Công ty;
- e) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- f) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- g) Quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty;
- h) Quyết định mua lại trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;
- j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác hàng năm cho Hội đồng quản trị, BKS;
- k) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- l) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
- n) Thông qua các Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm s khoản 4.2 Điều này.

Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch trên, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng

có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp.

- o) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
- 44 Triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:
- a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
  - b) Số thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
  - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp;
  - d) Theo yêu cầu của BKS;
  - e) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.
- 45 Có trách nhiệm giải trình trước ĐHĐCĐ, HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu.

## **ĐIỀU 5. NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA CHỦ TỊCH HĐQT**

- 5.1 Chủ tịch HĐQT có nhiệm vụ, quyền hạn như sau:
- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
  - b) Chuẩn bị hoặc tổ chức xây dựng chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp HĐQT;
  - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT;
  - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và/hoặc HĐQT;
  - e) Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ.
- 5.2 Chủ tịch HĐQT là người phụ trách, quản lý chung hoạt động của HĐQT và trực tiếp phụ trách một hoặc một số mặt công tác để giải quyết những công việc khác đã được HĐQT giao quyền hoặc được Điều Lệ và/hoặc Pháp luật quy định thuộc thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT.
- 5.3 Chuẩn bị hoặc tổ chức đánh giá tình hình, kết quả hoạt động trong việc xây dựng phương hướng, kế hoạch hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ để báo cáo ĐHĐCĐ.
- 5.4 Chủ tịch HĐQT không được uỷ quyền cho những người không phải là thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
- 5.5 Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo nghị quyết của HĐQT, quy định của Điều Lệ và theo quy định của pháp luật.

- 5.6 Tham dự đầy đủ các phiên họp của HĐQT; thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp; chịu trách nhiệm cá nhân trước Pháp luật, trước ĐHĐCĐ và trước HĐQT về những ý kiến và quyết định của mình.

## **ĐIỀU 6. NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA THÀNH VIÊN HĐQT**

- 6.1 Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Điều Lệ và Pháp luật.
- 6.2 Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
- 6.3 Đóng góp vào việc xây dựng phương hướng, kế hoạch hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ.
- 6.4 Tham dự đầy đủ các phiên họp của HĐQT; thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp; chịu trách nhiệm cá nhân trước Pháp luật, trước ĐHĐCĐ và trước HĐQT về những ý kiến và quyết định của mình.
- 6.5 Các thành viên HĐQT có quyền yêu cầu TGD, Phó TGD, người quản lý các đơn vị trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong Công ty.
- 6.6 Thành viên HĐQT không được ủy quyền cho những người không phải là thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
- 6.7 Có trách nhiệm giải trình trước ĐHĐCĐ, HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu.
- 6.8 Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
- 6.9 Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Điều Lệ và theo quy định của pháp luật.

## **CHƯƠNG III. CUỘC HỌP CỦA HĐQT VÀ LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN**

### **ĐIỀU 7. QUY ĐỊNH VỀ HỌP VÀ CÁC HÌNH THỨC HỌP**

- 7.1 HĐQT họp định kỳ theo quý hoặc họp bất thường. Cuộc họp của HĐQT do Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền triệu tập hoặc người đề nghị triệu tập cuộc họp HĐQT theo quy định của Điều Lệ.
- 7.2 Cuộc họp HĐQT có thể tổ chức tại trụ sở chính của HANEL hoặc theo hình thức nghị sự khác giữa các thành viên HĐQT ở những địa điểm khác nhau, với điều kiện mỗi thành viên tham gia họp đều có thể nghe và phát biểu, thảo luận đồng thời.
- 7.3 Các quyết định được thông qua theo hình thức nghị sự khác sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp, nhưng sau đó các thành viên tham gia họp phải ký vào biên bản cuộc họp này.
- 7.4 Cuộc họp HĐQT được tiến hành theo quy định tại Điều 44 Điều Lệ. Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên HĐQT có quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên HĐQT khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được

chuyển đến chủ tọa cuộc họp chậm nhất 01 giờ trước giờ họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp.

## **ĐIỀU 8. QUY ĐỊNH VỀ CUỘC HỌP BẤT THƯỜNG CỦA HĐQT**

- 8.1 Chủ tịch HĐQT triệu tập họp bất thường khi xét thấy cần thiết hoặc có một trong các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 44 Điều Lệ. Chủ tịch HĐQT có quyền từ chối đề nghị triệu tập cuộc họp bằng văn bản và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình.
- 8.2 Khi có đề nghị họp HĐQT được lập thành văn bản theo quy định tại Khoản 3 Điều 44 của Điều Lệ, trong đó nêu rõ mục đích họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- 8.3 Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn (07) bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị theo quy định tại Điều 8.2 quy chế này.

Trường hợp Chủ tịch HĐQT không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị đúng hạn vì lý do bất khả kháng thì trong thời hạn nêu trên phải thông báo cho người yêu cầu bằng văn bản và ghi rõ thời gian dự kiến tiến hành cuộc họp.

Trường hợp Chủ tịch HĐQT hoặc người được Chủ tịch HĐQT ủy quyền không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị đúng hạn mà không vì lý do bất khả kháng thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.

## **ĐIỀU 9. THÔNG BÁO VÀ CHUẨN BỊ NỘI DUNG HỌP HĐQT**

- 9.1 Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải thông báo mời họp chậm nhất (03) ba ngày làm việc trước ngày họp, ngoại trừ trong trường hợp khẩn cấp, Chủ tịch HĐQT có thể triệu tập họp ngay lập tức để giải quyết xử lý. Thông báo mời họp có nêu rõ thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề cần thảo luận và quyết định.
- 9.2 Thông báo mời họp được gửi bằng thư điện tử, buro điện, fax hoặc các hình thức liên lạc khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.
- 9.3 Thành viên BKS, TGD, phó TGD và các cán bộ quản lý khác có thể được mời dự cuộc họp của HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết. Trong trường hợp mời thành viên BKS, cán bộ quản lý tham dự cuộc họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp và các thông tin, tài liệu có liên quan kèm theo đến các thành viên BKS, cán bộ quản lý khác như đối với thành viên HĐQT.
- 9.4 Trong trường hợp Nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua bằng 100% thành viên HĐQT có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

## **ĐIỀU 10. BIÊN BẢN HỌP HĐQT**

- 10.1 Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi vào sổ biên bản và được lập bằng tiếng Việt. Trong trường hợp cần thiết, biên bản và nghị quyết của HĐQT có thể được

lập thêm bằng các ngôn ngữ khác nhưng bản tiếng Việt được ưu tiên áp dụng. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
  - c) Thời gian, địa điểm họp;
  - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
  - e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
  - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
  - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, những thành viên không tán thành và không có ý kiến;
  - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
  - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.
- 102 Chủ tọa, thư ký chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản họp HĐQT. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a,b,c,d,e,f,g và h khoản 10.1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
- 103 Chậm nhất sau (03) ba ngày kể từ ngày họp HĐQT, thư ký HĐQT có trách nhiệm gửi bản sao biên bản họp cho tất cả các thành viên HĐQT.
- 104 Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại phòng văn thư của Công ty và thư ký HĐQT.

## **ĐIỀU 11. QUYẾT ĐỊNH THÔNG QUA TẠI CUỘC HỌP HĐQT**

- 11.1 Quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số phiếu có quyền biểu quyết tán thành, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của chủ tọa cuộc họp.
- 11.2 Thành viên HĐQT có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra HĐQT quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu có quyền biểu quyết có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên HĐQT khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

## **ĐIỀU 12. TỔ CHỨC LẤY Ý KIẾN THÀNH VIÊN HĐQT BẰNG VĂN BẢN**

- 12.1 Chủ tịch HĐQT quyết định việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản.
- 12.2 Việc lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản có thể thông qua hình thức gửi thư điện tử đến địa chỉ thư điện tử của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty song song với gửi bản in gửi theo đường chuyển phát thư. Ý kiến của thành viên HĐQT gửi qua thư điện tử có giá trị như ý kiến bằng văn bản để Chủ tịch HĐQT ra quyết định/ nghị quyết. Các thành viên HĐQT phải có ý kiến gửi về thư ký HĐQT trong thời hạn 15 ngày hoặc thời hạn ngắn hơn khi được sự nhất trí

bảng văn bản của các thành viên HĐQT. Nếu quá thời hạn quy định gửi lại thì coi như thành viên đó không có ý kiến.

- 12.3 Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản phải được gửi đến các thành viên HĐQT trong thời hạn (15) mười lăm ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến.
- 12.4 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại Phòng văn thư của Công ty và thư ký HĐQT.
- 12.5 Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp HĐQT.

## **CHƯƠNG IV. ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **ĐIỀU 13. TRÁCH NHIỆM CUNG CẤP THÔNG TIN**

TGD, phó TGD, Phòng/Ban và các chức danh quản lý trong Công ty có trách nhiệm thực hiện cung cấp thông tin theo yêu cầu của HĐQT, thành viên HĐQT, trừ trường hợp bí mật kinh doanh được cung cấp theo quy chế riêng hoặc theo nghị quyết của HĐQT.

### **ĐIỀU 14. THƯ KÝ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- 14.1. Để đảm bảo hoạt động và liên lạc giữa các thành viên HĐQT, trợ giúp cho Chủ tịch HĐQT cũng như việc thực hiện các quyền của HĐQT, Chủ tịch HĐQT có thể quyết định việc sử dụng một thư ký HĐQT hoặc thành lập tổ thư ký HĐQT (“Thư ký HĐQT”).
- 14.2. Thư ký HĐQT làm việc theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT hoặc quy chế được HĐQT thông qua. Nhân sự là Thư ký HĐQT là người lao động của Công ty.
- 14.3. Mọi liên lạc qua Thư ký HĐQT là liên lạc chính thức với HĐQT. Trừ trường hợp Công ty có quy định khác.

### **ĐIỀU 15. CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- 15.1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài.
- 15.2. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
- 15.3. Nhân sự của ủy ban chuyên trách có thể là người lao động trong Công ty và/hoặc chuyên gia do HĐQT lựa chọn.
- 15.4. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Điều lệ công ty và quy định pháp luật hiện hành.
- 15.5. Chi phí hoạt động của ủy ban chuyên trách do ĐHCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên.



**CHƯƠNG V.  
HIỆU LỰC THI HÀNH**

**ĐIỀU 16. TRÁCH NHIỆM THI HÀNH**

- 16.1 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hanel gồm 5 Chương, 16 Điều và có hiệu lực kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Hanel thông qua ngày tháng 6 năm 2021.
- 16.2 Các thành viên HĐQT, TGD, phó TGD, Phòng/Ban và các bộ phận, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG I. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG</b>	<b>1</b>
ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG	1
ĐIỀU 2. ĐỊNH NGHĨA/THUẬT NGỮ	1
ĐIỀU 3. NGUYÊN TẮC, CƠ CẤU VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT	1
<b>CHƯƠNG II. NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA HĐQT VÀ CÁC THÀNH VIÊN TRONG HĐQT</b>	<b>2</b>
ĐIỀU 4. NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA HĐQT	2
ĐIỀU 5. NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA CHỦ TỊCH HĐQT	5
ĐIỀU 6. NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA THÀNH VIÊN HĐQT	6
<b>CHƯƠNG III. CUỘC HỌP CỦA HĐQT VÀ LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN</b>	<b>6</b>
ĐIỀU 7. QUY ĐỊNH VỀ HỌP VÀ CÁC HÌNH THỨC HỌP	6
ĐIỀU 8. QUY ĐỊNH VỀ CUỘC HỌP BẤT THƯỜNG CỦA HĐQT	7
ĐIỀU 9. THÔNG BÁO VÀ CHUẨN BỊ NỘI DUNG HỌP HĐQT	7
ĐIỀU 10. BIÊN BẢN HỌP HĐQT	7
ĐIỀU 11. QUYẾT ĐỊNH THÔNG QUA TẠI CUỘC HỌP HĐQT	8
ĐIỀU 12. TỜ CHỨC LẤY Ý KIẾN THÀNH VIÊN HĐQT BẰNG VĂN BẢN	8
<b>CHƯƠNG IV. ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG HĐQT</b>	<b>9</b>
ĐIỀU 13. TRÁCH NHIỆM CUNG CẤP THÔNG TIN	9
ĐIỀU 14. THƯ KÝ HĐQT	9
ĐIỀU 15. CÁC TIÊU BAN THUỘC HĐQT	9
<b>CHƯƠNG V. HIỆU LỰC THI HÀNH</b>	<b>10</b>
ĐIỀU 16. TRÁCH NHIỆM THI HÀNH	10

Hà Nội, ngày *04* tháng *6* năm 2021

**TỜ TRÌNH**  
**CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL**  
**TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**  
**Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Hanel**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Hanel.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát cụ thể:

Thực hiện theo điểm 1 khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Ban kiểm soát đã xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát theo đúng quy định của pháp luật (*dự thảo Quy chế đính kèm theo Tờ trình*)

Ban kiểm soát kính trình Đại hội cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

*Trân trọng cảm ơn!*

**TM. BAN KIỂM SOÁT**  
**TRƯỞNG BAN**



**Cao Mai Khanh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL

**DỰ THẢO**

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG  
CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Hà Nội - Tháng Năm 2021



Hà Nội, ngày tháng năm 2021

## **QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Hanel;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số .../NQ-ĐHĐCĐ ngày ... tháng .... năm 2021,

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Hanel bao gồm các nội dung sau:

### **Chương I**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

##### **Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

### **Chương II**

#### **THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

##### **Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát**

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

#### **Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

#### **Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát**

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc và người quản lý khác;

4. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

7. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

#### **Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát**

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trường Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

### **Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thỏa mãn các điều kiện quy định đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát, cụ thể như sau:

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 10% đến dưới 35% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử 1 (một) ứng cử viên.
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 35% đến dưới 65% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 2 (hai) ứng cử viên.
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 65% trở lên tổng số cổ phần phổ thông được đề cử từ 3 (ba) ứng cử viên.

2. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát đương nhiệm và các cổ đông khác đề cử.

### **Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

### **Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế này

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

- c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
  - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - c) Vi phạm nhiều lần hoặc vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
  - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

### **Chương III**

#### **BAN KIỂM SOÁT**

##### **Điều 10. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát**

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.



7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông hoặc nhóm cụ thể quy định tại Điều lệ hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông..
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
21. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
22. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

23. Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

24. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 11. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát**

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

#### **Điều 12. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông**

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
- c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

## Chương IV

### CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

#### Điều 13. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

#### Điều 14. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

## Chương V

### BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

#### Điều 15. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc
5. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
6. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

#### Điều 16. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

#### **Điều 17. Công khai các lợi ích liên quan**

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

### **Chương VI**

#### **MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT**

##### **Điều 18. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát**

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.

##### **Điều 29. Mối quan hệ với ban điều hành**

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

**Điều 20. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị**

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

**Chương VII**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 21. Hiệu lực thi hành**

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Hanel bao gồm 7 chương, 21 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua ngày tháng năm 2021.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
THƯỜNG NIÊN NĂM 2021  
CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021  
CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL**

*Căn cứ:*

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Hanel;
- Biên bản kiểm phiếu ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Công ty CP Hanel;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Hanel đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 30/06/2021;

Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Hanel tổ chức tại trụ sở Công ty Cổ phần Hanel, Số 2 Chùa Bộc, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Hà Nội đã thông qua Nghị quyết này với các nội dung sau đây:

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1.** Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Ban Tổng Giám đốc (*Báo cáo đính kèm*)

**1. Tóm tắt kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2020
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu VNĐ	448.262
2	Tổng chi phí	Triệu VNĐ	428.163
2.1	Giá vốn hàng bán	Triệu VNĐ	332.172
2.2	Chi phí tài chính, CP quản lý, CP bán hàng, CP khác	Triệu VNĐ	95.991
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu VNĐ	20.099
4	Tổng số lao động	Người	67
5	Tổng quỹ lương	Triệu VNĐ	11.263

## 2. Tóm tắt kế hoạch SXKD năm 2021

STT	Chỉ tiêu	DVT	KH năm 2021
1	Vốn góp chủ sở hữu	Triệu VNĐ	1.926.000
2	Tổng doanh thu	Triệu VNĐ	450.000
3	Tổng chi phí	Triệu VNĐ	428.620
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu VNĐ	21.380
5	Tỷ suất lợi nhuận/Vốn CSH	%	1,08%
6	Nợ phải trả quá hạn		Không
7	Khả năng thanh toán nợ đến hạn		>1
8	Tổng số lao động	Người	70
9	Tổng quỹ lương	Triệu VNĐ	11.800

**Điều 2.** Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động năm 2020 và định hướng năm 2021 của Công ty Cổ phần Hanel (*Báo cáo của Hội đồng quản trị đính kèm*).

**Điều 3.** Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2020 và định hướng năm 2021 của Công ty Cổ phần Hanel (*Báo cáo của Ban kiểm soát đính kèm*).

**Điều 4.** Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 và thông qua việc giao cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập trên cơ sở đề xuất của Ban kiểm soát để thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty theo quy định của Pháp luật và giao Tổng giám đốc Công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với công ty kiểm toán được lựa chọn.

**Điều 5.** Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức và phương án trả lương cho Người quản lý năm 2020 và kế hoạch năm 2021 (*Tờ trình đính kèm*).

**Điều 6.** Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Công ty Cổ phần Hanel 2021 (*Tờ trình, Phụ lục và dự thảo Điều lệ sửa đổi lần 03 đính kèm*).

**Điều 7.** Thông qua việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị (*Tờ trình và Quy chế đính kèm theo*).

**Điều 8.** Thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (*Tờ trình và Quy chế đính kèm theo*).

**Điều 9.** Giao Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện các nội dung của Nghị quyết đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Hanel và báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên trong kỳ Đại hội kế tiếp.

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Hanel thông qua toàn văn tại Đại hội.

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông (đăng trên website Cty);
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Các phòng, Ban Công ty;
- Lưu VT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**

**Nguyễn Đình Vinh**





CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL  
**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Số: 03/TTr - HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 04 tháng 6 năm 2021

### TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Công ty Cổ phần Hanel

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Hanel**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Hanel (sửa đổi lần 2) đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường thông qua ngày 26/8/2019;
- Căn cứ yêu cầu tổ chức hoạt động của Công ty.

Trên cơ sở những thay đổi của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, Hội đồng quản trị Công ty đã rà soát, xem xét sửa đổi bổ sung một số điều khoản trong Điều lệ của Công ty. Các nội dung sửa đổi, bổ sung đối với Điều lệ của Công ty được nêu cụ thể tại Phụ lục kèm theo Tờ trình này. *(Phụ lục và dự thảo Điều lệ sửa đổi lần 03 chi tiết đính kèm theo)*

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hanel kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét, thông qua Điều lệ của Công ty.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT**



Nguyễn Đình Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL

DỰ THẢO



**ĐIỀU LỆ**  
**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

(Sửa đổi lần thứ 3)

Hà Nội - Tháng      năm 2021

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**ĐIỀU LỆ**  
**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL**

---

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Quyết định số 1712/QĐ-UBND ngày 14/03/2017 của UBND Thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Hanel khi thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Hanel;
- Căn cứ Quyết định số 4638/QĐ-UBND ngày 17/7/2017 về việc chuyển công ty TNHH một thành viên Hanel thành Công ty Cổ phần Hanel

Chúng tôi, những cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông năm 2021 Công ty Cổ phần Hanel đã nhất trí thông qua nội dung của bản Điều lệ và cùng cam kết thực hiện nghiêm chỉnh những quy định trong bản Điều lệ này.

Bản Điều lệ này chi phối toàn bộ những vấn đề về tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Hanel.

**CHƯƠNG I.**  
**ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

**ĐIỀU 1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ**

Trừ trường hợp Pháp luật và Điều lệ Công ty có quy định khác, những từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

- a) Công ty: là Công ty Cổ phần Hanel
- b) Vốn điều lệ: là vốn góp của các cổ đông đóng góp trong một thời hạn nhất định và được quy định tại Điều 8 Điều lệ này.
- c) Điều lệ Công ty: là Điều lệ Công ty Cổ phần Hanel
- d) Luật Doanh nghiệp: là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020.
- e) Pháp luật: là tất cả các văn bản pháp luật của Nhà nước được quy định tại Luật ban hành các văn bản pháp luật (bao gồm cả văn bản pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế chúng)

f) Cổ đông: là cá nhân hoặc tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty.

g) Người quản lý của Công ty: là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc.

h) Người quản lý khác: là Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng ban nghiệp vụ và người được công ty cử làm đại diện phần vốn, tham gia quản lý, điều hành tại các đơn vị mà Công ty có góp vốn.

i) Các đơn vị trực thuộc Công ty: văn phòng đại diện, chi nhánh, các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

j) Địa chỉ liên lạc: là địa chỉ đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức; địa chỉ thường trú hoặc nơi làm việc hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với doanh nghiệp để làm địa chỉ liên lạc.

k) Giấy tờ pháp lý của cá nhân: là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

l) Giấy tờ pháp lý của tổ chức: là một trong các loại giấy tờ sau đây: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác

m) Người có quan hệ gia đình bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

## **ĐIỀU 2. TÊN GỌI, TRỤ SỞ VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

### **1. Tên gọi**

- Tên gọi đầy đủ của Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL**
- Tên giao dịch quốc tế: **HANEL JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **CÔNG TY HANEL**
- Logo Công ty:



### **2. Trụ sở chính**

- Địa chỉ: Số 2 phố Chùa Bộc, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại : 024.38524555
- Fax : 024.38525770
- Website : [www.hanel.com.vn](http://www.hanel.com.vn)

- Email : info@hanel.com.vn

### **3. Phạm vi hoạt động**

Công ty Cổ phần Hanel hoạt động sản xuất kinh doanh trên phạm vi lãnh thổ nước Việt Nam, Công ty có thể mở chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ Quốc tế.

## **ĐIỀU 3. HÌNH THỨC TỔ CHỨC VÀ TƯ CÁCH PHÁP NHÂN**

### **1. Hình thức tổ chức**

Công ty Cổ phần Hanel được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Hanel là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND thành phố Hà Nội. Công ty có vốn điều lệ thuộc sở hữu các cổ đông của công ty, được chia thành nhiều phần bằng nhau được gọi là cổ phần và chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ bằng số vốn đó, hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

### **2. Tư cách pháp nhân**

Công ty Cổ phần Hanel, có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, có con dấu riêng, được mở tài khoản tiền Việt Nam đồng và ngoại tệ tại các ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của Pháp luật. Hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản hiện hành của Nhà nước.

## **ĐIỀU 4. MỤC TIÊU, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**

### **1. Mục tiêu**

Công ty Cổ phần Hanel được thành lập nhằm mục tiêu:

- Không ngừng nâng cao lợi ích của Nhà nước, của Công ty, các cổ đông và người lao động.
- Tăng tích lũy và phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Góp phần thiết thực vào việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của Thành phố và cả nước.

### **2. Lĩnh vực kinh doanh chính**

- Điện, điện tử, công nghệ thông tin, viễn thông;
- Đào tạo nghề công nghệ cao;
- Bất động sản, hạ tầng khu công nghiệp, khu công nghệ thông tin tập trung, khu công nghệ cao, khu công nghiệp phụ trợ;
- Nông nghiệp công nghệ cao.

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
1.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
2.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
3.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
4.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
5.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
6.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
7.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
8.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
9.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
10.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
11.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
12.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
13.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
14.	Sản xuất rượu vang	1102
15.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
16.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
17.	Sản xuất sợi	1311
18.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
19.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
20.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
21.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
22.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1393
23.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
24.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
25.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
26.	Sản xuất giày dép	1520
27.	Cửa, xe, bảo gỗ và bảo quản gỗ	1610
28.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
29.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng <i>(Chi tiết: Sản xuất đồ gỗ chủ yếu dùng trong công nghiệp xây dựng, cụ thể: Rui, mè, xà, dầm, các thanh giằng, các khung đỡ mái nhà được làm sẵn bằng gỗ, bằng kim loại nối với nhau và bằng gỗ dán mỏng, cửa ra vào, cửa sổ, cửa chớp, khung cửa, bất kể chúng có các phụ kiện bằng kim loại hay không, như bản lề, khoá, cầu thang, hàng rào chắn, ván ốp, hạt gỗ, gỗ đúc, lót ván sàn, mảnh gỗ ván sàn được lắp ráp thành tấm. Sản xuất các khung nhà lắp sẵn hoặc các bộ phận của nhà, chủ yếu bằng gỗ; Sản xuất nhà gỗ di động; Sản xuất các bộ phận bằng gỗ (trừ các đồ không có chân)).</i>	1622
30.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
31.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
32.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
33.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
34.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu <i>(Chi tiết: Sản xuất giấy viết, giấy in; Sản xuất giấy in cho máy vi tính; Sản xuất giấy tự copy khác; Sản xuất giấy nền và giấy than; Sản xuất giấy phết hồ sẵn và giấy dính; Sản xuất phong bì, bưu thiếp; Sản xuất sổ sách, sổ kế toán, bìa rời, an-bum và các đồ dùng văn phòng phẩm tương tự dùng trong giáo dục và thương mại)</i>	1709
35.	Sản xuất than cốc	1910
36.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
37.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
38.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
39.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
40.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022

<b>STT</b>	<b>Tên ngành nghề</b>	<b>Mã ngành</b>
41.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
42.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
43.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
44.	Sản xuất sẫm, lớp cao su; đắp và tái chế lớp cao su	2211
45.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
46.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
47.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
48.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
49.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
50.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
51.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
52.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
53.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
54.	Đúc sắt, thép	2431
55.	Đúc kim loại màu	2432
56.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
57.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
58.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
59.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
60.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
61.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
62.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
63.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
64.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620



STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
65.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
66.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
67.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
68.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
69.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
70.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
71.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
72.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
73.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
74.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
75.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
76.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
77.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
78.	Sản xuất máy luyện kim	2823
79.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
80.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
81.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
82.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
83.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác (Chi tiết: Sản xuất xe có động cơ)	2910
84.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc (Chi tiết: Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc)	2920
85.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác (Chi tiết: Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe)	2930

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
86.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
87.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
88.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
89.	Sản xuất nhạc cụ	3220
90.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
91.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
92.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
93.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
94.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
95.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
96.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
97.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
98.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
99.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
100.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
101.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
102.	Xây dựng nhà để ở	4101
103.	Xây dựng nhà không để ở	4102
104.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
105.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
106.	Xây dựng công trình điện	4221
107.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
108.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
109.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
110.	Xây dựng công trình thủy	4291
111.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
112.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
113.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
114.	Phá dỡ (Không bao gồm dịch vụ nổ mìn)	4311
115.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm dịch vụ thăm dò và nổ mìn)	4312
116.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
117.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
118.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
119.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
120.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
121.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Không bao gồm các loại động vật hoang dã quy định tại Phụ lục 1 của Công ước về buôn bán quốc tế các loài thực vật, động vật hoang dã nguy cấp; các động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm quy định tại Phụ lục 3 của Luật đầu tư; Lá thuốc lá quy định tại Phụ lục 3 Thông tư 34/2013/TT-BCT)	4620
122.	Bán buôn thực phẩm (Trừ đường mía, đường củ cải)	4632
123.	Bán buôn đồ uống (Không bao gồm bán buôn rượu)	4633
124.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
125.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
126.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (Không bao gồm các vật phẩm đã ghi hình trên mọi chất liệu theo quy định tại Phụ lục 3 Thông tư 34/2013/TT-BCT)	4651

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
127.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông <i>(Không bao gồm các vật phẩm đã ghi hình trên mọi chất liệu theo quy định tại Phụ lục 3 Thông tư 34/2013/TT-BCT)</i>	4652
128.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
129.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
130.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
131.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp <i>(Trừ gạo, đường mía, đường củ cải, thuốc lá, thuốc láo, xì gà)</i>	4711
132.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh <i>(Trừ dầu thô và dầu đã qua chế biến)</i>	4730
133.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh <i>(Không bao gồm các vật phẩm đã ghi hình trên mọi chất liệu theo quy định tại Phụ lục 3 Thông tư 34/2013/TT-BCT)</i>	4741
134.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
135.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
136.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh <i>(Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh)</i>	4772
137.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa <i>(Chi tiết: Dịch vụ kho bãi)</i>	5210
138.	Chuyển phát <i>(Chi tiết: Chuyển phát nhanh)</i>	5320
139.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
140.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng <i>(Chi tiết: phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)</i>	5621

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
141.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
142.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
143.	Xuất bản phần mềm (Chi tiết: Sản xuất phần mềm)	5820
144.	Lập trình máy vi tính	6201
145.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
146.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
147.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư)	6619
148.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; Đối với đất được Nhà nước cho thuê thì được đầu tư xây dựng nhà ở để cho thuê; đầu tư xây dựng nhà, công trình xây dựng không phải là nhà ở để bán, cho thuê, cho thuê mua; Nhận chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản của chủ đầu tư để xây dựng nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Đối với đất được Nhà nước giao thì được đầu tư xây dựng nhà ở để bán, cho thuê, cho thuê mua; Đối với đất thuê trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế thì được đầu tư xây dựng nhà, công trình xây dựng để kinh doanh theo đúng mục đích sử dụng đất).	6810 (Chính)
149.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Chi tiết: Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản; Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản)	6820
150.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Chi tiết: Chuẩn bị và thực hiện các dự án liên quan đến kỹ thuật điện và điện tử, kỹ thuật khai khoáng, kỹ thuật hoá học, dược học, công nghiệp và nhiều hệ thống, kỹ thuật an toàn hoặc những dự án quản lý nước; Chuẩn bị các dự án sử dụng máy điều hoà, tủ lạnh, máy hút bụi và kỹ thuật kiểm soát ô nhiễm, kỹ thuật âm thanh; Lập dự án đầu tư xây dựng; Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Dịch vụ tư vấn đấu thầu (Không bao gồm quản lý chi phí đầu tư xây dựng).	7110

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
151.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Chi tiết: Kiểm tra âm thanh và chấn động; Kiểm tra thành phần và độ tinh khiết của khoáng chất...; Chứng nhận sản phẩm, bao gồm hàng hóa tiêu dùng, xe có động cơ, máy bay, vỏ điều áp, máy móc nguyên tử)	7120
152.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ (Chi tiết: Ứng dụng công nghệ vi sinh)	7212
153.	Quảng cáo (Không bao gồm quảng cáo thuốc lá và những mặt hàng bị cấm quảng cáo)	7310
154.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Chi tiết: Dịch vụ nghiên cứu thị trường)	7320
155.	Đại lý du lịch (Không bao gồm dịch vụ đưa khách du lịch Việt Nam ra nước ngoài)	7911
156.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch (Chi tiết: Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch, không bao gồm dịch vụ đưa khách du lịch Việt Nam ra nước ngoài)	7990
157.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Xuất nhập khẩu và ủy thác nhập khẩu, trừ các mặt hàng cấm xuất, nhập khẩu quy định tại Phụ lục 01 và Phụ lục 02 Thông tư 34/2013/TT-BCT).	8299
158.	Đào tạo sơ cấp	8531
159.	Đào tạo trung cấp	8532
160.	Đào tạo cao đẳng	8533
161.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
162.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
163.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
164.	Sửa chữa thiết bị đồ dùng gia đình	9522

### 3. Ngành nghề kinh doanh

Công ty được phép kinh doanh tất cả các ngành nghề, lĩnh vực khác mà pháp luật không cấm.

Khi cần thiết Công ty quyết định việc chuyển hay mở rộng ngành nghề kinh doanh phù hợp với quy định của Pháp luật.

#### **ĐIỀU 5. THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG**

1. Công ty Cổ phần Hanel chính thức hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Thời hạn hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định và thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy định hiện hành.

#### **ĐIỀU 6. NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

1. Công ty Cổ phần Hanel tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng Pháp luật.

2. Cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty Cổ phần Hanel là Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ).

3. Hội đồng quản trị (HĐQT) là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

4. Công ty có 01 (một) người là đại diện theo pháp luật và Người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc Công ty.

5. Ban kiểm soát là cơ quan kiểm soát hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm.

6. Tổng Giám đốc công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc thuê, là người điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh chung và là người đại diện theo Pháp luật của Công ty theo quy định của Điều lệ này.

#### **ĐIỀU 7. TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ VÀ TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI TRONG CÔNG TY**

1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức đó phù hợp với quy định của Pháp luật.

2. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này.

## CHƯƠNG II. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU VÀ CỔ ĐÔNG

### ĐIỀU 8. VỐN ĐIỀU LỆ

1. Vốn Điều lệ của Công ty Cổ phần Hanel được góp bằng tiền Việt Nam hoặc tài sản hiện vật khác theo quy định của Pháp luật hiện hành và được hạch toán theo đơn vị tiền tệ thống nhất là Việt Nam đồng (VND).

Tại ngày thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Hanel là: **1.926.000.000.000 đồng** (một nghìn chín trăm hai mươi sáu tỷ đồng), trong đó:

TT	Danh mục	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ nắm giữ
1	Cổ phần Nhà nước nắm giữ	188.614.400	1.886.144.000.000	97,93%
2	Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp	91.200	912.000.000	0,05%
2.1	<i>Cổ phần bán cho người lao động trong doanh nghiệp theo năm công tác</i>	<i>78.100</i>	<i>781.000.000</i>	<i>0,04%</i>
2.2	<i>Cổ phần bán cho người lao động được mua ưu đãi theo mức 200 cổ phần/ 1 năm cam kết làm việc tại doanh nghiệp sau cổ phần hóa</i>	<i>13.100</i>	<i>131.000.000</i>	<i>0,01%</i>
3	Cổ phần bán ra bên ngoài thông qua hình thức đấu giá	3.894.400	38.944.000.000	2,02%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>192.600.000</b>	<b>1.926.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Vốn Điều lệ khi thành lập được chia thành 192.600.000 cổ phần bằng nhau. Cổ phần được phát hành dưới hình thức cổ phiếu, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Sử dụng vốn Điều lệ: Vốn điều lệ chỉ được sử dụng vào mục đích kinh doanh, không được sử dụng vốn Điều lệ để chia cổ tức hoặc phân tán cho cổ đông.

Điều chỉnh vốn Điều lệ: Vốn Điều lệ có thể được điều chỉnh theo nhu cầu sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của công ty. Việc điều chỉnh vốn điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với pháp luật, Công ty cổ phần có quyền phát hành chứng khoán các loại để huy động vốn theo quy định của pháp luật.

2. Công ty không đăng ký cổ đông sáng lập.

### ĐIỀU 9. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

1. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn,



người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam, khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

3. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại khoản 3 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì Người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật cho đến khi người đại diện theo pháp luật của công ty trở lại làm việc tại công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của công ty.

5. Tòa án, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng khác có quyền chỉ định người đại diện theo pháp luật tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

6. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

b) Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về Công ty mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho Công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại các điểm a, b, c khoản 6 Điều này.

## **ĐIỀU 10. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN CỦA CHỦ SỞ HỮU, CỔ ĐÔNG CÔNG TY LÀ TỔ CHỨC**

1. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội là chủ sở hữu vốn Nhà nước tại Công ty.

2. Người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, cổ đông Công ty là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh chủ sở hữu, cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Việc cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện theo quy định sau đây:

Tổ chức là cổ đông Công ty có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện.

4. Trường hợp chủ sở hữu, cổ đông công ty là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp chủ sở hữu, cổ đông công ty không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.

5. Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải bằng văn bản, phải thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông;
- b) Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần, phần vốn góp tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân từng người đại diện theo ủy quyền;
- d) Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền;
- đ) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu, cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền.

6. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- b) Cổ đông là Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, trừ doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ không được cử người có quan hệ gia đình của quản lý công ty và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty làm người đại diện tại công ty khác;

7. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, cổ đông là tổ chức

a) Người đại diện theo ủy quyền nhân danh chủ sở hữu, cổ đông thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mọi hạn chế của chủ sở hữu, cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông tương ứng tại Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba.

b) Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; thực hiện quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu, cổ đông cử đại diện.

c) Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu, cổ đông cử đại diện do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này. Chủ sở hữu, cổ đông cử đại diện chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.

## **ĐIỀU 11. CÁC LOẠI CỔ PHẦN**

1. Tất cả các loại cổ phần được phát hành lần đầu của Công ty đều là cổ phần phổ thông kể cả cổ phần Nhà nước nắm giữ, cổ phần bán ưu đãi cho người lao động, cổ phần bán đấu giá và bán cho nhà đầu tư chiến lược.

2. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông.

3. Ngoài cổ phần phổ thông, công ty có thể có cổ phần ưu đãi. Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi. Cổ phần ưu đãi gồm các loại sau đây:

a) Cổ phần ưu đãi cổ tức;

b) Cổ phần ưu đãi hoàn lại;

c) Cổ phần ưu đãi biểu quyết;

d) Cổ phần ưu đãi khác theo quy định pháp luật về chứng khoán.

4. Người được quyền mua cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phần ưu đãi khác do Điều lệ công ty quy định hoặc do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

5. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu cổ phần đó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

6. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

7. Cổ phần phổ thông được dùng làm tài sản cơ sở để phát hành chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết được gọi là cổ phần phổ thông cơ sở. Chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết có lợi ích kinh tế và nghĩa vụ tương ứng với cổ phần phổ thông cơ sở, trừ quyền biểu quyết.

8. Chính phủ quy định về chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết.

## **ĐIỀU 12. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG**

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

a) Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 và khoản 1 Điều 127 của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;

f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty;

i) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau đây:

a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;

b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này.

c) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật như sau:

- Cổ đông sở hữu dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền cho 1 (một) người tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

- Cổ đông sở hữu từ đủ 20 đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền cho tối đa là 2 (hai) người tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

- Cổ đông sở hữu từ đủ 30% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền ủy quyền cho tối đa là 3 (ba) người tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

e) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập thành văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức

độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản này phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác mà gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hoặc của các cổ đông khác thì phải chịu trách nhiệm bồi hoàn vật chất một cách thỏa đáng theo quyết định của Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thỏa mãn các điều kiện quy định đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cụ thể như sau:

**Hội đồng quản trị:**

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 10% đến dưới 35% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử 1 (một) ứng cử viên.
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 35% đến dưới 65% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 2 (hai) ứng cử viên.
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 65% trở lên tổng số cổ phần phổ thông được đề cử đủ 3 (ba) ứng cử viên.

**Ban kiểm soát:**

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 10% đến dưới 35% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử 1 (một) ứng cử viên.
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 35% đến dưới 65% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 2 (hai) ứng cử viên.
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 65% trở lên tổng số cổ phần phổ thông được đề cử đủ 3 (ba) ứng cử viên.

Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, và các cổ đông khác đề cử.

### **ĐIỀU 13. NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG**

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

2. Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
3. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
4. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
5. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

#### **ĐIỀU 14. CỔ PHIẾU**

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty cổ phần Hanel phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
- c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
- d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;
- e) Chữ ký của người đại diện theo Pháp luật của công ty;
- f) Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu.
- g) Các nội dung khác theo quy định tại các điều 116, 117 và 118 của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.

2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó sẽ không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật Công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với Công ty và cổ đông sở hữu cổ phần.

3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

#### **ĐIỀU 15. SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG**

1. Sổ đăng ký cổ đông được lập ngay sau khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông công ty.

2. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính Công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền yêu cầu kiểm tra, tra

cứu hoặc trích lục, sao chép sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông Công ty trong sổ đăng ký cổ đông.

3. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên, trụ sở chính của Công ty;

b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần chào bán của từng loại;

c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp.

d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức.

d) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay địa chỉ liên lạc của cổ đông.

5. Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định.

## **ĐIỀU 16. CHÀO BÁN VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN**

1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau:

a) Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;

b) Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;

c) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

2. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.

3. Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, Công ty phải phát hành và giao cổ phiếu cho người mua; trường hợp không giao cổ phiếu, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi vào sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Công ty.

4. Thủ tục và trình tự chào bán cổ phần thực hiện theo quy định của pháp luật và Luật chứng khoán.

5. Tất cả các cổ phiếu ghi danh đều có thể được tự do chuyển nhượng. Cổ phiếu ghi danh thành viên Hội đồng quản trị chỉ được chuyển nhượng cho người khác khi được Hội đồng quản trị phê chuẩn. Việc chuyển nhượng cổ phiếu thuộc sở hữu nhà nước do đại diện chủ sở hữu nhà nước quy định theo pháp luật hiện hành.

Việc chuyển nhượng cổ phiếu đang niêm yết tại sàn giao dịch chứng khoán thực hiện theo quy định của sàn giao dịch và pháp luật hiện hành.

6. Trong trường hợp pháp luật cho phép, cổ đông Công ty có quyền bán một phần hoặc toàn bộ số cổ phiếu của mình cho cá nhân hoặc pháp nhân nước ngoài.

7. Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty thì phải thực hiện theo quy định sau đây:

a) Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của họ trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần;

b) Thông báo phải gồm họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của cổ đông tại công ty; tổng số cổ phần dự kiến chào bán và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua cổ phần do công ty phát hành. Trường hợp phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về công ty đúng hạn theo thông báo thì cổ đông đó coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua;

c) Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác;

d) Trường hợp số lượng cổ phần dự kiến chào bán không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì Hội đồng quản trị có quyền bán số cổ phần được quyền chào bán còn lại đó cho cổ đông của Công ty và người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

8. Việc chuyển nhượng cổ phần nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác.

## **ĐIỀU 17. THỪA KẾ CỔ PHẦN**

1. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Công ty. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật.

2. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

3. Trường hợp cổ đông là pháp nhân hoặc tổ chức khác thực hiện chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất, chia tách giải thể thì tổ chức hoặc pháp nhân mới kế thừa quyền và nghĩa vụ của cổ đông cũ phải gửi cho Hội đồng quản trị của Công ty các văn bản pháp lý về việc chuyển đổi đó và có văn bản cử người đại diện.



4. Người kế thừa hợp pháp phải thực hiện đầy đủ thủ tục đăng ký để trở thành cổ đông mới, được hưởng mọi quyền lợi và phải thực hiện mọi nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế. Cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cán bộ quản lý khác có quyền để lại di sản kế thừa là cổ phần, nhưng người được thừa kế quyền sở hữu cổ phần không được mặc nhiên thừa kế quyền làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các chức danh quản lý tương ứng.

5. Khi được quyền sở hữu hoặc kế thừa hợp pháp cổ đông mới được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế thừa sau khi đã được ghi vào sổ đăng ký cổ đông.

## **ĐIỀU 18. PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU**

1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Công ty không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đó sẽ không được quyền phát hành trái phiếu, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

3. Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi các quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ về chào bán trái phiếu.

5. Trường hợp Công ty cổ phần phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần thì thực hiện theo trình tự, thủ tục tương ứng chào bán cổ phần theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần.

## **ĐIỀU 19. MUA CỔ PHẦN, TRÁI PHIẾU**

Cổ phần, trái phiếu của Công ty được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác phù hợp với quy định của Pháp luật và phải được thanh toán đủ một lần.

## **ĐIỀU 20. MUA LẠI CỔ PHẦN THEO YÊU CẦU CỦA CỔ ĐÔNG**

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết, quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua Quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Khoản 1 Điều này với giá thị trường trong thời hạn 90 (*chín mươi*) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá, thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

## **ĐIỀU 21. MUA LẠI CỔ PHẦN THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA CÔNG TY**

Công ty có quyền mua lại không quá 30% (*ba mươi phần trăm*) tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến tất cả cổ đông trong thời hạn 30 (*ba mươi*) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.

4. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý chào bán cổ phần của mình bằng phương thức đảm bảo đến được Công ty trong thời hạn 30 (*ba mươi*) ngày, kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

5. Việc mua lại cổ phần của Công ty chỉ được phép thực hiện khi đủ điều kiện thanh toán như quy định tại Điều 22 của Điều lệ này.

## **ĐIỀU 22. ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN VÀ XỬ LÝ CÁC CỔ PHẦN ĐƯỢC MUA LẠI**

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại các Điều 132 và Điều 133 của Luật Doanh nghiệp nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.

2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 132 và Điều 133 của Luật Doanh nghiệp được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 112 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc Công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công ty.

4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% (mười phần trăm) thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

### **ĐIỀU 23. TRẢ CỔ TỨC**

1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã được thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật;

b) Đã trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều lệ Công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật.

4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức phải trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức đảm bảo đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ cổ động chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:

a) Tên công ty và địa chỉ trụ sở chính của công ty;

b) Họ, tên, Địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân;

c) Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;

d) Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;

đ) Thời điểm và phương thức trả cổ tức;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.

5. Trường hợp, cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các điều 123, 124 và 125 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

#### **ĐIỀU 24. THU HỒI TIỀN THANH TOÁN CỔ PHẦN MUA LẠI HOẶC CỔ TỨC**

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 134 của Luật Doanh nghiệp hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 135 của Luật Doanh nghiệp, cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

### **CHƯƠNG III. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ**

#### **ĐIỀU 25. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY**

Cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần Hanel bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông
2. Hội đồng quản trị (HDQT), gồm: Chủ tịch HDQT và các Thành viên HDQT
3. Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc
4. Ban Kiểm soát.

## **MỤC I. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **ĐIỀU 26. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Thông qua định hướng phát triển; kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty.

b) Thông qua Báo cáo tài chính hàng năm;

c) Thông qua báo cáo của HĐQT về tình hình kinh doanh của Công ty, báo cáo đánh giá thực trạng công tác quản lý, điều hành Công ty;

d) Thông qua báo cáo của ban Kiểm soát về quản lý, điều hành Công ty của HĐQT và Tổng giám đốc Công ty;

e) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

f) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

g) Quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty;

h) Quyết định mua lại trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác hàng năm cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Xem xét và xử lý các vi phạm của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty và Cổ đông Công ty (nếu có);

m) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

n) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

o) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

p) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

### **ĐIỀU 27. TRIỆU TẬP HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, nhưng không quá 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hàng năm;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
- f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

3. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp;
- d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d Khoản 3 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty

6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều

115 của Luật Doanh nghiệp có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

7. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

8. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các Khoản 4, 5, 6 của Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

## **ĐIỀU 28. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CÓ QUYỀN DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý Công ty phải cung cấp kịp thời thông tin sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

## **ĐIỀU 29. CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

### **ĐIỀU 30. MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

2. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty.

3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- b) Phiếu biểu quyết;

4. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

### **ĐIỀU 31. THỰC HIỆN QUYỀN DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu



rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

### **ĐIỀU 32. ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% (*năm mươi phần trăm*) tổng số cổ phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 (*ba mươi*) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% (*ba mươi ba phần trăm*) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 (*hai mươi*) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 29 của Điều lệ này.

### **ĐIỀU 33. THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo quy định sau đây:

1. Trước ngày khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông;

2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một số người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều khiển để

Đại hội cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất sẽ làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc, được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự họp, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu người khác trong số

những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

### **ĐIỀU 34. HÌNH THỨC THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết, quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
- b) Định hướng phát triển Công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

### **ĐIỀU 35. ĐIỀU KIỆN ĐỂ NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ĐƯỢC THÔNG QUA**

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% (*sáu mươi lăm phần trăm*) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% (*năm mươi phần trăm*) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp,

bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

### **ĐIỀU 36. THẨM QUYỀN VÀ THỂ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN ĐỂ THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 28 của Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, Địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy tờ pháp lý của cá nhân của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, Địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy tờ pháp lý của cá nhân của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
- e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **ĐIỀU 37. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài (nếu thành phần cuộc họp có người nước ngoài) và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên Chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục và danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản cuộc họp có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

### **ĐIỀU 38. YÊU CẦU HUỖ BỎ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Trong thời hạn 90 (*chín mươi*) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật doanh nghiệp;
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

### **ĐIỀU 39. HIỆU LỰC CỦA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài huỷ bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 38 của Điều lệ này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định huỷ bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

## **MỤC II. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

### **ĐIỀU 40. QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
  - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch hàng năm của Công ty và các công ty con;
  - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; Quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty

e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 21 của Điều lệ này;

f) Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.

g) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm f khoản 2 Điều 26, và điểm h khoản 2 Điều 40, và Khoản 1 và Khoản 3 Điều 53 của Điều lệ này;

h) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% (mười phần trăm) đến dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;

Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

Phê duyệt: việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đối với Trưởng phòng, Trưởng Ban hưởng lương chuyên trách; giao cho Tổng Giám đốc ký quyết định: bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị;

j) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác theo quy định;

l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.

m) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;

p) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

q) Đình chỉ các quyết định của Tổng Giám đốc nếu chỉ ra các điều trái pháp luật, vi phạm điều lệ, nghị quyết hoặc các quy định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm với các quyết định này;



r) Được sử dụng tài sản, con dấu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Pháp luật;

s) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

#### **ĐIỀU 41. NHIỆM KỲ VÀ SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

1. Hội đồng quản trị gồm tối thiểu 03 (ba) thành viên và không nhiều hơn 07 (bảy) thành viên: Trong đó có 01 (một) Chủ tịch và các Thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế;

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc;

4. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

#### **ĐIỀU 42. TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

1. Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty, có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết luật pháp;

3. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác, trừ trường hợp pháp luật doanh nghiệp và pháp luật chứng khoán có quy định khác.

4. Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 của Luật doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là Người có quan hệ gia đình của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ.

5. Các điều kiện khác theo quy định của Pháp luật.

### **ĐIỀU 43. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

4. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Công ty. Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
- e) Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

## ĐIỀU 44. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường .

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc; hoặc ít nhất 5 (năm) người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 3 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có những tài liệu sử dụng tại cuộc họp đó và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các kiểm soát viên như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 9 Điều này.
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức tương tự khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

9. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác tham dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

#### **ĐIỀU 45. BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng nước ngoài (*nếu cần thiết*), bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c) Thời gian, địa điểm họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, những thành viên không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp đó phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

#### **ĐIỀU 46. QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA THÀNH VIÊN HĐQT**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin thực hiện theo quy định của Công ty.

#### **ĐIỀU 47. MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM, THAY THẾ VÀ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HĐQT**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 42 của Điều lệ này.
- b) Có đơn xin từ chức và được chấp thuận;

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nếu thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

#### **ĐIỀU 48. TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

2. Tổng Giám đốc là người điều hành các công việc kinh doanh hàng ngày và là Người đại diện theo Pháp luật của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

3. Tổng Giám đốc có thể là thành viên HĐQT. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 5 (năm) năm; Tổng Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện Tổng Giám đốc:

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty, cụ thể: Tốt nghiệp đại học trở lên, có kinh nghiệm làm công việc quản lý, điều hành trong lĩnh vực hành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty, có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, hiểu biết pháp luật;

- Không được là người có quan hệ gia đình của Người quản lý công ty, Kiểm soát viên của công ty, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty;

- Các quy định khác theo quy định của pháp luật.

5. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và/hoặc Hội đồng quản trị.

b) Tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh, phương án đầu tư của Công ty.

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty

e) Đối với Trưởng phòng, Trưởng ban hưởng lương chuyên trách: Sau khi Hội đồng quản trị phê duyệt việc: bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động; Tổng Giám đốc ký quyết định: bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị;

Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;

f) Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

g) Tuyển dụng, ký và chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Được quyền ủy quyền cho các Phó Tổng Giám đốc hoặc người quản lý khác thay mặt mình để giải quyết một số công việc của Công ty.

j) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

6. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ, Quy chế của Công ty, và nghị quyết của

HĐQT, hợp đồng lao động ký với Công ty (nếu có). Trường hợp điều hành mà trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

#### **ĐIỀU 49. THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG, THƯỜNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC**

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, trả lương, thưởng cho Tổng giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc được trả theo quy định sau đây:

a) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;

b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Pháp luật;

c) Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị và **tiền lương của Tổng Giám đốc** và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

#### **ĐIỀU 50. CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH LIÊN QUAN**

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Công ty;

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ.

3. Việc kê khai quy định tại Khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung

phải được khai báo với Công ty trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

4. Việc công khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Công ty phải thông báo Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung Danh sách nói trên tại các chi nhánh của Công ty;

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc;

d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách những người có liên quan của Công ty và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

## **ĐIỀU 51. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có các nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 50 của Điều lệ này.

e) Thực hiện việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán.



2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công ty và bên thứ ba.

3. Ngoài các nghĩa vụ quy định tại Khoản 1 Điều này thì Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

## **ĐIỀU 52. QUYỀN KHỞI KIẾN ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC**

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho công ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây:

a) Vi phạm trách nhiệm của người quản lý công ty theo quy định tại Điều 51 của Điều lệ;

b) Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh công ty được tính vào chi phí của công ty, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện.

3. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

## **ĐIỀU 53. HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH PHẢI ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG HOẶC HĐQT CHẤP THUẬN**

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan sau đây:

a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người có liên quan của họ;

c) Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của

doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng, giao dịch sau đây :

a) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp.

5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định của Điều này. Người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

6. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

### **MỤC III. BAN KIỂM SOÁT**

#### **ĐIỀU 54. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA BAN KIỂM SOÁT**

1. Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán,

luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và tiếp nhận nhiệm vụ.

### **ĐIỀU 55. TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA KIỂM SOÁT VIÊN**

1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
- d) Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- e) Có trình độ chuyên môn tốt nghiệp Đại học trở lên.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, nếu Công ty là công ty đại chúng, doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật doanh nghiệp, Kiểm soát viên không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty; người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty.

### **ĐIỀU 56. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT**

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc

theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức, quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

## **ĐIỀU 57. QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA BAN KIỂM SOÁT**

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành.

2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban Kiểm soát.

## **ĐIỀU 58. TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, THƯỜNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA KIỂM SOÁT VIÊN**

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quy định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát;

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

## **ĐIỀU 59. TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM SOÁT VIÊN**

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty; không được lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

## **ĐIỀU 60. MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn xin từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

## **CHƯƠNG IV. LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG**

### **ĐIỀU 61. LAO ĐỘNG VÀ TUYỂN DỤNG LAO ĐỘNG**

Việc tuyển dụng, sử dụng, chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động thực hiện theo Bộ Luật lao động; Thỏa ước lao động tập thể và nội dung hợp đồng lao động đã ký giữa người đại diện theo pháp luật của Công ty (hoặc người được Người đại diện theo pháp luật Công ty ủy quyền) với người lao động.

Tổng Giám đốc có quyền tuyển dụng hoặc chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động, theo yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty và phù hợp với quy định của Bộ Luật lao động, Điều lệ Công ty.

### **ĐIỀU 62. TIỀN LƯƠNG**

Tiền lương và các khoản phụ cấp lương, tiền thưởng đối với người lao động được trả theo năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc của người lao động, phù hợp với quy định hiện hành của Luật lao động và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

### **ĐIỀU 63. QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG**

1. *Quyền lợi:* Người lao động trong Công ty cổ phần được hưởng quyền lợi theo quy định của bản Điều lệ này, nội quy lao động và bản thỏa ước lao động tập thể hợp pháp của Công ty đã đăng ký tại cơ quan lao động địa phương theo quy định của pháp luật.

Người lao động được thực hiện chính sách Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

2. *Nghĩa vụ:* Người lao động phải hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, có nghĩa vụ chấp hành Điều lệ, nội quy lao động, và các quy chế của Công ty có liên quan trực tiếp đến nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động. Đối với những người vi phạm kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất, Tổng Giám đốc Công ty có quyền xử lý vi phạm kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất theo nội quy lao động của Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật.

**CHƯƠNG V.**  
**TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

**ĐIỀU 64. NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

**ĐIỀU 65. QUYẾT TOÁN VÀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH**

Hàng năm, sau khi kết thúc năm tài chính, chậm nhất là 4 (bốn) tháng. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn, nhưng không quá 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính (theo Khoản 2 Điều 139 Luật Doanh nghiệp). Chủ tịch Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường kỳ về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, quyết toán tài chính cả năm và dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh và tài chính cho năm tiếp theo.

**ĐIỀU 66. THẺ LỆ KẾ TOÁN**

Thẻ lệ kế toán Công ty căn cứ vào Luật kế toán của Việt Nam và quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

**ĐIỀU 67. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

1. Tổng số lợi nhuận sau khi trừ thuế, bù lỗ (nếu có) và các khoản phải nộp khác là lợi nhuận ròng của Công ty.
2. Việc trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định hiện hành của pháp luật.
3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận hàng năm của Công ty theo quy định.

**ĐIỀU 68. PHÂN CHIA LỢI TỨC CỔ PHẦN (CỔ TỨC)**

Trên cơ sở hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và đề xuất của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông quyết định chi trả cổ tức từ lợi nhuận còn lại của Công ty.

Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng tài chính của Công ty.

**CHƯƠNG VI.**  
**GIẢI THỂ, THANH LÝ VÀ PHÁ SẢN**

**ĐIỀU 69. GIẢI THỂ**

Công ty Cổ phần Hanel chỉ giải thể trong các trường hợp sau:

1. Theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
2. Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của luật doanh nghiệp trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;
3. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật quản lý thuế có quy định khác.

Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài. Người quản lý có liên quan và Công ty quy định tại khoản 3 Điều này cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của doanh nghiệp.

Trình tự, thủ tục giải thể thực hiện theo đúng quy định tại Điều 208 Luật Doanh nghiệp.

### **ĐIỀU 70. THANH LÝ TÀI SẢN KHI CÔNG TY GIẢI THỂ**

1. Khi Công ty bị giải thể, việc quy định trách nhiệm thanh lý và cơ quan giám sát thanh lý được tiến hành theo pháp luật hiện hành.

2. Xử lý tài sản khi Công ty giải thể:

Sau khi thanh toán các khoản chi phí phát sinh trong quá trình thanh lý, tài sản công ty được trang trải theo thứ tự ưu tiên sau:

- Hoàn trả các khoản tiền lương, bảo hiểm xã hội mà Công ty còn nợ người lao động.
- Trang trải các khoản nợ ngân sách Nhà nước theo chế độ hiện hành.
- Hoàn trả các khoản nợ cho các chủ nợ Công ty có thể chấp.
- Hoàn trả các khoản nợ cho các chủ nợ Công ty không thể chấp.
- Phần còn lại chia các cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông.

### **ĐIỀU 71. PHÁ SẢN**

Việc phá sản doanh nghiệp được thực hiện theo pháp luật về phá sản doanh nghiệp.

## **CHƯƠNG VII.**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC**

#### **ĐIỀU 72. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Công ty chính thức thành lập và hoạt động sau khi hoàn tất các thủ tục sau đây:

1. Xác nhận danh sách các cổ đông đã mua hết số cổ phần phát hành và nộp đủ số vốn tương ứng.
2. Đại hội đồng cổ đông đã phê chuẩn bản Điều lệ này.



3. Đã bầu được Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc một cách hợp pháp, hợp lệ.

4. Việc quản lý Công ty đã được giao cho Hội đồng quản trị.

5. Đã hoàn tất mọi thủ tục thành lập Công ty và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

### **ĐIỀU 73. CON DẤU**

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung con dấu của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị khác của doanh nghiệp.

3. Việc quản lý và lưu giữ dấu thực hiện theo quy định của Quy chế do Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc đơn vị khác của Công ty có dấu ban hành. Doanh nghiệp sử dụng dấu trong các giao dịch theo quy định của pháp luật.

### **ĐIỀU 74. TUÂN THỦ PHÁP LUẬT**

Những nội dung không được ghi trong bản Điều lệ này sẽ được thực hiện theo Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật hiện hành.

### **ĐIỀU 75. BÁO CÁO HÀNG NĂM**

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý và điều hành Công ty.
- d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát
- e) Các báo cáo khác theo quy định của Pháp luật.

2. Đối với báo cáo tài chính hàng năm của Công ty cổ phần phải được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

3. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c Khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

4. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

## **ĐIỀU 76. CÔNG KHAI THÔNG TIN**

1. Công ty phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của mình thông tin sau đây:

a) Điều lệ công ty;

b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc công ty;

c) Báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

3. Công ty không phải là công ty niêm yết phải thông báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi công ty có trụ sở chính chậm nhất là 03 ngày làm việc sau khi có thông tin hoặc có thay đổi các thông tin về họ, tên, quốc tịch, số Hộ chiếu, địa chỉ liên lạc, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là cá nhân nước ngoài; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là tổ chức nước ngoài và họ, tên, quốc tịch, số Hộ chiếu, địa chỉ liên lạc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài.

4. Công ty đại chúng thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Công ty theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 công bố, công khai thông tin theo quy định tại các điểm a, c, đ và g khoản 1 Điều 109 và Điều 110 của Luật doanh nghiệp.

## **ĐIỀU 77. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

1. Công ty Cổ phần Hanel có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân, thể nhân khi có tố tụng, tranh chấp.

2. Các thành viên trong Công ty có các hành vi vi phạm Điều lệ Công ty đều bị xử lý. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, người có hành vi vi phạm các quy định của bản Điều lệ này sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc chuyển đến tòa án các cấp xét xử theo luật định.

3. Mọi cổ đông có quyền khiếu nại đòi quyền lợi chính đáng của mình và đòi bồi thường thiệt hại do lỗi của bất cứ thành viên nào trong Công ty gây ra. Nếu HĐQT bỏ qua, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thể cử đại diện đứng đơn khiếu nại trước cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

## **ĐIỀU 78. HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ**

1. Bản Điều lệ này gồm 7 (bảy) Chương, 78 (bảy mươi tám) Điều được lập thành 6 (sáu) bản có giá trị như nhau và được phiên họp Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Hanel thông qua ngày ... tháng ... năm ..... tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ này phải do Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Người đại diện theo Pháp luật ký từng trang mới có giá trị.

3. Các nội dung không được quy định trong Điều lệ này hoặc khi Pháp luật có sự thay đổi dẫn đến các quy định của Pháp luật và Điều lệ này mâu thuẫn nhau, sẽ thực hiện việc áp dụng theo quy định của Pháp luật hiện hành.

Bản Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
TỔNG GIÁM ĐỐC**

10  
V  
PH  
N  
A

## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG I. ĐIỀU KHOẢN CHUNG</b> .....	<b>1</b>
ĐIỀU 1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ .....	1
ĐIỀU 2. TÊN GỌI, TRỤ SỞ VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY .....	2
ĐIỀU 3. HÌNH THỨC TỔ CHỨC VÀ TƯ CÁCH PHÁP NHÂN .....	3
ĐIỀU 4. MỤC TIÊU, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH.....	3
ĐIỀU 5. THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG.....	13
ĐIỀU 6. NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG .....	13
ĐIỀU 7. TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ VÀ TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI TRONG CÔNG TY	13
<b>CHƯƠNG II. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU VÀ CỔ ĐÔNG</b> .....	<b>14</b>
ĐIỀU 8. VỐN ĐIỀU LỆ .....	14
ĐIỀU 10. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN CỦA CHỦ SỞ HỮU, CỔ ĐÔNG CÔNG TY LÀ TỔ CHỨC .....	15
ĐIỀU 11. CÁC LOẠI CỔ PHẦN .....	17
ĐIỀU 12. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG .....	17
ĐIỀU 13. NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG.....	19
ĐIỀU 14. CỔ PHIẾU.....	20
ĐIỀU 15. SỐ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG .....	20
ĐIỀU 16. CHÀO BÁN VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN .....	21
ĐIỀU 17. THỪA KẾ CỔ PHẦN .....	22
ĐIỀU 18. PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU .....	23
ĐIỀU 19. MUA CỔ PHẦN, TRÁI PHIẾU .....	23
ĐIỀU 20. MUA LẠI CỔ PHẦN THEO YÊU CẦU CỦA CỔ ĐÔNG.....	23
ĐIỀU 21. MUA LẠI CỔ PHẦN THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA CÔNG TY .....	24
ĐIỀU 22. ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN VÀ XỬ LÝ CÁC CỔ PHẦN ĐƯỢC MUA LẠI.....	24
ĐIỀU 23. TRẢ CỔ TỨC .....	25
ĐIỀU 24. THU HỒI TIỀN THANH TOÁN CỔ PHẦN MUA LẠI HOẶC CỔ TỨC.....	26
<b>CHƯƠNG III. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ</b> .....	<b>26</b>
ĐIỀU 25. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY .....	26
<b>MỤC I. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b> .....	<b>27</b>
ĐIỀU 26. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG .....	27
ĐIỀU 27. TRIỆU TẬP HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG .....	27
ĐIỀU 28. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CÓ QUYỀN DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ...	29
ĐIỀU 29. CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	29
ĐIỀU 30. MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG .....	30
ĐIỀU 31. THỰC HIỆN QUYỀN DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG .....	30
ĐIỀU 32. ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG .....	31

ĐIỀU 33. THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG .....	31
ĐIỀU 34. HÌNH THỨC THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG .	33
ĐIỀU 35. ĐIỀU KIỆN ĐỀ NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ĐƯỢC THÔNG QUA .....	33
ĐIỀU 36. THẨM QUYỀN VÀ THỂ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN ĐỀ THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG .....	34
ĐIỀU 37. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	36
ĐIỀU 38. YÊU CẦU HUỖY BỎ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG .....	37
<b>MỤC II. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY .....</b>	<b>37</b>
ĐIỀU 40. QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....	37
ĐIỀU 41. NHIỆM KỶ VÀ SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	39
ĐIỀU 42. TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	39
ĐIỀU 43. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....	40
ĐIỀU 44. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....	41
ĐIỀU 45. BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	42
ĐIỀU 46. QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA THÀNH VIÊN HĐQT .....	43
ĐIỀU 47. MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM, THAY THẾ VÀ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HĐQT	43
ĐIỀU 48. TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY .....	43
ĐIỀU 49. THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG, THƯỞNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC .....	45
ĐIỀU 50. CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH LIÊN QUAN .....	45
ĐIỀU 51. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY .....	46
ĐIỀU 53. HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH PHẢI ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG HOẶC HĐQT CHẤP THUẬN .....	47
<b>MỤC III. BAN KIỂM SOÁT .....</b>	<b>48</b>
ĐIỀU 54. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA BAN KIỂM SOÁT .....	48
ĐIỀU 55. TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA KIỂM SOÁT VIÊN.....	49
ĐIỀU 56. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT .....	49
ĐIỀU 57. QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA BAN KIỂM SOÁT.....	50
ĐIỀU 58. TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, THƯỞNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA KIỂM SOÁT VIÊN .....	51
ĐIỀU 59. TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM SOÁT VIÊN.....	51
ĐIỀU 60. MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN .....	51
<b>CHƯƠNG IV. LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG .....</b>	<b>52</b>
ĐIỀU 61. LAO ĐỘNG VÀ TUYỂN DỤNG LAO ĐỘNG.....	52
ĐIỀU 62. TIỀN LƯƠNG.....	52
ĐIỀU 63. QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG.....	52
<b>CHƯƠNG V. TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....</b>	<b>53</b>

ĐIỀU 64. NĂM TÀI CHÍNH.....	53
ĐIỀU 65. QUYẾT TOÁN VÀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH.....	53
ĐIỀU 66. THẺ LỆ KẾ TOÁN .....	53
ĐIỀU 67. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN .....	53
ĐIỀU 68. PHÂN CHIA LỢI TỨC CỔ PHẦN (CỔ TỨC).....	53
<b>CHƯƠNG VI. GIẢI THỂ, THANH LÝ VÀ PHÁ SẢN .....</b>	<b>53</b>
ĐIỀU 69. GIẢI THỂ.....	53
ĐIỀU 70. THANH LÝ TÀI SẢN KHI CÔNG TY GIẢI THỂ .....	54
ĐIỀU 71. PHÁ SẢN .....	54
<b>CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC .....</b>	<b>54</b>
ĐIỀU 72. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH .....	54
ĐIỀU 73. CON DẤU .....	55
ĐIỀU 74. TUÂN THỦ PHÁP LUẬT .....	55
ĐIỀU 75. BÁO CÁO HÀNG NĂM.....	55
ĐIỀU 76. CÔNG KHAI THÔNG TIN.....	56
ĐIỀU 77. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP .....	56
ĐIỀU 78. HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ .....	56



**PHỤ LỤC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL**

<b>Điều khoản hiện hành</b>	<b>Nội dung Điều lệ hiện hành</b>	<b>Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>
<p align="center"><b>Căn cứ</b></p>	<p>- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014</p> <p>- Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần; Nghị định số 189/2013NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số Điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần.</p> <p>- Căn cứ Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành Công ty cổ phần; Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;</p>	<p>- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020</p> <p>- <b>Bỏ</b></p> <p>- <b>Bỏ</b></p>	<p>- Áp dụng theo luật Doanh nghiệp mới ban hành và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021</p> <p>- Bỏ các Nghị định, Thông tư, đã hết hiệu lực và các văn bản không cần thiết.</p>



Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>- Căn cứ Công văn số 2252/TTg-DMDN ngày 29/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND thành phố Hà Nội giai đoạn 2012 – 2015.</p> <p>- Căn cứ Quyết định số 2845/QĐ-UBND ngày 27/05/2014 của UBND Thành phố Hà Nội về việc giao kế hoạch, tiến độ cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Hanel năm 2014 - 2015.</p> <p>- Căn cứ Quyết định số 3893/QĐ-UBND ngày 22/7/2014 của UBND Thành phố về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên Hanel.</p> <p>- Căn cứ Quyết định số 5812/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH một thành viên Hanel; và QĐ số 633/QĐ-UBND ngày 04/2/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc bổ sung địa điểm thuê đất quy định tại Điểm 3.4 Khoản 3 Điều 1 Quyết định số 5812/QĐ-UBND ngày 30/10/2015;</p>	<p>- Bộ</p> <p>- Bộ</p> <p>- Bộ</p> <p>- Bộ</p> <p>- Căn cứ Quyết định số 4638/QĐ-UBND ngày 17/7/2017 về việc chuyển công ty TNHH một thành viên Hanel thành Công ty Cổ phần Hanel</p>	



Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
<p><b>Điều 1. Giải thích từ ngữ</b></p>	<p>d) Luật Doanh nghiệp: là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014.</p> <p>f) Cổ đông: là cá nhân hoặc tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty và được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của công ty.</p>	<p>d) Luật Doanh nghiệp: là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020</p> <p>f) Cổ đông: là cá nhân hoặc tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty.</p> <p>j) Địa chỉ liên lạc: là địa chỉ đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức; địa chỉ thường trú hoặc nơi làm việc hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với doanh nghiệp để làm địa chỉ liên lạc.</p> <p>k) Giấy tờ pháp lý của cá nhân: là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.</p> <p>l) Giấy tờ pháp lý của tổ chức: là một trong các loại giấy tờ sau đây: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác</p> <p>m) Người có quan hệ gia đình bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.</p>	<p>Cập nhật, chỉnh sửa lại theo Luật mới</p> <p>Điều chỉnh lại theo khoản 4 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>Bổ sung thêm định nghĩa vì theo các điều khoản trong Điều lệ có sử dụng từ ngữ bên (theo Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020)</p>

Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
<b>Điều 3. Hình thức tổ chức và tư cách pháp nhân</b>	2. Công ty Cổ phần Hanel, có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, có con dấu riêng, được mở tài khoản tiền Việt Nam đồng và ngoại tệ <b>tại Kho bạc nhà nước, các ngân hàng trong và ngoài nước</b> theo quy định của Pháp luật. Hoạt động <b>theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014</b> và các văn bản hiện hành của Nhà nước.	2. Công ty Cổ phần Hanel, có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, có con dấu riêng, được mở tài khoản tiền Việt Nam đồng và ngoại tệ <b>tại các ngân hàng trong và ngoài nước</b> theo quy định của Pháp luật. Hoạt động <b>theo Luật doanh nghiệp</b> và các văn bản hiện hành của Nhà nước.	Cập nhật, chỉnh sửa lại theo Luật doanh nghiệp 2020, Luật doanh nghiệp đã được định nghĩa
<b>Điều 6. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động</b>	3. Hội đồng quản trị (HĐQT) là cơ quan quản lý Công ty, do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm.	3. Hội đồng quản trị (HĐQT) là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	Điều chỉnh lại theo khoản 1 điều 153 Luật doanh nghiệp 2020
		<b>Điều 9. Người đại diện theo pháp luật của Công ty</b> 1. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.	Bổ sung thêm, theo quy định tại Điều 12, 13 Luật Doanh nghiệp

Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
		<p>2. Người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam, khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.</p> <p>3. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại khoản 3 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì Người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật cho đến khi người đại diện theo pháp luật của công ty trở lại làm việc tại công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>4. Người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý</p>	

Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
		<p>hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của công ty.</p> <p>5. Tòa án, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng khác có quyền chỉ định người đại diện theo pháp luật tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.</p> <p>6. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật:</p> <p>a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;</p> <p>b) Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về Công ty mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật doanh nghiệp.</p>	



Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
		Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho Công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại các điểm a, b, c khoản 6 Điều này.	
<p><b>Điều 9. Quản lý vốn nhà nước tại Công ty</b></p>	<p><b>Điều 9. Quản lý vốn nhà nước tại Công ty</b></p> <p>2. Người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, <b>thành viên, cổ đông</b> Công ty là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh chủ sở hữu, <b>thành viên, cổ đông</b> đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>4. Trường hợp chủ sở hữu, <b>thành viên, cổ đông</b> Công ty là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể <b>phần vốn góp, số cổ phần</b>, cho mỗi người đại diện. Trường hợp chủ sở hữu, <b>thành viên, cổ đông</b> Công ty không xác định <b>phần vốn góp, số cổ phần</b> tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, <b>phần vốn góp, số cổ phần</b> sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>5c) Họ, tên, <b>địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác</b> của từng người đại diện theo ủy quyền;</p>	<p><b>Điều 10. Người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, cổ đông công ty là tổ chức</b></p> <p>2. Người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, cổ đông Công ty là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh chủ sở hữu, cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>4. Trường hợp chủ sở hữu, cổ đông công ty là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp chủ sở hữu, cổ đông công ty không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>5c) Họ, tên, <b>địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân</b> từng người đại diện theo ủy quyền;</p>	<p>Điều chỉnh lại theo Điều 14 Luật doanh nghiệp 2020</p> <p>Bỏ từ “thành viên” vì Công ty đã chuyển đổi hoạt động sang mô hình Công ty cổ phần và phù hợp Điều 14 Luật Doanh nghiệp</p> <p>Sửa lại để phù hợp với mô hình hoạt động Công ty và phù hợp Điều 14 Luật Doanh nghiệp</p> <p>Điều chỉnh lại theo điểm c khoản 4 Điều 14 Luật doanh nghiệp 2020</p>

Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>5đ) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu, <b>thành viên, cổ đông</b> và của người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>6. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;</p> <p>b) Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;</p> <p>c) Thành viên, cổ đông là công ty có phần vốn góp hay cổ phần do <b>Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ không được cử vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột</b> của người quản lý và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty làm người đại diện theo ủy quyền tại công ty khác;</p> <p>d) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác do Điều lệ công ty quy định.</p> <p>7. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, <b>thành viên, cổ đông</b> là tổ chức</p> <p>a) Người đại diện theo ủy quyền nhân danh chủ sở hữu, <b>thành viên, cổ đông</b> thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, <b>thành viên, cổ đông tại Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông</b> theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mọi hạn chế</p>	<p>5đ) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu, <b>cổ đông</b> và của người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>6. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p><b>a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp.</b></p> <p>b) Cổ đông là Doanh nghiệp do <b>Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, trừ doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ không được cử người có quan hệ gia đình</b> của quản lý công ty và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty làm người đại diện tại công ty khác</p> <p>Bỏ</p> <p>7. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, cổ đông là tổ chức</p> <p>a) Người đại diện theo ủy quyền nhân danh chủ sở hữu, cổ đông công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông <b>tại Đại hội đồng cổ đông</b> theo quy định của Luật doanh nghiệp. Mọi hạn chế của chủ sở hữu, cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc</p>	<p>Điều chỉnh lại theo khoản 5 Điều 14 Luật doanh nghiệp 2020</p> <p>Điều chỉnh lại theo Điều 15 Luật doanh nghiệp 2020 và phù hợp với mô hình hoạt động Công ty Cổ phần.</p>



Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>của chủ sở hữu, <b>thành viên, cổ đông</b> đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu, <b>thành viên, cổ đông</b> tương ứng <b>tại Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông</b> đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba.</p> <p>b) Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp <b>của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông</b>; thực hiện các quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông ủy quyền.</p> <p>c) Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu, <b>thành viên, cổ đông</b> ủy quyền do vi phạm các nghĩa vụ quy định tại Điều này. Chủ sở hữu, <b>thành viên, cổ đông</b> ủy quyền chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.</p>	<p>thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông công ty tương ứng <b>tại Đại hội đồng cổ đông</b> đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba</p> <p>b) Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp <b>Đại hội đồng cổ đông</b>; thực hiện quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu, cổ đông cử đại diện.</p> <p>c) Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu, cổ đông cử đại diện do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này. Chủ sở hữu, cổ đông cử đại diện chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.</p>	
<b>Điều 10. Các loại cổ phần</b>	<b>Điều 10</b>	<b>Điều 11</b> 3. Ngoài cổ phần phổ thông, công ty có thể có cổ phần ưu đãi. Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi. Cổ phần ưu đãi gồm các loại sau đây: a) Cổ phần ưu đãi cổ tức;	Sắp xếp lại thứ tự các Điều Bổ sung thêm theo quy định tại Điều 114 Luật Doanh nghiệp 2020

Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
		<p>b) Cổ phần ưu đãi hoàn lại;  c) Cổ phần ưu đãi biểu quyết;  d) Cổ phần ưu đãi khác theo quy định pháp luật về chứng khoán.</p> <p>4. Người được quyền mua cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phần ưu đãi khác do Điều lệ công ty quy định hoặc do Đại hội đồng cổ đông quyết định.</p> <p>5. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu cổ phần đó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.</p> <p>6. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>7. Cổ phần phổ thông được dùng làm tài sản cơ sở để phát hành chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết được gọi là cổ phần phổ thông cơ sở. Chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết có lợi ích kinh tế và nghĩa vụ tương ứng với cổ phần phổ thông cơ sở, trừ quyền biểu quyết.</p> <p>8. Chính phủ quy định về chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết.</p>	
<b>Điều 11.</b> <b>Quyền của cổ đông phổ thông</b>	<b>Điều 11</b> 1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây: d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người	<b>Điều 12</b> 1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây: d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải	Sắp xếp lại thứ tự các Điều Điều chỉnh lại theo điểm d khoản 1 điều 115 Luật doanh nghiệp 2020



Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>không phải là cổ đông, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 và khoản 1 Điều 126 của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có các quyền sau đây:</p> <p>a) Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;</p> <p>b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát;</p> <p>c) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này.</p> <p>d) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy</p>	<p>là cổ đông, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 và khoản 1 Điều 127 của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.</p> <p>e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:</p> <p>Bỏ</p> <p>a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;</p> <p>b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;</p> <p>c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy</p>	<p>Điều chỉnh lại theo điểm d khoản 1 điều 115 Luật doanh nghiệp 2020</p> <p>Điều chỉnh lại theo khoản 2 điều 115 Luật doanh nghiệp 2020</p>

Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, <b>địa chỉ thường trú</b>, quốc tịch, số <b>Giấy chứng minh nhân dân</b>, <b>Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác</b> đối với cổ đông là cá nhân; <b>tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh</b> đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 (<i>sáu</i>) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;</p> <p>Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập thành văn bản và phải có họ, tên, <b>địa chỉ thường trú, số giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác</b> đối với cổ đông là cá nhân; <b>tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh</b> đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và</p>	<p>cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, <b>địa chỉ liên lạc</b>, quốc tịch, số <b>giấy tờ pháp lý</b> của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; <b>tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý</b> của tổ chức, <b>địa chỉ trụ sở chính</b> đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p><b>b) Bỏ</b></p> <p>Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, <b>địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý</b> của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; <b>tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý</b> của tổ chức, <b>địa chỉ trụ sở chính</b> đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký</p>	<p>Điều chỉnh lại theo khoản 3,4 điều 115 Luật doanh nghiệp 2020</p>

Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông...</p> <p>c) Các yêu cầu khác quy định tại Điều lệ Công ty.</p> <p><b>4. Quy định về việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:</b></p> <p>b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định <b>tại Khoản 2 Điều này</b> được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cụ thể như sau:...</p>	<p>cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông...</p> <p><b>Bỏ</b></p> <p><b>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thực hiện như sau:</b></p> <p>b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định <b>tại khoản này</b> được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cụ thể như sau:...</p>	<p>Điều chỉnh lại theo khoản 5 điều 115 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<b>Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông</b>	<p><b>Điều 12</b></p> <p>3. Chấp hành <b>nghị quyết</b> của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p>	<p><b>Điều 13</b></p> <p>3. Chấp hành <b>nghị quyết, quyết định</b> của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p> <p>4. <b>Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc</b></p>	<p>Sắp xếp lại thứ tự các Điều Điều chỉnh lại theo Điều 119 Luật doanh nghiệp 2020</p>

Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ Công ty.	sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác. 5. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.	
Điều 13. Cổ phiếu	<p><b>Điều 13</b></p> <p>1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty cổ phần Hanel phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;</p> <p>e) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;</p> <p><b>f) Chữ ký của người đại diện theo Pháp luật và dấu của Công ty (nếu có);</b></p> <p>3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:</p>	<p><b>Điều 14</b></p> <p>1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty cổ phần Hanel phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;</p> <p>Bỏ</p> <p><b>e) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty;</b></p> <p>3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:</p>	<p>Sắp xếp lại thứ tự các Điều Điều chỉnh lại theo khoản 1 điều 121 Luật doanh nghiệp 2020.</p> <p>Điều chỉnh lại theo khoản 3 điều 121 Luật doanh nghiệp 2020.</p>

Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>a) Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ nộp Công ty để tiêu hủy theo quy định.</p> <p>b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</p>	<p>a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;</p> <p>b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</p>	
<p><b>Điều 14. Sổ đăng ký cổ đông</b></p>	<p><b>Điều 14</b></p> <p>1. Sổ đăng ký cổ đông được lập ngay sau khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.</p> <p>2. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính Công ty hoặc trung tâm lưu ký chứng khoán. Cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.</p> <p>3. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp đối với cổ đông</p>	<p><b>Điều 15</b></p> <p>1. Sổ đăng ký cổ đông được lập ngay sau khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông công ty.</p> <p>2. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông, cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông công ty trong sổ đăng ký cổ đông.</p> <p>3. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ</p>	<p>Sắp xếp lại thứ tự các Điều Điều chỉnh lại theo khoản 1 điều 122 Luật doanh nghiệp 2020.</p> <p>Điều chỉnh lại theo khoản 3 điều 122 Luật doanh nghiệp 2020.</p> <p>Điều chỉnh lại theo khoản 2 điều 122 Luật doanh nghiệp 2020.</p>

Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức.</p> <p>4. Trường hợp cổ đông có thay đổi <b>địa chỉ thường trú</b> thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi <b>địa chỉ</b> của cổ đông.</p>	<p>chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;</p> <p>4. Trường hợp cổ đông có thay đổi <b>địa chỉ liên lạc</b> thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi <b>địa chỉ liên lạc</b> của cổ đông.</p> <p>5. Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định</p>	<p>Điều chỉnh lại theo khoản 4 điều 122 Luật doanh nghiệp 2020.</p> <p>Bổ sung theo khoản 5 điều 122 Luật doanh nghiệp 2020.</p>
<p><b>Điều 15. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần</b></p>	<p><b>Điều 15</b></p> <p>2. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại <b>khoản 2 Điều 121 của Luật Doanh nghiệp</b> được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.</p> <p>3. Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, Công ty phải phát hành và <b>trao</b> cổ phiếu cho người mua. <b>Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu.</b> Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 121 của <b>Luật Doanh nghiệp</b> được ghi vào sổ đăng</p>	<p><b>Điều 16</b></p> <p>2. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại <b>khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp</b> được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.</p> <p>3. Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, công ty phát hành và <b>giao</b> cổ phiếu cho người mua; <b>trường hợp không giao cổ phiếu, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật doanh nghiệp</b> được ghi vào sổ đăng ký</p>	<p>Điều chỉnh lại theo khoản 4 Điều 124 Luật doanh nghiệp 2020.</p> <p>Điều chỉnh lại theo khoản 5 Điều 124 Luật doanh nghiệp 2020.</p>

Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Công ty.</p> <p>7. Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty thì phải thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>a) Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức đảm bảo đến <b>được địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc</b> của họ trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần;</p> <p>b) Thông báo phải có họ, tên, <b>địa chỉ thường trú</b>, quốc tịch, <b>số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập</b>, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty; tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty...</p> <p>d) Trường hợp số lượng cổ phần <b>dự định phát hành</b> không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký</p>	<p>cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong công ty.</p> <p>7. Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty thì phải thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>a) Công ty phải thông báo bằng văn bản đến cổ đông theo phương thức để bảo đảm đến <b>được địa chỉ liên lạc</b> của họ trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất là 15 ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần;</p> <p>b) Thông báo phải gồm họ, tên, <b>địa chỉ liên lạc</b>, quốc tịch, <b>số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức</b>, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của cổ đông tại công ty; tổng số cổ phần dự kiến chào bán và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty...</p> <p>d) Trường hợp số lượng cổ phần <b>dự kiến chào bán</b> không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký</p>	<p>Điều chỉnh lại theo khoản 2 Điều 124 Luật doanh nghiệp 2020.</p> <p>Điều chỉnh lại theo khoản 3 Điều 124 Luật doanh nghiệp 2020.</p>

Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	mua hết thì Hội đồng quản trị có quyền bán số cổ phần được quyền chào bán còn lại đó cho cổ đông của Công ty <b>hoặc người khác theo cách thức hợp lý</b> với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác <b>hoặc cổ phần được bán qua trung tâm giao dịch chứng khoán.</b>	mua hết thì Hội đồng quản trị có quyền bán số cổ phần được quyền chào bán còn lại cho cổ đông của công ty <b>và người khác</b> với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác <b>hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.</b>	
<b>Điều 17. Phát hành trái phiếu</b>	<b>Điều 17</b> 4. Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình Nghị quyết của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.	<b>Điều 18</b> 4. Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ về chào bán trái phiếu	Điều chỉnh lại theo điểm b Khoản 1 Điều 130 Luật Doanh nghiệp 2020
<b>Điều 18. Mua cổ phần, trái phiếu</b>	<b>Điều 18</b> Cổ phần, trái phiếu của Công ty được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác phù hợp với quy định của Pháp luật và phải được thanh toán đủ một lần <b>(theo giá thị trường từng thời điểm)</b>	<b>Điều 19</b> Cổ phần, trái phiếu của công ty cổ phần có thể được mua bằng Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, tài sản khác phù hợp với quy định của Pháp luật và phải được thanh toán đủ một lần.	Điều chỉnh lại theo Điều 131 Luật Doanh nghiệp 2020
<b>Điều 19. Mua lại cổ phần</b>	<b>Điều 19</b> 1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay	<b>Điều 20</b> 1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết, quyết định về việc tổ	



Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
theo yêu cầu của cổ đông	đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty <b>trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc</b> , kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua Quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.	chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty <b>trong thời hạn 10 (mười) ngày</b> kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.	Điều chỉnh lại theo khoản 1 Điều 132 Luật doanh nghiệp 2020.
Điều 20. Mua lại cổ phần theo quyết định của công ty	<p><b>Điều 20</b></p> <p>3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến tất cả cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, <b>địa chỉ trụ sở của Công ty</b>, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.</p> <p>4. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần <b>phải gửi chào bán cổ phần của mình</b> bằng phương</p>	<p><b>Điều 21</b></p> <p>3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức để bảo đảm đến tất cả cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, <b>địa chỉ trụ sở chính của Công ty</b>, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.</p> <p>4. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần <b>phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của</b></p>	Điều chỉnh lại theo điểm a khoản 3 Điều 133 Luật doanh nghiệp 2020.

Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>thức đảm bảo đến được Công ty trong thời hạn 30 (<i>ba mươi</i>) ngày, kể từ ngày thông báo. <b>Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập,</b> địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần <b>chào bán</b>; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.</p> <p>5. Việc mua lại cổ phần của Công ty chỉ được phép thực hiện khi đủ điều kiện thanh toán như quy định <b>tại Điều 21</b> của Điều lệ này.</p>	<p><b>minh</b> bằng phương thức để bảo đảm đến được công ty trong thời hạn 30 (<i>ba mươi</i>) ngày kể từ ngày thông báo. <b>Vấn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức,</b> địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần <b>đồng ý bán</b>; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nêu trên.</p> <p>5. Việc mua lại cổ phần của Công ty chỉ được phép thực hiện khi đủ điều kiện thanh toán như quy định <b>tại Điều 22</b> của Điều lệ này.</p>	<p>Điều chỉnh lại theo điểm b khoản 3 Điều 133 Luật doanh nghiệp 2020.</p>
<p><b>Điều 21. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại</b></p>	<p><b>Điều 21</b></p> <p>1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại các <b>Điều 129 và Điều 130 của Luật Doanh nghiệp</b> nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.</p> <p>2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại <b>Điều 129 và Điều 130 của Luật Doanh nghiệp</b> được coi là <b>cổ phần chưa bán</b></p>	<p><b>Điều 22</b></p> <p>1. Công ty chỉ được thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định <b>tại Điều 132 và Điều 133 của Luật doanh nghiệp</b> nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.</p> <p>2. Cổ phần được mua lại theo quy định <b>tại Điều 132 và Điều 133 của Luật doanh nghiệp</b> được coi là <b>cổ phần</b></p>	<p>Điều chỉnh lại theo khoản 1 Điều 134 Luật doanh nghiệp 2020.</p> <p>Điều chỉnh lại theo khoản 2 Điều 134 Luật doanh nghiệp 2020.</p>

Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>theo quy định tại khoản 4 Điều 111 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giám vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.</p>	<p>chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 112 của Luật doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký giám vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.</p>	
<p><b>Điều 22. Trả cổ tức</b></p>	<p><b>Điều 22</b></p> <p>3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều lệ Công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và có thể được chi trả bằng séc, chuyển khoản hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của cổ đông.</p> <p>4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức phải trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức đảm bảo đến cổ đông theo</p>	<p><b>Điều 23</b></p> <p>3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của công ty hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều lệ công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến cổ đông</p>	<p>Điều chỉnh lại theo khoản 3 Điều 135 Luật doanh nghiệp 2020.</p> <p>Điều chỉnh lại theo khoản 4 Điều 135 Luật doanh nghiệp 2020</p>



Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>địa chỉ đăng ký trong sổ cổ động chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:</p> <p>a) Tên công ty và địa chỉ trụ sở chính của công ty;</p> <p>b) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân;</p> <p>c) Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;</p> <p>6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các điều 122, 123 và 124 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.</p>	<p>theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất là 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>a) Tên công ty và địa chỉ trụ sở chính của công ty;</p> <p>b) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân;</p> <p>c) Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;</p> <p>6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các điều 123, 124 và 125 của Luật doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.</p>	<p>Điều chỉnh lại theo khoản 6 Điều 135 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p><b>Điều 23. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức</b></p>	<p><b>Điều 23</b></p> <p>Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 131 của Luật Doanh nghiệp hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp thì các cổ đông phải hoàn</p>	<p><b>Điều 24</b></p> <p>Trường hợp việc thanh toán cổ phần được mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 134 của Luật doanh nghiệp hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 135 của Luật doanh nghiệp, cổ</p>	<p>Điều chỉnh lại theo Điều 136 Luật doanh nghiệp 2020</p>



Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.</p>	<p>đồng phải hoàn trả cho công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho công ty thì tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.</p>	
<p><b>Điều 25. Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p><b>Điều 25. Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:</p> <p>f) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị <b>bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản</b> được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>k) <b>Quyết định tổng mức thù lao hàng năm cho các chức danh đó và ngân sách hoạt động hàng năm cho Ban kiểm soát;</b></p> <p>l) Xem xét và xử lý các vi phạm của <b>HĐQT, Ban Kiểm soát</b> gây thiệt hại cho Công ty và Cổ đông Công ty (nếu có);</p>	<p><b>Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:</p> <p>f) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị <b>từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên</b> được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</p> <p>k) <b>Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác hàng năm cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</b></p> <p>l) Xem xét và xử lý các vi phạm của <b>thành viên HĐQT, Kiểm soát viên</b> gây thiệt hại cho Công ty và Cổ đông Công ty (nếu có);</p> <p>n) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p>	<p>Điều chỉnh lại theo Điều 138 Luật doanh nghiệp 2020</p>



Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>n) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Trường hợp chủ sở hữu, thành viên, cổ đông công ty là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền....</p>	<p>o) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;</p> <p>p) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p><b>Bỏ</b></p>	<p>Bỏ khoản này do Khoản này đã được quy định tại Khoản 4, Khoản 5 Điều 9 Điều lệ Công ty</p>
<p><b>Điều 26. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p><b>Điều 26. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. <b>Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông do HĐQT quyết định song phải đảm bảo cho các cổ đông được triệu tập họp có thể tham dự thuận lợi. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.</b></p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <b>Theo đề nghị</b></p>	<p><b>Điều 27. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. <b>Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</b></p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <b>Trong</b></p>	<p>Điều chỉnh lại theo Điều 139 Luật doanh nghiệp 2020</p> <p>Điều chỉnh lại theo Điều 139 Luật doanh nghiệp 2020</p>

Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p><b>b) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;</b></p> <p><b>c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp;</b></p> <p>4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d Khoản 3 Điều này.</p> <p>Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì <b>Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty do việc trì hoãn triệu tập Đại hội đồng cổ đông gây ra.</b></p>	<p>trường hợp cần thiết Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp ĐHĐCĐ thường niên, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p><b>3. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường.</b> Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:</p> <p><b>b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</b></p> <p><b>c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp;</b></p> <p>4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.</p> <p>Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì <b>Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.</b></p>	<p>Điều chỉnh lại theo Điều 140 Luật doanh nghiệp 2020</p> <p>Điều chỉnh lại theo Điều 140 Luật doanh nghiệp 2020</p>

Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (<i>ba mươi</i>) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.</p> <p>Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định <b>thì Trường Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật</b> và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty do việc trì hoãn triệu tập Ban kiểm soát gây ra.</p> <p>6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định <b>tại khoản 2 Điều 114</b> của Luật Doanh nghiệp có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (<i>ba mươi</i>) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.</p> <p>Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <b>thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.</b></p> <p>6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định <b>tại khoản 2 Điều 115</b> của Luật doanh nghiệp có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều chỉnh lại theo Điều 140 Luật doanh nghiệp 2020</p> <p>Điều chỉnh lại theo Điều 140 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p><b>Điều 27. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p><b>Điều 27</b></p> <p>1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông <b>được lập không sớm hơn 05 ngày</b> trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ Công ty</p>	<p><b>Điều 28</b></p> <p>1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông <b>được lập không quá 10 ngày</b> trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Điều chỉnh lại theo Điều 141 Luật doanh nghiệp 2020</p>



Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>không quy định thời gian dài hơn.</p> <p>2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, <b>địa chỉ thường trú</b>, quốc tịch, số Thẻ căn cước, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.</p> <p>3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông...</p>	<p>2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, <b>địa chỉ liên lạc</b>, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.</p> <p>3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông...</p>	
<p><b>Điều 28.</b> <b>Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p><b>Điều 28</b></p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được lập bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. <b>Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký</b></p>	<p><b>Điều 29</b></p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. <b>Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng</b></p>	<p>Điều chỉnh lại theo Điều 142 Luật doanh nghiệp 2020</p>

Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>cổ đông tại Công ty, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; c) Trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Công ty.</p>	<p>loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này; c) Bỏ</p>	
<p><b>Điều 29. Mời họp Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p><b>Điều 29</b></p> <p>1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp <b>chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc</b>. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, tên, <b>địa chỉ thường trú</b> của cổ đông thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.</p> <p>2. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời <b>đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và đăng báo hàng</b></p>	<p><b>Điều 30</b></p> <p>1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp <b>chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc</b>. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, <b>địa chỉ liên lạc</b> của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.</p> <p>2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và <b>đăng trên trang thông tin điện tử của công ty.</b></p>	<p>Điều chỉnh lại theo Điều 143 Luật doanh nghiệp 2020</p>

Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>ngày của Trung ương hoặc địa phương.</p> <p>3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:</p> <p>a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;</p> <p>b) Phiếu biểu quyết;</p> <p><b>c) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp</b></p> <p>4. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. <b>Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.</b></p>	<p>3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:</p> <p>a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;</p> <p>b) Phiếu biểu quyết;</p> <p><b>c) Bỏ</b></p> <p>4. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. <b>Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.</b></p>	
<p><b>Điều 30. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p><b>Điều 30</b></p> <p>1. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 15 của Luật Doanh nghiệp thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p><b>Điều 31</b></p> <p>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này.</p>	<p>Điều chỉnh lại theo Điều 144 Luật doanh nghiệp 2020</p>



Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông <b>phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty phát hành</b>. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</p> <p>3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây: b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p>	<p>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. <b>Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền</b>. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</p> <p>3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây: b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p>	
<p><b>Điều 31. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p><b>Điều 31</b></p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp <b>đại diện ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số cổ phiếu biểu quyết</b>.</p> <p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 (<i>ba mươi ngày</i>), kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp <b>đại diện ít nhất</b></p>	<p><b>Điều 32</b></p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự <b>họp đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết</b>.</p> <p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 (<i>ba mươi</i>) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp <b>đại diện</b></p>	<p>Điều chỉnh lại theo Điều 145 Luật doanh nghiệp 2020</p>



Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	33% (ba mươi ba phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.	từ 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.	
<p><b>Điều 32. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p><b>Điều 32</b></p> <p>2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:</p> <p>a) <b>Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập;</b> trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một số người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển đề Đại hội cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b) <b>Trường hợp khác,</b> người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất sẽ làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. <b>Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời</b></p>	<p><b>Điều 33</b></p> <p>2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:</p> <p>a) <b>Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập;</b> trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b) <b>Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này,</b> người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. <b>Chương trình</b></p>	<p>Điều chỉnh lại theo Điều 146 Luật doanh nghiệp 2020</p>

Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;</p> <p>5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. <b>Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.</b> Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p> <p>8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông <b>đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:</b></p> <p>a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</p> <p>b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</p> <p>c) <b>Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự họp, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.</b></p>	<p><b>phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;</b></p> <p>5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. <b>Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.</b> Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p> <p>8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông <b>đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:</b></p> <p>a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</p> <p>b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</p> <p>c) <b>Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.</b></p>	

Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.		
Điều 33. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	<p><b>Điều 33. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>2. Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p>	<p><b>Điều 34. Hình thức thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết, quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</p>	Điều chỉnh lại theo Điều 147 Luật doanh nghiệp 2020
Điều 33. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	<p><b>Điều 33. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:</p> <p>đ) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài</p>	<p><b>Điều 35. Điều kiện để Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua</b></p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này:</p> <p>đ) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên</p>	Điều chỉnh lại theo Điều 148 Luật doanh nghiệp 2020

Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>sẵn được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>e) Các vấn đề khác do Điều lệ Công ty quy định.</p> <p>4. Các nghị quyết khác được thông qua <b>khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều này.</b></p> <p>5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.</p>	<p>được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</p> <p>e) <b>bổ</b></p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua <b>khi được số cổ đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này.</b></p> <p>3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. <b>Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của</b></p>	



Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>6. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết tán thành.</p> <p>7. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.</p>	<p><b>Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.</b></p> <p>4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.</p> <p>5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.</p> <p>6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ</p>	

Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
		phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.	
<p><b>Điều 34. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p><b>Điều 34</b> Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định <b>tại khoản 1 và khoản 2 Điều 27</b> của Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định <b>tại Điều 29 của Điều lệ này.</b></p>	<p><b>Điều 36</b> Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, <b>trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Điều lệ này;</b></p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định <b>tại khoản 1 và khoản 2 Điều 28</b> của Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định <b>tại Điều 30 của Điều lệ này.</b></p>	<p>Điều chỉnh lại theo Điều 149 Luật doanh nghiệp 2020</p>

Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>c) Họ, tên, <b>địa chỉ thường trú</b>, quốc tịch, <b>số Thẻ căn cước, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác</b> của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp <b>hoặc số quyết định thành lập</b>, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, <b>địa chỉ thường trú</b>, quốc tịch, <b>số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác</b> của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>g) Họ, tên, chữ ký của <b>Chủ tịch Hội đồng quản trị</b> và người đại diện theo pháp luật của Công ty;</p> <p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ</p>	<p>3. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>c) Họ, tên, <b>địa chỉ liên lạc</b>, quốc tịch, <b>số giấy tờ pháp lý của cá nhân</b> đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp <b>hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức</b>, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, <b>địa chỉ liên lạc</b>, quốc tịch, <b>số giấy tờ pháp lý của cá nhân</b> đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>g) Họ, tên, chữ ký của <b>Chủ tịch Hội đồng quản trị</b>;</p> <p>5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và</p>	

Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>e) Các vấn đề đã được thông qua;</p> <p>f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.</p> <p>6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.</p>	<p><b>phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</b></p> <p><b>e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</b></p> <p><b>f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.</b></p> <p>6. <b>Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông</b> trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.</p>	
<p><b>Điều 35. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p><b>Điều 35.</b></p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài (nếu thành phần cuộc họp có người nước ngoài) và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p><b>i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</b></p>	<p><b>Điều 37.</b></p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài (nếu thành phần cuộc họp có người nước ngoài) và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p><b>i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu</b></p>	<p>Điều chỉnh lại theo Điều 150 Luật doanh nghiệp 2020</p>



Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều 25 đến Điều 36 Điều lệ này;</p> <p>2. <b>Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung</b> quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.</p> <p>3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ...</p>	<p>1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và <b>Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật doanh nghiệp;</b></p> <p>2. <b>Nội dung</b> nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.</p> <p><b>Bỏ</b></p>	<p>Khoản 3 được chuyển sang Điều 38 Điều lệ Công ty</p>
		<p><b>Điều 39. Hiệu lực của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.</p> <p>2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 38 của Điều lệ này,</p>	<p>Bổ sung thêm theo Điều 152 Luật doanh nghiệp</p>

Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
		nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.	
<p><b>Điều 37. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</b></p>	<p><b>Điều 37.</b>  2. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:  e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định <b>tại khoản 1 Điều 20 của Điều lệ này;</b>  g) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị <b>bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản</b> được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định <b>tại điểm f khoản 2 Điều 25, và điểm h khoản 2 Điều 37, và Khoản 1 và Khoản 3 Điều 49 của Điều lệ này;</b>  m) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;  3. Hội đồng quản trị <b>thông qua quyết định</b> bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.</p>	<p><b>Điều 40.</b>  2. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:  e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định <b>tại khoản 1 và khoản 2 Điều 21 của Điều lệ này;</b>  g) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị <b>từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản</b> trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định <b>tại điểm f khoản 2 Điều 26, và điểm h khoản 2 Điều 40, và Khoản 1 và Khoản 3 Điều 53 của Điều lệ này;</b>  m) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;  3. Hội đồng quản trị <b>thông qua nghị quyết, quyết định</b> bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.</p>	<p>Điều chỉnh lại theo Điều 153 Luật doanh nghiệp 2020</p>

Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>4. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. <b>Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.</b></p>	<p>4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. <b>Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.</b></p>	
<p><b>Điều 38. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị</b></p>	<p><b>Điều 38.</b> 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế;</p>	<p><b>Điều 41.</b> 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	<p>Điều chỉnh lại theo Điều 154 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p><b>Điều 39. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị</b></p>	<p><b>Điều 39.</b> 1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;</p>	<p><b>Điều 42.</b> 1. Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Điều chỉnh lại theo Điều 155 Luật doanh nghiệp</p>



Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>3. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác.</p> <p>4. Đối với Công ty con mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thì thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ.</p>	<p>3. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác, <b>trừ trường hợp pháp luật doanh nghiệp và pháp luật chứng khoán có quy định khác.</b></p> <p>4. Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 của Luật doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.</p>	
<p><b>Điều 40. Chủ tịch Hội đồng quản trị</b></p>	<p><b>Điều 40.</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm Tổng Giám đốc Công ty.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:</p> <p>b) Chuẩn bị hoặc tổ chức chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;</p>	<p><b>Điều 43.</b></p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm Tổng Giám đốc Công ty.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p>	<p>Điều chỉnh lại theo Điều 156 Luật doanh nghiệp</p>



Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>d) Giám sát quá trình tổ chức <b>thực hiện các nghị quyết</b> của Hội đồng quản trị;</p> <p>e) <b>Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;</b></p> <p>3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. <b>Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.</b></p>	<p>d) Giám sát quá trình tổ chức <b>thực hiện các nghị quyết, quyết định</b> của Hội đồng quản trị;</p> <p>e) <b>Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</b></p> <p>3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. <b>Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</b></p>	

Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>4. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:...</p> <p>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	<p>4. Khi xét thấy cần thiết, <b>Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty.</b> Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:...</p> <p>5. <b>Bỏ</b></p>	
<p><b>Điều 41. Cuộc họp Hội đồng quản trị</b></p>	<p><b>Điều 41.</b></p> <p>1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì tiến hành bầu lại trong số họ theo nguyên tắc đa số để chọn người có số phiếu cao nhất để triệu tập cuộc họp.</p> <p>2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác.</p>	<p><b>Điều 44.</b></p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.</p>	<p>Điều chỉnh lại theo Điều 157 Luật doanh nghiệp</p>

Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây: a) Có đề nghị của Ban kiểm soát <b>hoặc thành viên độc lập</b>; d) Các trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.</p> <p>5. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp Hội đồng quản trị <b>trong thời hạn 7 (bảy) ngày</b>, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định <b>tại Khoản 4</b> Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 3 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp</p>	<p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a) Có đề nghị của Ban kiểm soát; <b>d) Bỏ</b></p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị <b>trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc</b> kể từ ngày nhận được đề nghị quy định <b>tại khoản 3</b> Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo</p>	



Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>cả bằng tiếng nước ngoài (<i>nếu cần thiết</i>), có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;</p> <p>h) <b>Các vấn đề đã được thông qua;</b></p> <p>i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.</p> <p><b>Chủ tọa và người ghi biên bản phải</b> chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.</p>	<p>thêm bằng tiếng nước ngoài (<i>nếu cần thiết</i>), bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp <b>và cách thức dự họp;</b> họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;</p> <p>h) <b>Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</b></p> <p>i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.</p> <p><b>Trưởng hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải</b> chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.</p>	
<p><b>Điều 43. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT</b></p>	<p><b>Điều 43</b></p> <p>2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p><b>Điều 46</b></p> <p>2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. <b>Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin thực hiện theo quy định của Công ty.</b></p>	<p>Điều chỉnh lại theo Điều 159 Luật Doanh nghiệp</p>

Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
<p><b>Điều 44. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT</b></p>	<p><b>Điều 44. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT</b></p> <p><b>1. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:</b></p> <p>a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại <b>Điều 39</b> của Điều lệ này.</p> <p>b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong <b>06 (sáu)</b> tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c) Có đơn xin từ chức;</p> <p><b>2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</b></p> <p><b>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</b></p>	<p><b>Điều 47. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT</b></p> <p><b>1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</b></p> <p>a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại <b>Điều 42</b> của Điều lệ này.</p> <p>b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p><b>2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nếu thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</b></p> <p>3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.</p> <p><b>4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</b></p>	<p>Điều chỉnh lại theo Điều 160 Luật doanh nghiệp</p>

Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 134 của Luật này.</p> <p><b>Trường hợp khác</b>, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.</p>	<p>b) Bỏ</p> <p>b) <b>Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này</b>, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.</p>	<p>Bỏ vì mô hình hoạt động của Hanel đã có Ban kiểm soát</p>
<p><b>Điều 45. Tổng giám đốc công ty</b></p>	<p><b>Điều 45.</b></p> <p>4. Tiêu chuẩn và điều kiện Tổng Giám đốc:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định <b>tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;</b></li> <li>- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty, cụ thể: Tốt nghiệp đại học trở lên, có kinh nghiệm làm công việc quản lý, điều hành trong lĩnh vực hành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty, có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, hiểu biết pháp luật;</li> <li>- Đối với công ty con của công ty có phần vốn góp, cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thì ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, Tổng Giám đốc <b>không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ,</b></li> </ul>	<p><b>Điều 48.</b></p> <p>4. Tiêu chuẩn và điều kiện Tổng Giám đốc:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không thuộc đối tượng quy định <b>tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;</b></li> <li>- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty, cụ thể: Tốt nghiệp đại học trở lên, có kinh nghiệm làm công việc quản lý, điều hành trong lĩnh vực hành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty, có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, hiểu biết pháp luật;</li> <li>- <b>Không được là người có quan hệ gia đình của Người quản lý công ty, Kiểm soát viên của công ty, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty;</b></li> </ul>	<p>Điều chỉnh lại theo Điều 101, 162 Luật doanh nghiệp</p>





Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p><b>cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu</b> của người quản lý công ty mẹ và người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty đó;</p> <p>- Các quy định khác theo qui định của Pháp luật.</p> <p>5. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	<p>- Các quy định khác theo qui định của Pháp luật.</p> <p>5. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và/hoặc Hội đồng quản trị;</p>	
<p><b>Điều 46. Thủ lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc</b></p>	<p><b>Điều 46. Thủ lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc</b></p> <p>1. Công ty có quyền trả thủ lao, tiền lương và lợi ích khác cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật.</p> <p>2. Thủ lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc được trả theo quy định sau đây:</p> <p>a) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng.</p>	<p><b>Điều 49. Thủ lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc</b></p> <p>1. Công ty có quyền trả thủ lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, trả lương, thưởng cho Tổng giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.</p> <p>2. Thủ lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc được trả theo quy định sau đây:</p> <p>a) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thủ</p>	<p>Điều chỉnh lại theo Điều 163 Luật doanh nghiệp</p>

Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>Thù lao công việc được tính theo nhiệm vụ đảm nhận, số ngày công làm việc và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của mỗi thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;</p> <p>c) Tổng Giám đốc được trả lương và tiền thưởng và các chi phí khác phục vụ cho công tác quản lý Công ty do Hội đồng quản trị quyết định.</p> <p>3. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương và các chi phí khác của Tổng Giám đốc và người quản lý khác được tính vào Công ty theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	<p>lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;</p> <p>c) <b>Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng, do Hội đồng quản trị quyết định.</b></p> <p>3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	
<p><b>Điều 47. Công khai các lợi ích liên quan</b></p>	<p><b>Điều 47</b></p> <p>1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và các giao dịch tương ứng của họ với Công ty;</p>	<p><b>Điều 50</b></p> <p>1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty theo quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật doanh nghiệp và các hợp</p>	<p>Điều chỉnh lại theo Điều 164 Luật doanh nghiệp</p>

Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
<p><b>Điều 48. Trách nhiệm của người quản lý công ty</b></p>	<p><b>Điều 48</b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có các nghĩa vụ sau đây:</p> <p>d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.</p>	<p>đồng, giao dịch tương ứng của họ với công ty;</p> <p>3. Việc kê khai quy định tại <b>Khoản 2 Điều 47 Điều lệ</b> này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.</p> <p><b>Điều 51</b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có các nghĩa vụ sau đây:</p> <p>d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 50 của Điều lệ này;</p> <p>e) Thực hiện việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi</p>	<p>Điều chỉnh lại và bổ sung thêm theo Điều 165 Luật doanh nghiệp</p>

Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
		<p>thường toàn bộ thiệt hại cho công ty và bên thứ ba.</p> <p><b>Điều 52. Quyền khởi kiện đối với thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc</b></p> <p>1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho công ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Vi phạm trách nhiệm của người quản lý công ty theo quy định tại Điều 51 của Điều lệ;</p> <p>b) Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao;</p> <p>c) Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường</p>	<p>Bổ sung thêm theo Điều 166 Luật Doanh nghiệp</p>

Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
		<p>hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh công ty được tính vào chi phí của công ty, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện.</p> <p>3. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.</p>	
<p><b>Điều 49. Hợp đồng, giao dịch phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận</b></p>	<p><b>Điều 49</b></p> <p>1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:</p> <p><b>c) Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 159 của Luật Doanh nghiệp.</b></p> <p>2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất đối với các đối tượng như khoản 1 Điều này. Trong trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội</p>	<p><b>Điều 53</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan sau đây:</p> <p><b>c) Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật doanh nghiệp.</b></p> <p>2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội</p>	<p>Điều chỉnh lại theo Điều 167 Luật doanh nghiệp</p>

Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo <b>trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên</b> có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch <b>được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định khác.</b></p>	<p>đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; <b>thành viên Hội đồng quản trị</b> có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:</p> <p>a) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p><b>b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.</b></p> <p>4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình</p>	

Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Khoản 2 và 3 Điều này. Người đại diện theo pháp luật của Công ty, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.</p>	<p>về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 148 của Luật doanh nghiệp.</p> <p>5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.</p> <p>6. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.</p>	
<p><b>Điều 50. Cơ cấu tổ chức của Ban kiểm soát</b></p>	<p><b>Điều 50</b></p> <p>2. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.</p>	<p><b>Điều 54</b></p> <p>2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn</p>	<p>Điều chỉnh lại theo Điều 168 Luật doanh nghiệp</p>



Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p><b>Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.</b></p>	<p>một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. <b>Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</b></p>	
<p><b>Điều 51. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên</b></p>	<p><b>Điều 51</b></p> <p>1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;</p> <p>b) <b>Không phải là vợ hoặc chồng, cha, mẹ đẻ hoặc cha, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;</b></p> <p>2. <b>Kiểm soát viên Công ty cổ phần niêm yết, Công ty do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.</b></p>	<p><b>Điều 55</b></p> <p>1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p><b>a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;</b></p> <p><b>b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;</b></p> <p><b>c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;</b></p> <p>2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, nếu Công ty là công ty đại chúng, doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật doanh</p>	<p>Sắp xếp lại thứ tự các Điều. Điều chỉnh lại theo Điều 169 Luật doanh nghiệp</p>



Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
		<p>nghiệp, Kiểm soát viên không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty.</p>	
<p><b>Điều 52. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</b></p>	<p><b>Điều 52</b>  3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định <b>tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này.</b></p>	<p><b>Điều 56</b>  3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. <b>Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.</b></p> <p>5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định <b>tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này.</b></p>	<p>Điều chỉnh lại theo Điều 170 Luật doanh nghiệp</p>



Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này,...</p> <p>8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p>	<p>6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này,...</p> <p>8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p>	
<p><b>Điều 53. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát</b></p>	<p><b>Điều 53</b></p> <p>1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p><b>Điều 57</b></p> <p>1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:</p> <p>a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;</p> <p>b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành.</p>	<p>Điều chỉnh lại theo Điều 171 Luật doanh nghiệp</p>
<p><b>Điều 54. Tiền lương và</b></p>	<p><b>Điều 54. Tiền lương và quyền lợi khác của kiểm toán viên</b></p>	<p><b>Điều 58. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của kiểm toán viên</b></p>	<p>Điều chỉnh lại theo Điều 172 Luật doanh nghiệp</p>

Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
quyền lợi khác của kiểm toán viên	1. Kiểm soát viên được <b>trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác</b> theo quy định của Đại hội đồng cổ đông. <b>Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao</b> và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát;	1. Kiểm soát viên được <b>trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác</b> theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. <b>Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác</b> và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát;	
<b>Điều 55. Trách nhiệm của kiểm soát viên</b>	<b>Điều 55.</b> 5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các Khoản 1,2,3, 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. <b>Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên phải hoàn trả cho Công ty.</b>  6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì <b>Hội đồng quản trị</b> phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.	<b>Điều 59</b> 5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. <b>Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho công ty.</b>  6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.	Điều chỉnh lại theo Điều 173 Luật doanh nghiệp
<b>Điều 56. Miễn nhiệm và bãi nhiệm kiểm soát viên</b>	<b>Điều 56.</b> 1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây: <b>a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát</b> theo quy	<b>Điều 60</b> <b>1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm</b> Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây: a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định <b>tại Điều 169 của Luật doanh nghiệp;</b>	Điều chỉnh lại theo Điều 174 Luật doanh nghiệp

Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>định tại Điều 164 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p><b>b) Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</b></p> <p>2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <p><b>b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;</b></p> <p><b>c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</b></p>	<p><b>2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:</b></p> <p><b>b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</b></p> <p><b>c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</b></p> <p><b>d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</b></p>	
<p><b>Điều 61. Quyết toán và kế hoạch tài chính</b></p>	<p><b>Điều 61</b></p> <p>Hàng năm, sau khi kết thúc năm tài chính, chậm nhất là 4 tháng (bốn tháng). <b>Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn</b>, nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính (<b>theo Điều 136 khoản 2 Luật Doanh nghiệp</b>). Chủ tịch Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường kỳ về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, quyết toán tài chính cả năm và dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh và tài chính cho năm tiếp theo.</p>	<p><b>Điều 65</b></p> <p>Hàng năm, sau khi kết thúc năm tài chính, chậm nhất là 4 (bốn) tháng. <b>Trong trường hợp cần thiết Hội đồng quản trị quyết định gia hạn</b>, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính (<b>theo khoản 2 Điều 139 Luật Doanh nghiệp</b>). Chủ tịch Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường kỳ về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, quyết toán tài chính cả năm và dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh và tài chính cho năm tiếp theo.</p>	<p>Cập nhật lại theo sửa đổi tại khoản 2 Điều 139 Luật Doanh nghiệp</p>

Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
<b>Điều 65. Giải thể</b>	<p><b>Điều 65</b>            Công ty Cổ phần Hanel chỉ giải thể trong các trường hợp sau:            2. Công ty không đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của luật doanh nghiệp trong thời hạn 06 tháng liên tục;</p> <p>3. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy phép chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p>	<p><b>Điều 69</b>            Công ty Cổ phần Hanel chỉ giải thể trong các trường hợp sau:            2. Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của luật doanh nghiệp trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;            3. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật quản lý thuế có quy định khác.            Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài. Người quản lý có liên quan và Công ty quy định tại khoản 3 Điều này cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của doanh nghiệp.            Trình tự, thủ tục giải thể thực hiện theo đúng quy định tại Điều 208 Luật Doanh nghiệp</p>	<p>Sắp xếp lại thứ tự các Điều. Điều chỉnh lại theo Điều 207, 208 Luật Doanh nghiệp</p>
<b>Điều 68. Điều khoản thi hành</b>	<p><b>Điều 68</b>            Công ty chính thức thành lập và hoạt động sau khi hoàn tất các thủ tục sau đây:            2. <b>Đại hội đồng cổ đông thành lập đã phê chuẩn bản Điều lệ này.</b></p>	<p><b>Điều 72</b>            Công ty chính thức thành lập và hoạt động sau khi hoàn tất các thủ tục sau đây:            2. <b>Đại hội đồng cổ đông đã phê chuẩn bản Điều lệ này.</b></p>	<p>Điều chỉnh lại để phù hợp thực tế</p>
<b>Điều 69. Con dấu</b>	<b>Điều 69</b>	<b>Điều 73</b>	

Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>1. Doanh nghiệp có quyền quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp. Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin sau đây:</p> <p>a) Tên doanh nghiệp;</p> <p>b) Mã số doanh nghiệp.</p> <p>2. Người đại diện theo Pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng con dấu theo quy định hiện hành của Nhà nước và Quy chế của Công ty.</p>	<p>1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</p> <p>2. <b>Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị khác của doanh nghiệp.</b></p> <p>3. Việc quản lý và lưu giữ dấu thực hiện theo quy định của Quy chế do Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc đơn vị khác của Công ty có dấu ban hành. Doanh nghiệp sử dụng dấu trong các giao dịch theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Điều chỉnh lại theo Điều 43 Luật doanh nghiệp</p>
<p><b>Điều 71. Báo cáo hàng năm</b></p>	<p><b>Điều 71</b></p> <p>1. Khi kết thúc năm tài chính, <b>Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo về tài liệu sau đây:</b></p> <p>d) Các báo cáo khác theo quy định của Pháp luật.</p> <p>3. Các báo cáo và tài liệu quy định tại <b>Khoản 1 Điều này</b> phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất ba mươi ngày trước ngày khai mạc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p><b>Điều 75</b></p> <p>1. Kết thúc năm tài chính, <b>Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:</b></p> <p><b>d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.</b></p> <p>e) Các báo cáo khác theo quy định của Pháp luật.</p> <p>3. <b>Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này</b> phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p> <p>4. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban</p>	<p>Điều chỉnh lại theo Điều 175 Luật doanh nghiệp</p>

Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>4. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị, báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty và chi nhánh <b>chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày khai mạc</b> họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty <b>chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc</b> cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. <b>Cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.</b></p>	
<p><b>Điều 72. Công khai thông tin về công ty cổ phần</b></p>	<p><b>Điều 72. Công khai thông tin về công ty cổ phần</b></p> <p>1. Công ty phải gửi báo cáo tài chính 6 tháng, báo cáo năm, các báo cáo giám sát và thực hiện công khai thông tin theo quy định gửi đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật.</p> <p>2. Tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hằng năm phải được thông báo đến tất cả cổ đông.</p> <p>3. Mọi tổ chức, cá nhân đều có quyền xem xét hoặc sao chép báo cáo tài chính hằng năm của Công ty cổ phần tại cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền.</p>	<p><b>Điều 76. Công khai thông tin</b></p> <p>1. Công ty phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và quy định khác của pháp luật có liên quan.</p> <p>2. Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của mình thông tin sau đây:</p> <p>a) Điều lệ công ty;</p> <p>b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc công ty;</p> <p>c) Báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p>	<p>Điều chỉnh lại theo Điều 176 Luật doanh nghiệp</p>



Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
		<p>d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</p> <p>3. Công ty không phải là công ty niêm yết phải thông báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi công ty có trụ sở chính chậm nhất là 03 ngày làm việc sau khi có thông tin hoặc có thay đổi các thông tin về họ, tên, quốc tịch, số Hộ chiếu, địa chỉ liên lạc, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là cá nhân nước ngoài; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là tổ chức nước ngoài và họ, tên, quốc tịch, số Hộ chiếu, địa chỉ liên lạc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài.</p> <p>4. Công ty đại chúng thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Công ty theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 công bố, công khai thông tin theo quy định tại các điểm a, c, đ và g khoản 1 Điều 109 và Điều 110 của Luật doanh nghiệp.</p>	
<b>Điều 74. Hiệu lực của Điều lệ</b>	<b>Điều 74</b> 1. Bản Điều lệ này gồm 7 (bảy) chương, 74 (bảy mươi bốn) Điều ....	<b>Điều 78</b> 1. Bản Điều lệ này gồm 7 (bảy) chương, 78 (bảy mươi tám) Điều ....	